



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

CÁC QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

CÁC QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM

ĐẶNG TRƯỜNG
(Biên soạn)

CÁC QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM

NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

Hà Nội - 2018

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

LÊ MẠNH HÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng

Q. Giám đốc - Tổng Biên tập

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

NGUYỄN ĐỨC TÀI

NGUYỄN NGUYỄN

NGUYỄN HOÀI ANH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trải qua nhiều năm lịch sử của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, hàng triệu trẻ em trên thế giới bị đẩy vào hoàn cảnh khốn cùng chưa từng có. Quá trình công nghiệp hóa ở châu Âu cũng là một nhân tố chính dẫn đến tình trạng bóc lột sức lao động trẻ em diễn ra phổ biến thời bấy giờ. Đứng trước nguy cơ trẻ em bị xâm hại nhiều mặt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tương lai của loài người, một tổ chức cứu trợ đã được thành lập ở Anh và Thụy Điển vào năm 1919. Năm 1924, Tuyên bố Giơnevơ được Hội quốc liên thông qua đánh dấu những bước đi đầu tiên trong bảo vệ quyền trẻ em trên thế giới. Mặc dù vậy, phải đến năm 1989, bằng sự vận động tích cực của một số quốc gia, Liên hợp quốc mới thông qua Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á, là nước thứ hai trên thế giới đã phê chuẩn Công ước này vào ngày 20-2-1990. Lần đầu tiên trong lịch sử, một văn bản quốc tế đề cập toàn diện các vấn đề về quyền trẻ em theo hướng tiến bộ, bình đẳng và mang tính pháp lý cao. Đây là cơ sở cho việc thúc đẩy chăm sóc và bảo vệ các quyền trẻ em trên thế giới trong đó có Việt Nam. Đồng thời, Việt Nam cũng ban hành các văn bản pháp luật quy định cụ thể về quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em.

Nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Các quyền cơ bản của trẻ em*** do tác giả Đặng Trường biên soạn. Cuốn sách đề cập lịch sử phát triển của bảo vệ quyền trẻ em trên thế giới và Việt Nam, từ đó, phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em hiện nay. Thêm vào đó, tác giả cũng đưa ra những nhận định cụ thể trong việc nhìn nhận vai trò của mỗi cá nhân, tổ chức trong công cuộc bảo vệ quyền trẻ em ở Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc

Tháng 10 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

“Một đứa bé không phải là một chiếc lọ hoa để đổ đầy mà là một ngọn lửa cần được thắp sáng” - Rabelais từng nói. Thế giới có ngập tràn niềm vui hay là chìm trong nỗi đau phụ thuộc vào cách đối xử của xã hội đối với trẻ em. Một khi có điều kiện tốt để phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần, được giáo dục về tình yêu thương nhân loại, hằng ngày được chứng kiến những hành động nhân văn thì không có lý nào trẻ em lại đem đến một màu buồn cho xã hội. Ngược lại, “những chủ nhân tương lai” lớn lên trong đói, lạnh... hay lớn lên trong sự quen thuộc của tiếng súng đạn chiến tranh thì đương nhiên không thể phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Tác động của cuộc sống tới trẻ em là tác động sâu sắc và có ảnh hưởng rất lớn đối với nhân cách của trẻ sau này. Vì vậy, chúng ta không chỉ phải tạo điều kiện cho trẻ em phát triển đầy đủ về thể chất mà còn cần xây dựng một môi trường lành mạnh cho sự phát triển nhân cách của trẻ. Trước đây, ý thức về quyền của trẻ em chưa được chú trọng. Chẳng hạn, từ thế kỷ XIV,

khi châu Âu bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hàng loạt trẻ em buộc phải lao động dưới hầm mỏ. Số phận của trẻ em ngày càng bi đát khi Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, đẩy trẻ em vào tình cảnh khốn khổ cả về thể chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, thời kỳ đó không có những điều ước hay luật quốc tế điều chỉnh vấn đề quyền trẻ em. Cho tới tận năm 1923 mới có *Hiến chương về quyền trẻ em*. Và sau này, “vào ngày 26-9-1924 Hội quốc liên mới thông qua *Tuyên ngôn Gionevơ về quyền trẻ em*; Tuyên ngôn gồm 5 điểm (do Hiệp hội quốc tế các quỹ cứu trợ trẻ em khởi thảo dựa trên *Hiến chương về quyền trẻ em*). Kể từ đây quyền trẻ em đã trở thành một khái niệm được khẳng định và thừa nhận”¹.

Phải trải qua một thời gian khá dài, vấn đề trẻ em mới được nhận thức rõ: đó là trẻ em là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tương lai nhân loại, trẻ em không chỉ là nhóm người dễ bị tổn thương, cần được quan tâm mà ý kiến và sự tham gia đóng góp của trẻ em còn đóng vai trò đáng kể trong tiến trình phát triển bền vững của thế giới.

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 ra

1. Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam: *Hỏi - đáp về Công ước quyền trẻ em*, http://www.nfvc.org.vn/kien-thuc-tre-em/hoi-dap-ve-cong-uoc-quyen-tre-em_t114c77n477#.W5pyWh_gLIU.

đòi, được sự đồng tình và phê chuẩn của hàng loạt các quốc gia trên thế giới cho thấy, đây là vấn đề cấp thiết đối với sự phát triển của mỗi quốc gia nói riêng và toàn thế giới nói chung.

Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989 vào ngày 20-2-1990.

Từ đó đến nay, mặc dù còn nhiều khó khăn, Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc đưa tinh thần và nội dung của Công ước vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và luật pháp quốc gia, thể hiện qua nhiều bộ luật, luật được ban hành, sửa đổi, bổ sung nhằm bảo vệ quyền trẻ em như *Luật Trẻ em* năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 (tiên thân là *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em* năm 2004), *Luật Giáo dục* năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014, 2015, *Bộ luật Lao động* năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2015, *Bộ luật Dân sự* năm 2015, *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015...

Cuốn sách này nhằm giúp độc giả hiểu rõ *quyền trẻ em* là những đặc quyền tự nhiên mà các em được hưởng, được làm, được tôn trọng và thực hiện, là biện pháp bảo đảm cho các em không phải là những người tiếp thu thụ động tình thương hay lòng tốt của bất cứ ai, mà trở thành chủ thể của quyền, từ đó nâng cao nhận thức về quyền trẻ em, phòng, chống thương tích, tăng cường tiếng nói và

khả năng tự đại diện của các em, giúp cộng đồng và chính quyền địa phương nâng cao nhận thức về quyền trẻ em và củng cố các cơ chế hiện có để bảo vệ trẻ em khỏi bị ngược đãi, lãng quên, bóc lột, tránh nguy cơ thương tích và các mối nguy hiểm trong xã hội, đưa ra chính sách hỗ trợ phát triển đầy đủ và lành mạnh cho trẻ em.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

TÁC GIẢ

I. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ QUYỀN TRẺ EM

1. Khái niệm quyền

Tri thức về quyền con người có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển và tiến bộ của nhân loại đồng thời là tiền đề cho sự phát triển đầy đủ về nhân cách và năng lực của mỗi cá nhân, là cơ sở cho hòa bình và thịnh vượng trên toàn thế giới.

Tầm quan trọng của tri thức về quyền con người và vai trò của giáo dục trong việc phổ biến tri thức này đã được Liên hợp quốc khẳng định trong *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền* năm 1948. Một trong những mục tiêu của giáo dục là hướng tới và đạt được “sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản”¹.

Giáo dục nhằm thúc đẩy sự tôn trọng quyền con người còn được đề cao trong nhiều văn kiện quốc tế khác của Liên hợp quốc như *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa* năm 1966, *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*

1. Khoản 2 Điều 26 *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền* năm 1948.

năm 1989, *Tuyên bố Viên* và *Chương trình hành động* tại Hội nghị thế giới về nhân quyền tổ chức tại Viên (Áo) năm 1993...

Gần 50 định nghĩa về quyền con người đã được công bố, trong đó mỗi định nghĩa tiếp cận vấn đề từ một góc độ nhất định, chỉ ra những thuộc tính nhất định, nhưng không định nghĩa nào bao hàm được tất cả các thuộc tính của quyền con người do sự nhìn nhận chủ quan của mỗi cá nhân.

Riêng định nghĩa của Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người thường được các nhà nghiên cứu trích dẫn. Theo định nghĩa này, quyền con người là *những bảo đảm pháp lý toàn cầu* có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc, làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người.

Ngoài định nghĩa trên, còn một định nghĩa cũng thường được trích dẫn: quyền con người là những sự được phép mà tất cả thành viên của cộng đồng nhân loại, không phân biệt giới tính, chủng tộc, tôn giáo, địa vị xã hội... đều có ngay từ khi sinh ra, đơn giản chỉ vì họ là con người.

Ở Việt Nam, định nghĩa về quyền con người do một số chuyên gia, cơ quan nghiên cứu nêu ra không hoàn toàn giống nhau, nhưng nhìn chung, quyền con người thường được hiểu là *những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của*

con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế¹.

Như vậy, quyền con người là những chuẩn mực được cộng đồng quốc tế thừa nhận và tuân thủ, là kết tinh những giá trị nhân văn của nhân loại. Dù cách nhìn nhận có những khác biệt nhất định, *quyền con người là những giá trị cao cả cần được tôn trọng và bảo vệ trong mọi xã hội và mọi giai đoạn lịch sử.*

Trong mỗi xã hội, quyền là những đòi hỏi cơ bản và chính đáng của một con người phải được hưởng hoặc có thể được làm. Đó là quyền được công nhận về mặt pháp lý, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ buộc người khác phải tôn trọng, bảo vệ và đáp ứng. Mỗi người đòi hỏi quyền cho bản thân và những người khác cũng vậy.

Vì thế, mọi thành viên trong cộng đồng và xã hội đều có nghĩa vụ phải đáp ứng quyền tương ứng.

Đòi hỏi đáp ứng hay tôn trọng một quyền nào đó của bản thân; cũng có nghĩa là phải có nghĩa vụ không làm bất cứ việc gì dẫn đến xâm phạm, lấy bớt hoặc tước đi quyền của người khác.

Quyền trẻ em chính là quyền con người, là các

1. Hoàng Lan Anh: *Bảo đảm quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam* - Luận văn thạc sĩ, 2014, <http://www.fdv.vn/wp-content/uploads/2017/08/Luan-van-Bao-ve-quyen-con-nguoi-theo-Hien-phap-Viet-Nam.pdf>.

quyền của trẻ em, được xây dựng dựa trên nhu cầu và đặc điểm của trẻ, nhằm bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ với các thuộc tính:

- Bất khả xâm phạm;
- Áp dụng bình đẳng với tất cả mọi trẻ em;
- Liên quan với nhau và không thể tách rời, quyền phải đi đôi với trách nhiệm.

2. Vấn đề trẻ em trong lịch sử phát triển của nhân loại

Ngay từ thế kỷ XIV, XV ở châu Âu đã có những tổ chức cộng đồng hoạt động trên lĩnh vực bảo vệ trẻ em, tiêu biểu là Bệnh viện Spedan Digerli Innosanti ở Floren (Italia). Thời kỳ này, quá trình công nghiệp hóa ở châu Âu kéo theo tình trạng bóc lột sức lao động trẻ em một cách phổ biến. Thêm vào đó, Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) đã đẩy hàng triệu trẻ em trên thế giới vào hoàn cảnh cùng khổ. Vì vậy, năm 1919, một số tổ chức cứu trợ trẻ em được thành lập ở Anh và Thụy Điển.

Những năm tiếp theo, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã ban hành một số công ước nhằm bảo vệ trẻ em trong các lĩnh vực lao động, việc làm và bảo trợ xã hội. Tuy nhiên, những văn kiện thời kỳ đó chưa đặt vấn đề dưới góc độ “quyền” trẻ em.

Năm 1923, Eglantyne Jebb soạn thảo *Hiến chương về quyền trẻ em* và chỉ đến năm 1924,

khái niệm quyền trẻ em được khẳng định và thừa nhận trong bản *Tuyên ngôn Giơnevơ về quyền trẻ em* do Hội quốc liên thông qua (Tuyên ngôn này do Hiệp hội quốc tế các quỹ cứu trợ trẻ em khởi thảo dựa trên *Hiến chương về quyền trẻ em*)¹.

Ngày 11-12-1946, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) một quỹ cứu tế được thành lập với tôn chỉ, mục đích ban đầu của tổ chức này là giúp trẻ em châu Âu gặp hoàn cảnh khó khăn sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Năm 1948, Liên hợp quốc thông qua *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền*, trong đó khẳng định trẻ em cũng là chủ thể bình đẳng của các quyền con người.

Năm 1953, UNICEF mở rộng tôn chỉ, mục đích của mình hướng tới các mục tiêu: chăm sóc, phục vụ và bảo vệ mọi quyền lợi cho sự phát triển của trẻ em trên toàn thế giới, đặc biệt là trẻ em ở các nước đang phát triển và kém phát triển. Các hình thức giúp đỡ phổ biến là: cung cấp các dịch vụ cơ bản về y tế kể cả thuốc thiết yếu, chăm sóc sức khỏe ban đầu, dinh dưỡng; nước và vệ sinh môi trường, giới và phát triển; các lĩnh vực liên quan đến trẻ em và phụ nữ.

1. Quỹ bảo trợ trẻ em: *Hỏi đáp về Công ước quyền trẻ em*, http://www.nfvc.org.vn/kien-thuc-tre-em/hoi-dap-ve-cong-uoc-quyen-tre-em_t114c77#.W5pyWh_gLIU.

Đặc biệt, UNICEF còn tham gia các hoạt động cứu trợ khẩn cấp. Mọi hỗ trợ của UNICEF tập trung vào các chương trình của cộng đồng với sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho trẻ em ở khắp mọi nơi trên thế giới. UNICEF trở thành một bộ phận thường trực của Liên hợp quốc - bắt đầu chiến dịch bài trừ bệnh yaws, một chứng bệnh tàn phá cơ thể hàng trăm triệu trẻ em nhưng có thể chữa bằng thuốc penicillin.

Năm 1959, Liên hợp quốc thông qua bản Tuyên ngôn thứ hai, phát triển nội dung của *Tuyên ngôn Giơnevơ* năm 1924. Tuyên ngôn này đề cập quyền trẻ em: mọi trẻ em có quyền được bảo vệ, giáo dục, chăm lo sức khỏe, chỗ ở và dinh dưỡng.

Năm 1961, UNICEF đưa ra chương trình giáo dục, thúc đẩy và giúp đỡ các quốc gia về vấn đề giáo dục trẻ em.

Năm 1965, UNICEF được trao giải Nobel Hòa bình vì đã khích lệ tình thương và sự tương trợ giữa các quốc gia.

Năm 1979, năm quốc tế thiếu nhi. Công việc soạn thảo *Công ước về quyền trẻ em* bắt đầu tiến hành.

Năm 1981, UNICEF đưa ra chương trình vận động nuôi con bằng sữa mẹ nhằm làm giảm một số chứng bệnh ở trẻ em.

Năm 1982, UNICEF phát động phong trào “Cách mạng về sự sống còn và phát triển của trẻ em”

dựa trên bốn nguyên tắc: theo dõi sức lớn của trẻ, nước uống, sữa mẹ và tiêm ngừa miễn nhiễm.

Năm 1987, UNICEF tiến hành nghiên cứu “Thay đổi kinh tế và bộ mặt nhân loại” khiến thế giới phải lưu tâm đến vấn đề bảo vệ phụ nữ và trẻ em, đối phó với các tác hại của thay đổi kinh tế tại các quốc gia nghèo.

Các nỗ lực của UNICEF đã dẫn tới Hội nghị thượng đỉnh thế giới về trẻ em được Liên hợp quốc tổ chức vào tháng 9-1990 và tháng 5-2002 tại New York với sự tham gia của nhiều nước và sự hiện diện của các nguyên thủ quốc gia. Hội nghị thượng đỉnh thế giới về trẻ em tháng 9-1990 đã nhất trí thông qua 27 mục tiêu về y tế, giáo dục và phúc lợi cho trẻ em và phụ nữ. Nội dung chính của các mục tiêu này là¹:

- Giảm 1/3 tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi.
- Giảm 1/2 tỷ lệ tử vong của các bà mẹ.
- Giảm 1/2 tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi.
- Bảo đảm đa số người dân nông thôn được tiếp cận nước sạch.
- Phổ cập giáo dục cơ bản; hoàn thành 80%

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam - Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/ctc_quocte/un/nr040819155753/nr060928111253/ns070731090359.

giáo dục cấp tiểu học cho trẻ em ở độ tuổi đến trường.

Cùng với sự phát triển lịch sử, vấn đề lao động trẻ em trở thành vấn đề nghiêm trọng, nhức nhối ở nhiều nơi trên thế giới. Do đó, vấn đề quyền trẻ em đã được đặt ra. Với sự nỗ lực của các quốc gia, *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* được thông qua và ký kết ngày 20-11-1989, còn gọi là *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989, có hiệu lực từ ngày 2-9-1990.

Công ước đề nghị cho các quốc gia tham gia ký kết, phê chuẩn và gia nhập. Ngoài Lời nói đầu, nội dung của Công ước gồm 3 phần với 54 điều khoản, bao quát được tất cả những khía cạnh liên quan đến quyền trẻ em và xác định rõ nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo đảm quyền trẻ em, mối quan hệ giữa trẻ em và quyền con người nói chung.

Lần đầu tiên, vấn đề “trẻ em” được xác định, làm cơ sở cho việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền trẻ em trên thực tế. Một tập hợp các quyền trẻ em trên tất cả các lĩnh vực (mà rất nhiều quyền chưa được đề cập ở các văn kiện trước đó) đã được Công ước ghi nhận, bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ, chăm sóc một cách có hiệu quả; được phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ, tình cảm, đạo đức và xã hội.

Không chỉ đề cập trẻ em nói chung, Công ước

còn đề cập việc bảo vệ quyền của những nhóm trẻ em đặc biệt (tàn tật, lang thang cơ nhỡ, bị ảnh hưởng của xung đột vũ trang...), đồng thời, xác định những biện pháp nhằm xóa bỏ những nguy cơ đang đe dọa nghiêm trọng cuộc sống của nhiều trẻ em như bị lạm dụng tình dục, bóc lột sức lao động, ảnh hưởng của chất ma túy, bị buộc phải tham gia vào các cuộc xung đột vũ trang... Cùng với các điều đó, Công ước còn xác lập một cơ chế quốc tế để giám sát việc thực hiện các quyền trẻ em trên thế giới, tạo điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ. Công ước được coi là văn kiện pháp lý quốc tế cơ bản và toàn diện nhất về quyền trẻ em.

Năm 1996, UNICEF đã thông qua *Tuyên ngôn UNICEF* với nội dung¹:

- Thực hiện mọi chủ trương của Liên hợp quốc về bảo vệ các quyền của trẻ em đồng thời hỗ trợ, đáp ứng những yêu cầu cơ bản của trẻ em.

- Hỗ trợ các quốc gia thực hiện những cam kết về trẻ em do Hội nghị thượng đỉnh về trẻ em của Liên hợp quốc (1990) đề ra.

- Huy động mọi ý chí chính trị và các nguồn lực vật chất nhằm giúp các nước xây dựng năng lực,

1 Bộ Ngoại giao Việt Nam - Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/ctc_quocte/un/nr040819155753/nr060928111253/ns070731090359.

đề ra các chính sách phù hợp để chuyển giao dịch vụ trẻ em tới các hộ gia đình.

- Cam kết bảo vệ những trẻ em gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như trẻ em là nạn nhân của xung đột vũ trang; trẻ em nghèo khó; trẻ em lang thang cơ nhỡ...

- Thông qua các chương trình quốc gia nhằm khuyến khích quyền bình đẳng cho phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời hỗ trợ họ tham gia các hoạt động phát triển kinh tế cũng như chính trị của các quốc gia và cộng đồng. UNICEF hợp tác với tất cả các chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ (NGO's) trong khuôn khổ *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989 nhằm đạt được các mục tiêu về trẻ em do Hội nghị thượng đỉnh về trẻ em (1990) đề ra.

Để thích ứng với điều kiện và hoàn cảnh thế giới mới nhằm phục vụ trẻ em một cách hiệu quả nhất, trong những năm gần đây, UNICEF đã xác định sứ mệnh và trách nhiệm của mình như sau:

- Thực hiện trách nhiệm do Đại hội đồng Liên hợp quốc giao phó là chăm lo bảo vệ các quyền của trẻ em, giúp đỡ đáp ứng các nhu cầu cơ bản của trẻ em và tạo thêm cơ hội giúp trẻ em phát huy đầy đủ tiềm năng của mình.

- Theo *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989, phải phấn đấu thiết lập các quyền của trẻ em như những nguyên tắc đạo lý bền vững

và các chuẩn mực quốc tế trong việc đối xử với trẻ em.

- Nhấn mạnh sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em là những đòi hỏi phát triển toàn cầu gắn liền với sự tiến bộ của con người.

- Động viên ý chí chính trị và nguồn lực vật chất để giúp đỡ các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, bảo đảm phương châm trước tiên cho trẻ em và xây dựng năng lực, đề ra các chính sách phù hợp và cung ứng các dịch vụ cho trẻ em và gia đình của các em.

- Cam kết bảo đảm sự bảo vệ đặc biệt đối với trẻ em chịu thiệt thòi nhất như nạn nhân của chiến tranh, thiên tai, đói nghèo cùng cực, của mọi hình thức bạo lực và bóc lột cũng như trẻ em bị tàn tật.

- Ứng phó trong các trường hợp khẩn cấp để bảo vệ các quyền của trẻ em. Trong việc phối hợp với các đối tác của Liên hợp quốc và các cơ quan nhân đạo, UNICEF dành cho họ những phương tiện đáp ứng nhanh của mình nhằm giảm bớt những đau khổ của trẻ em và thực hiện việc chăm sóc đối với trẻ em.

- UNICEF là một tổ chức không thiên vị và sự hợp tác của UNICEF là không phân biệt đối xử trong mọi hoạt động của mình, dành ưu tiên cho các trẻ em bị thiệt thòi nhất và những nước cần giúp đỡ nhất.

- Thông qua các chương trình quốc gia, thúc đẩy các quyền bình đẳng của phụ nữ và trẻ em gái, hỗ trợ họ tham gia đầy đủ vào sự phát triển chính trị, kinh tế và xã hội của cộng đồng.

- Hợp tác với mọi đối tác để đạt được những mục tiêu phát triển con người bền vững đã được cộng đồng thế giới thông qua cũng như thực hiện triển vọng hoà bình và tiến bộ xã hội được ghi trong Hiến chương của Liên hợp quốc.

Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về trẻ em tháng 5-2002, các nguyên thủ các nước đã nhất trí thông qua bản Tuyên bố và kế hoạch hành động cho thập kỷ tới bằng văn kiện chính của khóa họp mang tên *Một thế giới phù hợp với trẻ em*. Tuyên bố gồm các điểm khẳng định nghĩa vụ phát huy, bảo vệ quyền và phúc lợi của trẻ em và kế hoạch hành động với các mục tiêu chính như sau¹:

- Giảm ít nhất 1/3 tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 5 tuổi để đến năm 2015 giảm được 2/3.

- Giảm ít nhất 1/3 tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan thai sản để đến năm 2015 giảm được 2/3.

- Giảm ít nhất 1/3 tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi.

- Giảm ít nhất 1/3 tỷ lệ các hộ gia đình không được tiếp cận với nước sạch và hố xí hợp vệ sinh.

1 Bộ Ngoại giao Việt Nam - Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/etc_quocte/un/nr040819155753/nr060928111253/ns070731090359.

- Bảo đảm các chính sách phát triển tuổi thơ thông qua các chính sách và chương trình để trẻ em được phát triển cả về thể lực, xã hội, tình cảm và tinh thần.

- Phát triển và thực hiện các chính sách với trẻ vị thành niên.

- Bảo đảm cho mọi trẻ em ở các lứa tuổi phù hợp được tiếp cận hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu và sức khỏe sinh sản.

Khóa họp này không chỉ chú trọng vào cam kết chính trị mà đặt ra yêu cầu cao là phải hành động và thực hiện cam kết.

Tóm lại, từ đầu thế kỷ XX đến nay, một loạt văn kiện quốc tế đã được thông qua, trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập các quyền của trẻ em. Các văn kiện ban đầu hoặc không có tính ràng buộc về nghĩa vụ pháp lý hoặc chưa tiếp cận từ vị thế đặc biệt và chú trọng đến những nhu cầu đặc thù của trẻ em nên tác động trên thực tế rất hạn chế. Mục đích đặt ra là trẻ em phải được sống trong hòa bình, trong xã hội thân ái; cần phải được sự chăm sóc của Nhà nước, xã hội, gia đình và cần có sự bảo vệ về mặt pháp lý. Điều này đặc biệt có ý nghĩa ở những quốc gia đang phát triển.

Năm 1996, báo cáo của Machel: “Tác hại của chiến tranh vũ khí đối với trẻ em” do UNICEF bảo trợ, cảnh báo việc xâm phạm quyền trẻ em.

Năm 2000, để hỗ trợ cho *Công ước quốc tế về*

quyền trẻ em năm 1989, Liên hợp quốc đã thông qua hai Nghị định thư bổ sung, đề cập việc cấm sử dụng trẻ em trong các cuộc xung đột vũ trang, cấm buôn bán, bóc lột mại dâm trẻ em, cấm văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em.

Nhìn chung, từ đầu thế kỷ XX đến nay, các văn kiện quốc tế liên quan đến quyền trẻ em liên tiếp được ban hành. Đây là thành quả đấu tranh liên tục của nhân loại nhằm cải thiện vị thế và cuộc sống trẻ em.

Ngay sau khi *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989 có hiệu lực, Hội nghị thượng đỉnh thế giới về trẻ em đã được tổ chức tại New York từ ngày 29 đến 30-9-1990. Hội nghị thông qua *Tuyên bố thế giới và kế hoạch hành động về sự sống còn, phát triển và bảo vệ trẻ em*, đề cập những thách thức và mục tiêu cụ thể nhằm bảo đảm cuộc sống và các quyền của trẻ em trong giai đoạn 1990 - 2000.

Kết thúc giai đoạn này, nhân loại đã đạt được những kết quả bước đầu nhưng rất to lớn trong việc bảo đảm quyền trẻ em. Bằng các chiến dịch tiêm chủng và phổ biến dùng muối iốt mà hàng năm, gần 3 triệu trẻ em trên thế giới được cứu sống, 75 vạn trẻ em khỏi bị tàn tật về thể chất, 12 triệu trẻ em thoát khỏi nguy cơ mắc bệnh tâm thần. Bằng việc phổ biến dùng nước sạch, vệ sinh môi trường, nuôi con bằng sữa mẹ... mà

hàng năm có hàng chục triệu trẻ em không bị suy dinh dưỡng.

Bằng việc giáo dục, tuyên truyền về quyền trẻ em, nhận thức về vị thế của trẻ em trong các xã hội đã thay đổi. Trẻ em từ chỗ bị xem là đối tượng phụ thuộc, phải chịu sự chi phối hoàn toàn của người lớn đến chỗ được thừa nhận, đối xử với tư cách là những chủ thể của quyền chứ không đơn thuần chỉ là đối tượng của tình thương hay lòng nhân đạo.

So với các điều ước quốc tế nói chung, Điều ước quốc tế về quyền con người nói riêng, *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989 có những điểm nổi bật sau:

- Thời gian từ khi ký đến khi Công ước có hiệu lực rất ngắn (9 tháng 18 ngày) và là điều ước quốc tế đa phương có số lượng các quốc gia thành viên lớn nhất (197 quốc gia) so với tất cả các điều ước quốc tế được ký trên thế giới. Đặc điểm này phản ánh tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ quyền trẻ em cũng như sự quan tâm của các quốc gia đối với thế hệ trẻ.

- *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989 lần đầu tiên khái quát được các khía cạnh của quyền trẻ em và xác định rõ nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo đảm quyền của trẻ em; mối quan hệ giữa quyền trẻ em với quyền con người nói chung.

- Theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989, Ủy ban về quyền trẻ em được thành lập nhằm xem xét sự tiến bộ mà các quốc gia thành viên đạt được trong việc thực hiện các nghĩa vụ mà họ đã cam kết thông qua các báo cáo định kỳ. Đồng thời bên cạnh Ủy ban về quyền trẻ em, các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và các tổ chức khác thuộc Liên hợp quốc cũng có thẩm quyền giám sát, giúp đỡ các quốc gia thành viên trong quá trình thực hiện Công ước.

Năm 2001, Chiến dịch “Nói đồng ý với trẻ em” - một phong trào toàn cầu khuyến khích mọi người thay đổi thế giới bằng cách lưu tâm đến trẻ em. Hàng triệu người đã ký tên xác định sẽ tìm cách nâng cao đời sống trẻ em.

Ngoài Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, còn rất nhiều tổ chức phi chính phủ hoạt động vì quyền lợi của trẻ em, chẳng hạn tổ chức Children Action - Tổ chức hành động vì trẻ em, là một quỹ từ thiện, cung cấp mọi loại trợ giúp cho các trẻ em bất hạnh, trong đó có chăm sóc y khoa, phẫu thuật, giúp đỡ tâm lý, chăm sóc phòng ngừa thanh thiếu niên tự tử v.v.. Tổ chức này được Bernard Sabrier thành lập năm 1994, có trụ sở ở Thụy Sĩ. Tổ chức đã tiến hành một số công việc giúp hỗ trợ trẻ em như Dự án phòng ngừa bỏ rơi trẻ em, trường học cho các trẻ em thiếu thốn, các phẫu thuật ngoại khoa cho trẻ em, thành lập Trung tâm dành cho

trẻ em khiếm thị, trợ giúp trẻ em bị nhiễm AIDS, trợ giúp trẻ em bị bệnh ung thư. Một số tổ chức phi chính phủ khác - như Tổ chức theo dõi nhân quyền đã quan tâm tới vấn đề lao động trẻ em, trẻ em đường phố, đòi chấm dứt sử dụng lính trẻ em trong chiến tranh...

Bước sang thế kỷ XXI, mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc cũng đưa ra vấn đề về quyền trẻ em - một trong những nhóm dễ bị tổn thương, cần phải quan tâm vì đây là tương lai của nhân loại.

II. KHÁI NIỆM TRẺ EM VÀ QUYỀN TRẺ EM

1. Khái niệm trẻ em

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 quy định, *trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi*, trừ khi luật pháp của quốc gia thành viên quy định tuổi thành niên sớm hơn.

Theo Điều 1, *Luật Trẻ em* năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: “*Trẻ em là người dưới 16 tuổi*”.

Mỗi trẻ em là một con người với những đặc điểm riêng về thể chất và tâm sinh lý. Những đặc điểm và khả năng của trẻ rất khác nhau theo từng độ tuổi và sự trưởng thành, vì thế rất khác so với người trưởng thành.

Năng lực của trẻ được hình thành, thay đổi và phát triển. Do vậy, trẻ em có quyền được sống, trưởng thành, phát triển khỏe mạnh và hạnh phúc trong tình yêu thương của cha mẹ, gia đình và cộng đồng.

2. Xác định quyền trẻ em

Cuốn sách *Quyền trẻ em (The Rights of Infants)* xuất bản năm 1796 của Thomas Spence là một trong những cuốn sách đầu tiên viết bằng tiếng Anh, xác nhận các quyền của trẻ em. Trong suốt thập niên đầu tiên của thế kỷ XX, các nhà hoạt động vì quyền trẻ em đã nhóm họp, đòi hỏi quyền cho trẻ em vô gia cư và giáo dục công cộng.

Tiếp đó, cuốn *Quyền được tôn trọng của trẻ em (The Child's Right to Respect)* xuất bản năm 1927 của Janusz Korczak đã gây sự chú ý lớn về lĩnh vực này. Hiện nay, hàng chục tổ chức quốc tế đang hoạt động trên khắp thế giới để cổ động cho quyền trẻ em¹.

1. Hoàng Minh Khôi: *Hoàn thiện hệ thống tư pháp cho người chưa thành niên ở một số nước và những nội dung có thể tham khảo*, website của Trung tâm tư vấn pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh - Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, http://nguoibaovequyenloi.com/user/thongtin_chitiet.aspx?MaTT=168201672110123641&MAMT=26.

Định nghĩa:

Quyền trẻ em là tất cả những gì trẻ em cần có để được sống và lớn lên một cách lành mạnh và an toàn. Quyền trẻ em nhằm bảo đảm cho trẻ em không chỉ là người tiếp nhận thụ động lòng nhân từ của người lớn mà các em còn là những thành viên tham gia tích cực vào quá trình phát triển của nhân loại.

Các quyền phải thực hiện ngay:

- Các quyền dân sự, chính trị.
- Các vấn đề như sự phân biệt đối xử, quyền được lắng nghe, quyền có họ tên, quốc tịch, quyền tự do biểu đạt và lập hội, quyền được đoàn tụ với gia đình, quyền được bảo vệ khỏi sự hành hạ và ngược đãi.
- Những quy định đặc biệt về sự bảo vệ, can thiệp của nhà nước trong những tình huống và điều kiện mà theo đó, trẻ em có thể bị tước đoạt tự do.

Các quyền thực hiện từng bước:

- Các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa;
- Các quyền về y tế và giáo dục;
- Các quyền không thuộc nhóm quyền thứ nhất.

Các quyền này được công nhận tại Điều 4 *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989 với nội dung: "... Về các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp như vậy ở mức tối đa theo khả năng

sẵn có của mình, và khi cần thiết, trong khuôn khổ hợp tác quốc tế”.

Quá trình theo dõi, giám sát và thực hiện quyền:

- Thành lập một ủy ban quốc gia giám sát việc thực hiện.

- Đề ra các mục tiêu cụ thể trong một thời gian nhất định để thực hiện.

- Thông qua các luật phù hợp với *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989.

- Thực hiện các chương trình và hoạt động.

- Xem xét tình hình hiện tại của trẻ em.

- Xác định xem đã làm được những gì và những điều cần phải làm.

- Báo cáo lần thứ nhất sau hai năm, sau đó, cứ năm năm một lần.

III. CÁC NGUYÊN TẮC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN TRẺ EM

Các nguyên tắc của *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* năm 1989 là những quy định bắt buộc phải tuân thủ khi thực hiện bất kỳ quyền nào của trẻ em, được quy định trong Công ước.

Các nguyên tắc của Công ước là công cụ định hướng giúp diễn giải rõ ràng tinh thần và thông điệp của Công ước. Các nguyên tắc này phải được bảo đảm thực hiện bất kỳ điều khoản nào của

Công ước. Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 bao gồm bốn nguyên tắc:

*** Nguyên tắc thứ nhất:** Không phân biệt đối xử trong việc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

Nguyên tắc này được thể hiện qua các điều 5, 17, 27, 38, 41 của Công ước.

Theo các điều này, trước hết, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, của các thành viên trong gia đình mở rộng, của cộng đồng theo phong tục địa phương, của những người giám hộ pháp lý, những người chịu trách nhiệm về mặt pháp lý với đứa trẻ trong việc chỉ bảo và hướng dẫn trẻ thực hiện những quyền trong Công ước, phù hợp với mức độ phát triển về năng lực của trẻ. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ này phải được các quốc gia thành viên tôn trọng.

Chức năng quan trọng của các phương tiện thông tin đại chúng trong mỗi quốc gia phải bảo đảm giúp trẻ em nắm được thông tin và tư liệu từ nhiều nguồn quốc gia và quốc tế, đặc biệt là những thông tin nhằm cổ vũ lợi ích xã hội, tinh thần, đạo đức cũng như sức khỏe thể chất và tinh thần của trẻ em.

Trẻ em có quyền được có mức sống thích đáng để phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội. Muốn đạt được điều này, cha mẹ hoặc những người chịu trách nhiệm về trẻ em phải bảo đảm các điều kiện sống cần thiết cho sự phát

triển của trẻ em theo năng lực và khả năng tài chính của mình.

Nhà nước, dựa theo khả năng thực tế của mình, phải thi hành các biện pháp thích hợp, giúp cha mẹ và những người chịu trách nhiệm về trẻ em thực hiện quyền này. Trường hợp cần thiết, phải thực hiện những chương trình hỗ trợ và giúp đỡ vật chất, đặc biệt là về dinh dưỡng, quần áo, nhà ở, bảo đảm phục hồi việc nuôi dưỡng trẻ từ cha mẹ hay những người có trách nhiệm về tài chính đối với trẻ em tại quốc gia thành viên đó cũng như ở nước ngoài. Cụ thể, nếu người có trách nhiệm về tài chính đối với trẻ em sống ở một quốc gia khác thì các quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc gia nhập các thỏa thuận quốc tế hay ký kết những thỏa thuận như vậy, cũng như đặt ra những cơ chế thích hợp khác.

Trong các cuộc xung đột vũ trang, phải bảo đảm tôn trọng những quy tắc về Luật Nhân đạo quốc tế liên quan đến trẻ em, không được để trẻ em dưới 15 tuổi trực tiếp tham gia chiến sự, không tuyển mộ trẻ vào lực lượng vũ trang đồng thời dùng mọi biện pháp có thể để bảo vệ và chăm sóc những trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang.

Tóm lại, phải tạo mọi điều kiện để thực hiện quyền trẻ em theo luật quốc tế và pháp luật của quốc gia thành viên, tức là mọi trẻ em đều được

hưởng các quyền trẻ em trong Công ước, không phụ thuộc vào các yếu tố dân tộc, chủng tộc, giới tính, tôn giáo, khuyết tật, dòng dõi gia đình, tài sản... và bất kỳ yếu tố nào khác. Trẻ em có quyền được sống, không ai được xâm hại tính mạng của trẻ, bảo đảm đến mức tối đa sự sống còn và phát triển của trẻ em.

** **Nguyên tắc thứ hai**, xem lợi ích của trẻ em là mối quan tâm hàng đầu trong mọi hành động liên quan đến trẻ em.*

Nguyên tắc này được thể hiện trong Điều 3 của Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989. Đó là mọi hoạt động liên quan tới trẻ em, do các cơ quan, tổ chức của nhà nước hay tư nhân như phúc lợi xã hội, tòa án, hành chính hoặc pháp luật đều phải đặt lợi ích của trẻ em lên hàng đầu khi thực hiện bất kỳ công việc gì.

Phải dành cho trẻ em sự bảo vệ và chăm sóc cần thiết, cân nhắc đến quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, người giám hộ hợp pháp hay bất kỳ cá nhân nào có trách nhiệm pháp lý với trẻ em, trên cơ sở đó, tiến hành biện pháp lập pháp và hành pháp thích hợp.

Những tổ chức, cơ quan, cơ sở chịu trách nhiệm chăm sóc hoặc bảo vệ trẻ em phải tuân thủ các tiêu chuẩn đã được nhà nước quy định, đặc biệt trong lĩnh vực bảo đảm an toàn và sức khỏe cho trẻ. Nhà nước phải kiểm tra giám sát về số lượng,

trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên ở đó có thích hợp với việc chăm sóc trẻ không.

*** Nguyên tắc thứ ba, trẻ em có quyền được sinh tồn và phát triển.** Nguyên tắc này được thể hiện rõ trong Điều 6 của Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989.

Phải thừa nhận mọi trẻ em đều có quyền vốn có là được sống. Vì thế, phải bảo đảm đến mức tối đa sự sống còn cũng như sự phát triển của trẻ em.

*** Nguyên tắc thứ tư, ý kiến của trẻ em phải được tôn trọng.**

Nguyên tắc này được thể hiện rõ trong Điều 12 của Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989.

Theo nguyên tắc này, trẻ em phải được bảo đảm để có đủ khả năng hình thành quan điểm riêng của mình, được quyền tự do phát biểu những vấn đề tác động đến trẻ em. Quan điểm của trẻ em phải được coi trọng một cách thích đáng, tương ứng với độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ. Muốn làm tốt điều này, phải tạo cơ hội để trẻ có thể nói lên ý kiến của mình trong bất kỳ quá trình tổ tụng tư pháp hoặc hành chính nào có liên quan đến trẻ, trực tiếp hoặc thông qua một người đại diện hay một cơ quan thích hợp, theo cách thức phù hợp với những quy tắc, thủ tục của pháp luật quốc gia.

Bốn nguyên tắc trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa

các quyền của trẻ em đồng thời là nền tảng để chính phủ cụ thể hóa các cam kết của mình đối với quyền trẻ em.

IV. CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ QUYỀN TRẺ EM NĂM 1989

1. Các quy định của Công ước

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 là luật quốc tế để bảo vệ trẻ em, gồm 54 điều khoản, nội dung đề ra các quyền cơ bản của con người mà trẻ em trên toàn thế giới đều được hưởng, và được Liên hợp quốc thông qua năm 1989.

Nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I

Điều 1.

Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn.

Điều 2.

1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm những quyền được nêu ra trong Công ước này đối với mọi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ mà không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào về

chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc, sắc tộc hay xã hội, tài sản, khuyết tật, thành phần xuất thân hay địa vị khác của trẻ em hoặc cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp của trẻ em đó.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ trước mọi hình thức phân biệt đối xử hoặc trừng phạt vì các lý do địa vị, hoạt động, những ý kiến phát biểu hoặc tín ngưỡng của cha mẹ, người giám hộ hợp pháp lý hoặc những thành viên khác trong gia đình của trẻ em.

Điều 3.

1. Trong mọi hoạt động liên quan tới trẻ em, dù được thực hiện bởi các cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay tư nhân, bởi tòa án, các nhà chức trách hành chính hay cơ quan pháp luật, thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu.

2. Các quốc gia thành viên cam kết bảo đảm dành cho trẻ em sự bảo vệ và chăm sóc cần thiết cho hạnh phúc của các em, có tính đến những quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, người giám hộ hợp pháp hay những cá nhân khác có trách nhiệm pháp lý đối với trẻ em và nhằm mục đích đó, sẽ tiến hành mọi biện pháp lập pháp và hành pháp thích hợp.

3. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng những tổ chức, cơ quan và cơ sở chịu trách nhiệm chăm sóc hoặc bảo vệ trẻ em phải tuân thủ những tiêu chuẩn do các nhà chức trách có thẩm quyền quy định, đặc biệt trong các lĩnh vực an toàn, sức khỏe, về số lượng và tính phù hợp của đội ngũ nhân viên các cơ quan đó, cũng như về sự giám sát trình độ chuyên môn.

Điều 4.

Các quốc gia thành viên phải thi hành mọi biện pháp lập pháp, hành pháp thích hợp và các biện pháp khác để thực hiện những quyền của trẻ em được thừa nhận trong Công ước này. Về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp như vậy ở mức độ tối đa theo khả năng sẵn có của mình, và khi cần thiết, trong khuôn khổ hợp tác quốc tế.

Điều 5.

Các quốc gia thành viên phải tôn trọng trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ các bậc cha mẹ, hoặc trong trường hợp thích hợp, của các thành viên trong gia đình mở rộng hay của cộng đồng theo phong tục địa phương quy định, của những người giám hộ pháp lý hay những người khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lý với trẻ em, trong việc chỉ

bảo và hướng dẫn thích hợp cho trẻ em thực hiện những quyền được thừa nhận trong Công ước này, theo cách thức phù hợp với mức độ phát triển về năng lực của trẻ em.

Điều 6.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận rằng mọi trẻ em đều có quyền vốn có là được sống.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm đến mức tối đa có thể được sự sống còn và phát triển của trẻ em.

Điều 7.

1. Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi được sinh ra và có quyền có họ tên, có quốc tịch ngay từ khi chào đời, và trong chừng mực có thể, quyền được biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm việc thực hiện những quyền đó phù hợp với pháp luật quốc gia, với những nghĩa vụ của họ theo các văn kiện quốc tế có liên quan đến lĩnh vực này, đặc biệt trong trường hợp mà nếu không làm như thế thì đứa trẻ sẽ không có quốc tịch.

Điều 8.

1. Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng quyền của trẻ em được giữ gìn bản sắc của

mình, kể cả quốc tịch, họ tên và các quan hệ gia đình được pháp luật thừa nhận, mà không có sự can thiệp bất hợp pháp nào.

2. Khi trẻ em bị tước đoạt một cách bất hợp pháp một số hoặc tất cả những yếu tố thuộc về bản sắc của các em, thì các quốc gia thành viên phải cung cấp sự trợ giúp và bảo vệ thích hợp, nhằm mục đích nhanh chóng khôi phục lại bản sắc cho các em đó.

Điều 9.

1. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng trẻ em không bị tách khỏi cha, mẹ trái với ý muốn của trẻ, trừ trường hợp do các cơ quan có thẩm quyền quyết định với sự thẩm định của Tòa án rằng theo pháp luật và các thủ tục áp dụng thì việc tách khỏi cha, mẹ như vậy là cần thiết cho lợi ích tốt nhất của trẻ em. Quyết định này có thể là cần thiết trong những trường hợp đặc biệt như trẻ em bị cha mẹ lạm dụng hay bỏ mặc, hoặc khi cha mẹ sống ly thân và cần có một quyết định về nơi cư trú của trẻ em.

2. Trong mọi quá trình tố tụng theo như khoản 1, mọi bên liên quan phải được có cơ hội tham gia và bày tỏ quan điểm của mình.

3. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền của đứa trẻ phải sống cách ly khỏi cha, mẹ, hoặc cả cha lẫn mẹ, được duy trì những quan hệ

riêng tư và được tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ một cách đều đặn, trừ khi việc này trái với lợi ích tốt nhất của đứa trẻ.

4. Khi việc tách khỏi cha, mẹ như vậy là kết quả của bất kỳ hành động nào của một quốc gia thành viên như giam giữ, bỏ tù, trục xuất khỏi đất nước, đày đi xa hay chết (gồm cả những cái chết xảy ra do bất kỳ nguyên nhân nào khi người đó đang bị nhà nước giam giữ), của cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ của đứa trẻ, hay của bản thân đứa trẻ, thì quốc gia thành viên đó phải cung cấp theo yêu cầu cho cha mẹ, cho đứa trẻ, hoặc nếu thích hợp, cho một thành viên khác của gia đình, những thông tin thiết yếu về địa chỉ của một hay nhiều thành viên vắng mặt của gia đình, trừ khi việc cung cấp thông tin như thế sẽ phương hại đến phúc lợi của đứa trẻ. Các quốc gia thành viên cũng phải bảo đảm rằng việc đề ra yêu cầu như vậy sẽ không tự nó gây nên những hậu quả có hại cho người (hoặc những người) liên quan.

Điều 10.

1. Phù hợp với nghĩa vụ của các quốc gia thành viên theo Điều 9, khoản 1, các đơn của đứa trẻ hoặc của cha mẹ đứa trẻ yêu cầu được nhập cảnh vào hay xuất cảnh khỏi một quốc gia thành viên vì mục đích đoàn tụ gia đình phải được các quốc gia thành viên xử lý một cách tích cực, nhân đạo

và nhanh chóng. Hơn nữa, các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng việc đưa một yêu cầu như thế sẽ không gây ra những hậu quả có hại cho những người đứng đơn yêu cầu và cho các thành viên gia đình họ.

2. Trẻ em có cha mẹ mà mỗi người cư trú ở các quốc gia khác nhau phải có quyền được duy trì đều đặn, trừ khi gặp hoàn cảnh đặc biệt, các quan hệ cá nhân và tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ. Nhằm mục đích đó và phù hợp với nghĩa vụ của các quốc gia thành viên theo Điều 9, khoản 2, các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền của trẻ em và của cha mẹ trẻ em được rời khỏi bất cứ quốc gia nào, kể cả chính quốc gia của họ và quyền trở về quốc gia họ. Quyền được rời khỏi bất kỳ quốc gia nào sẽ chỉ lệ thuộc vào những điều hạn chế được ghi trong pháp luật và cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, y tế, đạo đức hoặc các quyền và sự tự do của những người khác, và phù hợp với các quyền khác được thừa nhận trong Công ước này.

Điều 11.

1. Các quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp để chống việc mang trẻ em ra nước ngoài bất hợp pháp và việc không đưa trẻ em trở về từ nước ngoài.

2. Để đạt được mục đích này, các quốc gia

thành viên sẽ thúc đẩy việc ký kết những hiệp định song phương hoặc đa phương có liên quan, hay tham gia các hiệp định hiện có.

Điều 12.

1. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho trẻ em có đủ khả năng hình thành quan điểm riêng của mình, được quyền tự do phát biểu những quan điểm đó về mọi vấn đề tác động đến trẻ em, và những quan điểm của trẻ em phải được coi trọng một cách thích đáng, tương ứng với độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em.

2. Vì mục đích đó, trẻ em phải được đặc biệt trao cơ hội nói lên ý kiến của mình trong bất kỳ quá trình tổ tụng tư pháp hoặc hành chính nào có liên quan đến trẻ, trực tiếp hoặc thông qua một người đại diện hay một cơ quan thích hợp, theo cách thức phù hợp với những quy tắc thủ tục trong pháp luật quốc gia.

Điều 13.

1. Trẻ em có quyền tự do bày tỏ ý kiến; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến tất cả các loại thông tin và tư tưởng ở mọi lĩnh vực, bằng lời nói, văn bản viết tay hoặc bản in, hay dưới hình thức nghệ thuật hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác mà trẻ em lựa chọn.

2. Việc thực hiện quyền này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, nhưng những hạn chế này phải được quy định bằng pháp luật và là cần thiết:

a. Để tôn trọng các quyền và danh dự của người khác; hoặc

b. Để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức và sức khỏe của cộng đồng.

Điều 14.

1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo của trẻ em.

2. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền, nghĩa vụ của các bậc cha mẹ, và trong trường hợp thích hợp, của những người giám hộ pháp lý, trong việc hướng dẫn trẻ em thực hiện quyền này một cách phù hợp với mức độ phát triển của các em.

3. Quyền tự do thực hành tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể chịu những hạn chế do pháp luật quy định và là cần thiết để bảo vệ an ninh công cộng, trật tự xã hội, y tế hay đạo đức của cộng đồng hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác.

Điều 15.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận các

quyền của trẻ em được tự do kết giao và hội họp hòa bình.

2. Các quốc gia thành viên không được đặt ra bất kỳ một hạn chế nào với việc thực hiện các quyền này, ngoài những điều đề ra phù hợp với pháp luật và là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích của an ninh quốc gia, an ninh công cộng, trật tự xã hội, y tế, đạo đức của cộng đồng, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác.

Điều 16.

1. Không trẻ em nào phải chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín cũng như những sự công kích bất hợp pháp vào danh dự và thanh danh của các em.

2. Trẻ em có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp hay công kích như vậy.

Điều 17.

Các quốc gia thành viên thừa nhận chức năng quan trọng của các phương tiện truyền thông đại chúng và phải bảo đảm rằng trẻ em được thu nhận thông tin và tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, ở phạm vi quốc gia và quốc tế, đặc biệt là những thông tin, tư liệu nhằm mục đích cổ vũ cho lợi ích xã hội, tinh thần và đạo đức cũng như sức khỏe về thể chất và tinh thần của trẻ em.

Nhằm mục đích này, các quốc gia thành viên sẽ:

1. Khuyến khích các cơ quan truyền thông đại chúng phổ biến những thông tin và tư liệu có lợi về xã hội và văn hóa cho trẻ em và phù hợp với tinh thần của Điều 29;

2. Khuyến khích sự hợp tác quốc tế trong việc sản xuất, trao đổi và phổ biến những thông tin và tư liệu như thế từ nhiều nguồn văn hóa khác nhau ở quốc gia và quốc tế;

3. Khuyến khích việc sản xuất và phổ biến sách dành cho trẻ em;

4. Khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng đặc biệt lưu ý đến những nhu cầu về ngôn ngữ của trẻ em thuộc các nhóm thiểu số hay bản địa;

5. Khuyến khích phát triển những hướng dẫn thích hợp cho việc bảo vệ trẻ em chống lại những thông tin và tư liệu có hại cho lợi ích của các em, có lưu ý đến những quy định được nêu trong các Điều 13 và 18.

Điều 18.

1. Các quốc gia thành viên phải có những cố gắng cao nhất để bảo đảm việc thừa nhận nguyên tắc là cả cha và mẹ đều có trách nhiệm chung trong việc nuôi dưỡng và sự phát triển của con cái. Cha mẹ, và tùy trường hợp có thể là người giám hộ hợp pháp, có trách nhiệm đầu tiên trong việc nuôi dưỡng và sự phát triển của trẻ em.

Những lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là điều quan tâm cơ bản của họ.

2. Vì mục đích bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện các quyền được quy định trong Công ước này, các quốc gia thành viên phải dành sự giúp đỡ thích đáng cho các bậc cha mẹ và những người giám hộ hợp pháp trong việc thực hiện trách nhiệm nuôi dưỡng trẻ em, và phải bảo đảm phát triển những thể chế, phương tiện và dịch vụ cho việc chăm sóc trẻ em.

3. Các quốc gia thành viên phải thi hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm cho con cái của những cha mẹ đang làm việc có quyền được hưởng các dịch vụ và phương tiện chăm sóc trẻ em mà họ có đủ tư cách được hưởng.

Điều 19.

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp về lập pháp, hành pháp, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, bị đánh đập hay lạm dụng, bị bỏ mặc hoặc sao lãng chăm sóc, bị ngược đãi hoặc bóc lột, gồm cả sự xâm phạm tình dục, trong khi trẻ em vẫn nằm trong vòng chăm sóc của cha, mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, của một hay nhiều người giám hộ pháp lý, hoặc của bất kỳ người nào khác được giao việc chăm sóc trẻ em.

2. Những biện pháp bảo vệ như vậy, trong chừng mực thích hợp, cần bao gồm các thủ tục hữu hiệu để thành lập các chương trình xã hội nhằm dành sự hỗ trợ cần thiết cho trẻ em và những người chăm sóc trẻ em, cũng như các hình thức phòng ngừa khác và cho việc xác định, báo cáo, chuyển cấp, điều tra, xử lý và tiến hành những bước tiếp theo trong các trường hợp ngược đãi trẻ em như đã mô tả trước đây, và, nếu thích hợp, cho sự can thiệp về mặt tư pháp.

Điều 20.

1. Một trẻ em, tạm thời hay vĩnh viễn bị tước mất môi trường gia đình của mình, hoặc vì những lợi ích tốt nhất của chính bản thân mình mà không được phép tiếp tục ở trong môi trường gia đình, có quyền được hưởng sự bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt của Nhà nước.

2. Các quốc gia thành viên phải cho các trẻ em như thế được hưởng sự chăm sóc thay thế tương ứng, phù hợp với pháp luật quốc gia.

3. Sự chăm sóc như thế có thể bao gồm nhiều hình thức, chẳng hạn như gửi nuôi, hình thức Kafala theo luật Hồi giáo, việc nhận làm con nuôi, hoặc nếu cần thiết, gửi vào những cơ sở chăm sóc trẻ em thích hợp. Khi cân nhắc các giải pháp, phải quan tâm thích đáng đến mong muốn nuôi dạy trẻ em lâu dài cũng như đến nền tảng dân tộc, tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ của đứa trẻ.

Điều 21.

Các quốc gia thành viên mà thừa nhận hoặc cho phép việc nhận làm con nuôi phải bảo đảm rằng những lợi ích tốt nhất của trẻ em là mối quan tâm cao nhất trong vấn đề này, và phải:

1. Bảo đảm rằng, việc nhận trẻ em làm con nuôi chỉ được tiến hành với sự cho phép của những cơ quan có thẩm quyền mà, phù hợp với pháp luật và các thủ tục, và trên cơ sở các thông tin thích hợp và đáng tin cậy, quyết định rằng việc nhận trẻ em làm con nuôi là có thể chấp nhận được khi xét đến thân phận của trẻ em về cha, mẹ, họ hàng, người giám hộ hợp pháp và rằng, nếu được yêu cầu, những người có liên quan đó đồng ý một cách có hiểu biết việc nhận con nuôi trên cơ sở tham khảo ý kiến khi cần thiết;

2. Thừa nhận rằng, việc cho trẻ em ra nước ngoài làm con nuôi có thể coi như một biện pháp thay thế để chăm sóc trẻ em, nếu như đứa trẻ đó không thể gửi gắm được cho một gia đình chăm nom hay được một gia đình nhận nuôi, hoặc không thể nhận được sự chăm sóc bằng bất cứ cách thức thích hợp nào khác tại nước nguyên quán của em;

3. Bảo đảm rằng trẻ em được người nước ngoài nhận làm con nuôi cũng được hưởng những sự bảo vệ và điều kiện tương đương theo các quy định hiện hành của việc làm con nuôi trong nước;

4. Thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng, trong trường hợp nhận con nuôi ở nước ngoài, việc nhận con nuôi không dẫn đến sự trục lợi không chính đáng về tài chính của những người liên quan trong việc nhận con nuôi;

5. Khi thích hợp, thúc đẩy những mục tiêu của Điều này bằng cách ký kết những dàn xếp hoặc thỏa thuận song phương hay đa phương và cố gắng trong khuôn khổ đó, bảo đảm rằng việc đưa trẻ em sang nước khác làm con nuôi do những cơ quan hay bộ phận có thẩm quyền tiến hành.

Điều 22.

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện những biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng những trẻ em xin quy chế tị nạn hoặc được xem là người tị nạn theo pháp luật và thủ tục quốc gia hay quốc tế có liên quan, dù có cha mẹ hay bất kỳ một người nào khác đi cùng hay không đi cùng, sẽ nhận được sự bảo vệ và giúp đỡ nhân đạo thích đáng trong việc hưởng các quyền thích hợp nêu ra trong Công ước này, và trong những văn kiện quốc tế khác về quyền con người hay nhân đạo mà những quốc gia có liên quan là thành viên.

2. Nhằm mục đích đó, các quốc gia thành viên, nếu xét thấy thích hợp, cần hợp tác trong mọi cố gắng của Liên hợp quốc hoặc các tổ chức liên chính phủ hay phi chính phủ có thẩm quyền đang

hợp tác với Liên hợp quốc, để bảo vệ, giúp đỡ những trẻ em như thế, và để tìm kiếm cha mẹ hoặc những thành viên khác trong gia đình của bất kỳ trẻ em tị nạn nào, nhằm có được những thông tin cần thiết để đưa trẻ em đó đoàn tụ gia đình. Trong trường hợp không thể tìm ra cha mẹ hay các thành viên khác của gia đình em thì đứa trẻ đó phải được hưởng sự bảo vệ giống như bất kỳ trẻ em nào mà vĩnh viễn hay tạm thời bị mất môi trường gia đình vì bất kỳ lý do gì, như đã được nêu trong Công ước này.

Điều 23.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận rằng trẻ em tàn tật về tinh thần hay thể chất cần được hưởng một cuộc sống đầy đủ và tương tất trong những điều kiện bảo đảm phẩm giá, thúc đẩy khả năng tự lực và tạo cơ sở cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng.

2. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em tàn tật được chăm sóc đặc biệt và tùy theo các nguồn lực sẵn có, phải khuyến khích và bảo đảm dành cho trẻ em tàn tật và cho những người có trách nhiệm chăm sóc sự giúp đỡ mà họ yêu cầu, thích hợp với điều kiện của trẻ em đó và với hoàn cảnh của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em đó.

3. Trên cơ sở thừa nhận các nhu cầu đặc biệt

của trẻ em tàn tật, sự giúp đỡ dành cho trẻ em tàn tật theo khoản 2 của Điều này phải được cung cấp miễn phí, bất kỳ khi nào có thể, có tính đến khả năng tài chính của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em tàn tật và sự giúp đỡ đó sẽ được sắp xếp để bảo đảm rằng trẻ em tàn tật được tiếp cận một cách hiệu quả và được nhận sự giáo dục, đào tạo, các dịch vụ y tế và dịch vụ phục hồi chức năng, chuẩn bị công ăn việc làm và các cơ hội vui chơi, giải trí theo cách thức có lợi cho việc trẻ em có thể hòa nhập tối đa vào xã hội và phát triển các năng lực cá nhân, kể cả sự phát triển văn hóa và tinh thần của những trẻ em đó.

4. Trên tinh thần hợp tác quốc tế, các quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc trao đổi thông tin thích hợp trên lĩnh vực phòng bệnh và về lĩnh vực chữa trị y tế, tâm lý và chức năng cho trẻ em tàn tật, kể cả việc phổ biến và tiếp cận các thông tin liên quan đến phương pháp giáo dục, phục hồi chức năng và đào tạo nghề với mục tiêu giúp cho các quốc gia thành viên nâng cao khả năng và trình độ của họ để mở rộng kinh nghiệm của họ trong những lĩnh vực này. Về mặt này, cần đặc biệt chú ý đến nhu cầu của các nước đang phát triển.

Điều 24.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe ở mức

cao nhất có thể được và được tiếp cận các cơ sở chữa bệnh và phục hồi sức khỏe. Các quốc gia thành viên phải cố gắng bảo đảm không một trẻ em nào bị tước đoạt quyền được hưởng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe như vậy.

2. Các quốc gia thành viên phải theo đuổi việc thực hiện đầy đủ quyền này, và đặc biệt, phải thực hiện những biện pháp thích hợp để:

a. Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và trẻ em;

b. Bảo đảm dành sự giúp đỡ y tế và chăm sóc sức khỏe cần thiết cho mọi trẻ em, trong đó chú trọng phát triển công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;

c. Chống bệnh tật và nạn suy dinh dưỡng, kể cả trong khuôn khổ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, chẳng hạn qua việc áp dụng các công nghệ sẵn có và qua việc cung cấp thức ăn đầy đủ dinh dưỡng và nước uống sạch, có tính đến những nguy cơ ô nhiễm môi trường;

d. Bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe thích hợp cho người mẹ trước và sau khi sinh;

e. Bảo đảm rằng mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là những bậc cha mẹ và trẻ em, được thông tin, tiếp thu giáo dục và được hỗ trợ trong việc sử dụng các kiến thức cơ bản về sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ em, về những ưu điểm của việc nuôi con bằng sữa mẹ, về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và phòng ngừa các tai biến;

f. Phát triển công tác phòng bệnh, hướng dẫn cha mẹ, cũng như các hoạt động giáo dục và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

3. Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp và hiệu quả nhằm xóa bỏ những tập tục có hại cho sức khỏe của trẻ em.

4. Các quốc gia thành viên cam kết thúc đẩy và khuyến khích sự hợp tác quốc tế nhằm dần dần đạt đến sự thực hiện đầy đủ các quyền được thừa nhận trong điều này. Về vấn đề này, phải đặc biệt tính đến nhu cầu của các quốc gia đang phát triển.

Điều 25.

Các quốc gia thành viên thừa nhận rằng những trẻ em được những nhà chức trách có thẩm quyền bố trí chăm sóc, bảo vệ, hoặc điều trị sức khỏe về thể chất hay tinh thần có quyền được hưởng sự xem xét lại theo định kỳ chế độ điều trị và mọi điều kiện khác liên quan đến sự bố trí nói trên.

Điều 26.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận mọi trẻ em đều có quyền hưởng an sinh xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội, và phải thi hành những biện pháp cần thiết để thực hiện đầy đủ quyền này phù hợp với pháp luật nước mình.

2. Khi thích hợp, các quyền lợi này cần được cung cấp trên cơ sở có tính đến các nguồn lực,

hoàn cảnh của trẻ em và của những người chịu trách nhiệm nuôi dưỡng trẻ em, cũng như yếu tố khác có liên quan đến việc xin được hưởng những quyền lợi đó do trẻ em hay người đại diện cho trẻ em thực hiện.

Điều 27.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của mọi trẻ em được có mức sống thích đáng để phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội.

2. Cha mẹ, hoặc cả cha lẫn mẹ hay những người khác chịu trách nhiệm về trẻ em có trách nhiệm đầu tiên trong việc bảo đảm các điều kiện sống cần thiết cho sự phát triển của trẻ em theo năng lực và khả năng tài chính của mình.

3. Các quốc gia thành viên, phù hợp với điều kiện của nước mình và trong phạm vi các phương tiện sẵn có của mình, phải thi hành các biện pháp thích hợp để giúp đỡ các bậc cha mẹ và những người khác chịu trách nhiệm về trẻ em thực hiện quyền này, và trong trường hợp cần thiết, phải thực hiện những chương trình hỗ trợ và giúp đỡ vật chất, đặc biệt là về dinh dưỡng, quần áo và nhà ở.

4. Các quốc gia thành viên phải tiến hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm phục hồi việc nuôi dưỡng trẻ em từ cha mẹ hay những

người khác có trách nhiệm về tài chính đối với trẻ em tại quốc gia thành viên đó cũng như ở nước ngoài. Cụ thể, nếu người có trách nhiệm về tài chính đối với trẻ em sống ở một quốc gia khác thì các quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc gia nhập các thỏa thuận quốc tế hay ký kết những thỏa thuận như vậy, cũng như đặt ra những cơ chế thích hợp khác.

Điều 28.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được học hành, và để từng bước thực hiện quyền này trên cơ sở bình đẳng về cơ hội, phải:

a. Thực hiện chính sách giáo dục tiểu học bắt buộc, sẵn có và miễn phí cho tất cả mọi người;

b. Khuyến khích phát triển nhiều hình thức giáo dục trung học khác nhau, kể cả giáo dục phổ thông và dạy nghề, làm cho những hình thức giáo dục này có sẵn và mọi trẻ em đều có thể tiếp cận, và thi hành các biện pháp thích hợp như đưa ra loại hình giáo dục miễn phí và cung cấp hỗ trợ tài chính trong trường hợp cần thiết;

c. Dùng mọi phương tiện thích hợp để giúp cho tất cả mọi người, trên cơ sở khả năng của mình, đều có thể tiếp cận với giáo dục đại học;

d. Làm cho những hướng dẫn và thông tin về giáo dục và dạy nghề sẵn có và mọi trẻ em đều có thể tiếp cận được;

e. Có biện pháp khuyến khích việc đi học đều đặn ở trường và giảm tỷ lệ bỏ học.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng kỷ luật nhà trường được thực hiện phù hợp với nhân phẩm của trẻ em và theo đúng Công ước này.

3. Các quốc gia thành viên phải thúc đẩy và khuyến khích sự hợp tác quốc tế trong những vấn đề liên quan đến giáo dục, đặc biệt nhằm đóng góp vào việc xóa bỏ nạn đói khát và mù chữ trên toàn thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các kiến thức khoa học, kỹ thuật và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Về mặt này, nhu cầu của các quốc gia đang phát triển phải được đặc biệt chú ý.

Điều 29.

1. Các quốc gia thành viên nhất trí rằng, việc giáo dục trẻ em phải được hướng tới:

a. Phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về trí tuệ và thể chất của trẻ em;

b. Phát triển sự tôn trọng quyền con người và các tự do cơ bản, tôn trọng những nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên Hợp quốc;

c. Phát triển sự tôn trọng đối với cha mẹ của trẻ em, tôn trọng bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và các giá trị của bản thân trẻ em, tôn trọng những giá trị quốc gia của đất nước mà trẻ em đang sống

và của đất nước là nguyên quán của trẻ em, tôn trọng những nền văn minh khác với nền văn minh của nơi mà trẻ em sinh ra;

d. Chuẩn bị cho trẻ em sống một cuộc sống có trách nhiệm trong xã hội tự do, theo tinh thần hiểu biết, hòa bình, khoan dung, bình đẳng giữa nam và nữ và tình hữu nghị giữa các dân tộc, các nhóm chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo và những người gốc bản địa;

e. Phát triển sự tôn trọng đối với môi trường tự nhiên.

2. Không một quy định nào trong Điều này hay trong Điều 28 sẽ được giải thích theo hướng làm tổn hại đến quyền tự do của các cá nhân và tập thể được thành lập và điều hành những tổ chức giáo dục, với điều kiện phải luôn tuân thủ nguyên tắc được nêu trong khoản 1 của Điều này và phù hợp các yêu cầu là giáo dục do các tổ chức đó cung cấp phải tuân theo các tiêu chuẩn tối thiểu mà nhà nước đặt ra.

Điều 30.

Tại những quốc gia có các nhóm thiểu số về sắc tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ hoặc những người bản địa, trẻ em thuộc một nhóm thiểu số đó hoặc trẻ em bản địa sẽ không bị khước từ quyền được hưởng nền văn hóa của mình, được bày tỏ, thực hành tôn giáo của mình và sử dụng ngôn ngữ của

mình khi sinh hoạt trong cộng đồng với các thành viên khác của nhóm.

Điều 31.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được nghỉ ngơi và thư giãn, được tham gia vui chơi và những hoạt động giải trí, được tự do tham gia các sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi.

2. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và thúc đẩy quyền của trẻ em được tham gia đầy đủ vào sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật, và sẽ khuyến khích việc dành cho trẻ em những cơ hội bình đẳng, thích hợp trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí và thư giãn.

Điều 32.

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ công việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức hay xã hội của trẻ em.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục để bảo đảm thực hiện điều này. Để đạt mục tiêu này, và tính đến những điều khoản thích

hợp của những văn kiện quốc tế khác, các quốc gia thành viên phải:

a) Quy định một hay nhiều mức tuổi tối thiểu được phép thu nhận vào làm công;

b) Có các quy định thích hợp về giờ giấc và điều kiện lao động của người làm công;

c) Có các hình thức phạt tiền hay các hình thức phạt thích hợp khác để bảo đảm thực hiện điều này.

Điều 33.

Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp, bao gồm những biện pháp lập pháp, hành pháp, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em khỏi bị lôi kéo vào việc sử dụng bất hợp pháp các chất ma túy và kích thích thần kinh như đã được quy định trong các điều ước quốc tế có liên quan, và để ngăn ngừa việc sử dụng trẻ em vào việc sản xuất, buôn bán bất hợp pháp các chất đó.

Điều 34.

Các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em trước mọi hình thức bóc lột và lạm dụng tình dục. Vì mục đích này, các quốc gia thành viên phải đặc biệt thực hiện mọi biện pháp thích hợp ở cấp quốc gia, song phương và đa phương để ngăn ngừa:

1. Việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kỳ hoạt động tình dục trái pháp luật nào;

2. Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong hoạt động mại dâm hay các hoạt động tình dục trái pháp luật khác;

3. Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong các cuộc biểu diễn hay trong các tài liệu khiêu dâm.

Điều 35.

Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc, buôn bán trẻ em vì bất kỳ mục đích gì, dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 36.

Các quốc gia thành viên phải bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột khác làm phương hại về bất kỳ phương diện nào đến phúc lợi của trẻ em.

Điều 37.

Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng:

1. Không trẻ em nào bị tra tấn hay bị đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm. Những người dưới 18 tuổi nếu gây ra những hành động phạm pháp sẽ không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc tù chung thân mà không có khả năng được phóng thích;

2. Không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện. Việc bắt, giam giữ

hoặc bỏ tù trẻ em phải được tiến hành phù hợp với pháp luật và chỉ được coi là biện pháp cuối cùng và áp dụng trong thời hạn thích hợp ngắn nhất;

3. Mọi trẻ em bị tước quyền tự do phải được đối xử nhân đạo với sự tôn trọng phẩm giá vốn có của con người, theo cách thức có tính đến các nhu cầu của những người ở lứa tuổi các em. Đặc biệt, mọi trẻ em bị tước quyền tự do phải được cách ly với người lớn, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ mà không nên làm như vậy, và các em phải có quyền duy trì sự tiếp xúc với gia đình qua thư từ và các cuộc viếng thăm, trừ những trường hợp ngoại lệ;

4. Mọi trẻ em bị tước tự do có quyền được nhanh chóng tiếp cận sự trợ giúp pháp lý và những trợ giúp thích hợp khác, cũng như quyền được chất vấn tính chất hợp pháp của việc tước tự do đó trước một Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền, độc lập, vô tư khác và có quyền đòi hỏi một quyết định nhanh chóng liên quan đến bất kỳ hành động nào như vậy.

Điều 38.

1. Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng và bảo đảm tôn trọng những quy tắc về Luật Nhân đạo quốc tế trong các cuộc xung đột vũ trang có liên quan đến trẻ em mà có hiệu lực với nước mình.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành mọi biện pháp khả thi có thể thực hiện được nhằm bảo đảm rằng những người chưa đến tuổi 15 không phải trực tiếp tham gia chiến sự.

3. Các quốc gia thành viên phải tránh tuyển mộ bất kỳ người nào chưa đến 15 tuổi vào lực lượng vũ trang của mình; khi tuyển mộ trong số những người đó đến 15 tuổi nhưng chưa đến 18 tuổi, các quốc gia thành viên phải cố gắng ưu tiên tuyển mộ những người nhiều tuổi nhất trong số đó.

4. Phù hợp với nghĩa vụ của mình theo Luật Nhân đạo quốc tế là bảo vệ dân thường trong các cuộc xung đột vũ trang, các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp có thể thực hiện được nhằm bảo đảm sự bảo vệ và chăm sóc những trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang.

Điều 39.

Các quốc gia thành viên phải tiến hành mọi biện pháp thích hợp để thúc đẩy sự phục hồi về thể chất, tâm lý và tái hòa nhập xã hội của trẻ em là nạn nhân của bất kỳ hình thức bỏ mặc, bóc lột hay lạm dụng nào; tra tấn hay bất kỳ hình thức đối xử hay trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm nào khác; hoặc của các cuộc xung đột vũ trang. Sự phục hồi và tái hòa nhập đó phải diễn ra trong môi trường giúp cho

sức khỏe, lòng tự trọng và phẩm giá của trẻ em được phát triển.

Điều 40.

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của mọi trẻ em bị tình nghi, bị cáo buộc hay bị xác nhận là đã vi phạm luật hình sự được đối xử theo cách thức phù hợp với việc thúc đẩy nhận thức của trẻ em về nhân cách và phẩm giá vốn có, một cách thức tăng cường sự tôn trọng của trẻ em đối với những quyền và tự do cơ bản của người khác và có tính đến độ tuổi của trẻ em cũng như mong muốn thúc đẩy sự tái hòa nhập của trẻ và giúp trẻ em đảm đương một vai trò có tính chất xây dựng trong xã hội.

2. Nhằm mục đích đó và xét đến những điều khoản thích hợp trong các văn kiện quốc tế, cụ thể, các quốc gia thành viên sẽ bảo đảm rằng:

a) Không một trẻ em nào bị tình nghi, bị cáo buộc hay bị xác nhận là đã vi phạm Luật Hình sự vì những hành động hay không hành động mà luật quốc gia và quốc tế không cấm vào thời điểm xảy ra;

b) Mọi trẻ em bị tình nghi hay bị cáo buộc là đã vi phạm Luật Hình sự được có ít nhất những điều bảo đảm sau đây:

i. Được coi là vô tội cho tới khi bị chứng minh rằng đã phạm tội theo pháp luật;

ii. Được thông báo nhanh chóng và trực tiếp về lời buộc tội và nếu thích hợp, được thông báo qua cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp của mình, được trợ giúp về mặt pháp lý hoặc những trợ giúp thích hợp khác để chuẩn bị và trình bày lời bào chữa của mình;

iii. Được một nhà chức trách, hoặc cơ quan tư pháp có thẩm quyền, độc lập và vô tư xem xét vụ việc một cách khẩn trương tại một phiên tòa công bằng theo pháp luật có sự trợ giúp về mặt pháp lý hay trợ giúp thích hợp khác, trừ trường hợp không nên làm như vậy vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, đặc biệt xét đến độ tuổi và tình trạng của trẻ em, của cha mẹ hay những người giám hộ hợp pháp;

iv. Không bị ép buộc phải đưa ra lời khai hoặc nhận tội; được thẩm vấn hoặc yêu cầu thẩm vấn những người làm chứng chống lại mình; được tham gia và thẩm vấn những người làm chứng cho mình theo những điều kiện bình đẳng;

v. Nếu bị coi là đã vi phạm luật hình sự, thì có quyền yêu cầu một nhà chức trách hoặc cơ quan tư pháp có thẩm quyền cao hơn, độc lập và vô tư xem xét lại quyết định và những biện pháp thi hành của quyết định đó theo pháp luật;

vi. Được trợ giúp phiên dịch miễn phí nếu trẻ em không hiểu hay không nói được ngôn ngữ sử dụng trong quá trình tố tụng;

vii. Mọi điều riêng tư của trẻ em phải được hoàn toàn tôn trọng trong mọi giai đoạn tố tụng.

3. Các quốc gia thành viên phải tìm cách thúc đẩy việc thiết lập những đạo luật, thủ tục, các cơ quan và thể chế áp dụng riêng cho những trẻ em bị tình nghi, bị cáo buộc hay bị xác nhận là đã vi phạm luật hình sự, và cụ thể là:

a) Xác định độ tuổi tối thiểu mà dưới độ tuổi đó trẻ em sẽ được coi là không có khả năng vi phạm Luật Hình sự;

b) Bất kỳ khi nào thấy thích hợp và cần thiết cần đề ra các biện pháp xử lý những trẻ em vi phạm pháp luật hình sự mà không phải sử dụng đến thủ tục tư pháp, miễn là các quyền con người và những bảo vệ pháp lý được tôn trọng đầy đủ.

4. Đưa ra nhiều biện pháp khác nhau như ra lệnh chăm sóc, hướng dẫn và giám sát; tư vấn; thử thách; chăm nuôi; các chương trình giáo dục và dạy nghề và những biện pháp thay thế khác cho việc quản lý tại cơ sở nhằm bảo đảm cho trẻ em được đối xử phù hợp với phúc lợi của trẻ và tương xứng với hoàn cảnh cũng như hành vi phạm tội của trẻ.

Điều 41.

Không một quy định nào trong Công ước này làm ảnh hưởng tới bất kỳ quy định nào khác mà tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc thực hiện quyền trẻ em, mà có thể được nêu trong:

a) Pháp luật của một quốc gia thành viên; hay,

b) Pháp luật quốc tế có hiệu lực với quốc gia đó.

PHẦN II

Điều 42.

Các quốc gia thành viên cam kết phổ biến rộng rãi những nguyên tắc và quy định của Công ước này tới người lớn cũng như trẻ em, bằng các phương tiện thích hợp và tích cực.

Điều 43.

1. Nhằm mục đích xem xét sự tiến bộ mà các quốc gia thành viên đạt được trong việc thực hiện những nghĩa vụ họ đã cam kết trong Công ước này, một Ủy ban về quyền trẻ em được thành lập để thực hiện các chức năng quy định dưới đây:

2. Ủy ban này bao gồm 18 chuyên gia có đạo đức tốt và có năng lực được thừa nhận trong lĩnh vực mà Công ước đề cập. Các thành viên của Ủy ban sẽ do những quốc gia thành viên bầu ra trong số công dân của mình và họ sẽ làm việc với tư cách cá nhân, có tính đến sự phân bố công bằng về địa lý cũng như các hệ thống pháp luật chính.

3. Các thành viên của Ủy ban được bầu bằng cách bỏ phiếu kín từ danh sách những người do các quốc gia thành viên đề cử. Mỗi quốc gia thành viên có thể đề cử một công dân của nước mình.

4. Cuộc bầu cử đầu tiên sẽ được tiến hành không muộn hơn 6 tháng kể từ ngày Công ước có hiệu lực và sau đó cứ 2 năm tiến hành một lần. Ít

nhất 4 tháng trước mỗi cuộc bầu cử, Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ gửi thư tới các quốc gia thành viên mời họ đề cử trong vòng 2 tháng. Sau đó, Tổng thư ký sẽ chuẩn bị một danh sách theo thứ tự trong bảng chữ cái những người đã được đề cử, trong đó nêu rõ quốc gia thành viên đề cử họ, và sẽ gửi danh sách đó cho các quốc gia thành viên của Công ước này.

5. Các cuộc bầu cử được tổ chức trong phiên họp của các quốc gia thành viên do Tổng thư ký triệu tập tại trụ sở Liên hợp quốc. Các phiên họp này phải có ít nhất hai phần ba số các quốc gia thành viên tham dự, những người được bầu vào Ủy ban là những người nhận được số phiếu cao nhất và chiếm đa số tuyệt đối trong tổng số phiếu của đại diện các quốc gia thành viên có mặt và bỏ phiếu.

6. Các thành viên của Ủy ban được bầu với nhiệm kỳ 4 năm. Họ có quyền tái cử nếu như được đề cử lại. Nhiệm kỳ của 5 trong số những thành viên được bầu trong lần bầu cử đầu tiên sẽ kết thúc sau 2 năm. Ngay sau cuộc bầu cử đầu tiên, tên của 5 thành viên này sẽ được Chủ tịch phiên họp chọn bằng rút thăm.

7. Nếu một thành viên của Ủy ban chết hoặc từ chức hay tuyên bố rằng vì bất kỳ một lý do nào khác mà không thể đảm nhiệm công việc trong Ủy ban, quốc gia thành viên đã đề cử thành viên đó sẽ có quyền bổ nhiệm một chuyên gia khác là công

dân nước mình làm việc trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ, với sự chấp thuận của Ủy ban.

8. Ủy ban sẽ đề ra các quy tắc thủ tục riêng của mình.

9. Ủy ban sẽ bầu ra các quan chức của mình theo nhiệm kỳ 2 năm.

10. Thông thường, các phiên họp của Ủy ban được tổ chức tại trụ sở của Liên hợp quốc hay bất kỳ nơi thuận tiện nào khác do Ủy ban quyết định. Thông thường Ủy ban họp hàng năm. Thời gian các phiên họp của Ủy ban sẽ được quyết định và xem xét lại, nếu cần thiết, bằng một phiên họp của các quốc gia thành viên Công ước này, với sự thông qua của Đại hội đồng Liên hợp quốc.

11. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ cung cấp nhân sự và phương tiện cần thiết cho việc thực hiện có hiệu quả các chức năng của Ủy ban theo Công ước này.

12. Với sự thông qua của Đại hội đồng, các thành viên của Ủy ban được thành lập theo Công ước này được nhận thù lao của Liên hợp quốc theo những quy định và điều kiện mà Đại hội đồng quy định.

Điều 44.

1. Các quốc gia thành viên cam kết trình lên Ủy ban, thông qua Tổng thư ký Liên hợp quốc, các báo cáo về những biện pháp mà họ đã đề ra nhằm thực hiện các quyền được thừa nhận trong Công

ước này, và về những tiến bộ mà họ đã đạt được trong việc thực hiện các quyền này:

a. Trong vòng 2 năm kể từ khi Công ước có hiệu lực đối với quốc gia thành viên liên quan;

b. Sau đó cứ 5 năm một lần.

2. Các báo cáo được đệ trình theo điều này phải nêu ra những nhân tố và các khó khăn, nếu có, mà ảnh hưởng đến việc thực hiện những nghĩa vụ nêu ra trong Công ước này. Các báo cáo cũng phải cung cấp đầy đủ thông tin để Ủy ban có thể hiểu biết toàn diện về tình hình thực hiện Công ước ở nước có liên quan.

3. Một quốc gia thành viên đã trình báo cáo tổng thể đầu tiên với Ủy ban không cần nhắc lại trong các báo cáo tiếp theo được gửi theo khoản 1 (b) những thông tin cơ bản đó cung cấp trước đó.

4. Ủy ban có thể yêu cầu các quốc gia thành viên cung cấp thêm bất kỳ thông tin nào khác liên quan đến việc thực hiện Công ước.

5. Ủy ban sẽ trình báo cáo về hoạt động của mình cho Đại hội đồng Liên hợp quốc hai năm một lần, thông qua Hội đồng kinh tế và xã hội.

6. Các quốc gia thành viên phải công bố rộng rãi những báo cáo quốc gia về việc thực hiện Công ước cho công chúng nước mình.

Điều 45.

Để thúc đẩy sự thực hiện có hiệu quả Công ước

và khuyến khích sự hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực mà Công ước này đã đề cập:

a. Các tổ chức chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những cơ quan khác của Liên hợp quốc có quyền có đại diện trong khi xem xét việc thực hiện những quy định của Công ước này thuộc phạm vi trách nhiệm của các cơ quan đó. Ủy ban có thể mời các tổ chức chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những cơ quan có thẩm quyền khác mà Ủy ban coi là thích hợp để cung cấp các ý kiến tư vấn chuyên môn về việc thực hiện Công ước trong các lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm của những cơ quan này. Ủy ban có thể đề nghị các tổ chức chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những cơ quan khác của Liên hợp quốc cung cấp các báo cáo về việc thực hiện Công ước trong những lĩnh vực thuộc phạm vi hoạt động của họ;

b. Nếu xét thấy thích hợp Ủy ban sẽ chuyển tới các tổ chức chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những cơ quan có thẩm quyền khác bất kỳ báo cáo của các quốc gia thành viên mà đưa ra đề nghị hoặc nêu nhu cầu tư vấn hay trợ giúp kỹ thuật, cùng với những nhận xét và gợi ý của Ủy ban, nếu có, về những đề nghị hay nhu cầu đó;

c. Ủy ban có thể khuyến nghị Đại hội đồng yêu cầu Tổng thư ký thay mặt mình tiến hành các nghiên cứu về những vấn đề cụ thể liên quan tới quyền trẻ em;

d. Ủy ban có thể nêu những gợi ý và khuyến nghị chung dựa trên các thông tin nhận được theo Điều 44 và 45 của Công ước này. Những gợi ý và khuyến nghị chung này sẽ được chuyển tới bất kỳ quốc gia thành viên nào có liên quan và sẽ được báo cáo với Đại hội đồng, cùng với các bình luận, nếu có, của những quốc gia thành viên.

PHẦN III

Điều 46.

Công ước này để ngỏ cho mọi quốc gia ký.

Điều 47.

Công ước này phải được phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 48.

Công ước này được để ngỏ cho bất kỳ quốc gia nào gia nhập. Các văn kiện gia nhập sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 49.

1. Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 kể từ ngày văn kiện phê chuẩn thứ 20 được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

2. Đối với mỗi quốc gia phê chuẩn hay gia

nhập Công ước sau khi văn kiện phê chuẩn hay gia nhập thứ 20 được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên hợp quốc, Công ước sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 kể từ văn kiện phê chuẩn hay gia nhập của quốc gia đó được nộp lưu chiểu.

Điều 50.

1. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đều có quyền đề xuất sửa đổi và đệ trình đề xuất này cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Ngay sau đó, Tổng thư ký sẽ thông báo những đề xuất sửa đổi cho các quốc gia thành viên, đồng thời đề nghị các quốc gia thành viên cho biết có tán thành hay không tán thành việc triệu tập một hội nghị các quốc gia thành viên để xem xét và biểu quyết về các đề xuất đó. Nếu trong vòng 4 tháng kể từ ngày thông báo có ít nhất một phần ba số quốc gia thành viên tán thành triệu tập một hội nghị như vậy thì Tổng thư ký triệu tập hội nghị này dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc. Bất kỳ sửa đổi nào được chấp nhận bởi đa số các quốc gia thành viên có mặt và biểu quyết tại hội nghị sẽ được đệ trình cho Đại hội đồng để thông qua.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung được thông qua theo khoản 1 của Điều này sẽ có hiệu lực khi được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua và được đa số 2/3 các quốc gia thành viên chấp nhận.

3. Khi một sửa đổi có hiệu lực, sửa đổi đó sẽ có

hiệu lực ràng buộc với những quốc gia thành viên đã chấp nhận nó, các quốc gia thành viên khác vẫn bị ràng buộc bởi những quy định của Công ước này và mọi sửa đổi trước đó mà họ đã chấp nhận.

Điều 51.

1. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ nhận và gửi tới mọi quốc gia thành viên văn bản bảo lưu của các quốc gia khi phê chuẩn hay gia nhập Công ước.

2. Mọi bảo lưu không phù hợp với đối tượng và mục đích của Công ước này sẽ không được chấp nhận.

3. Có thể rút những điều bảo lưu vào bất cứ lúc nào bằng gửi một thông báo tới Tổng thư ký Liên hợp quốc, sau đó Tổng thư ký phải thông báo cho mọi quốc gia thành viên. Thông báo rút lui bảo lưu này sẽ có hiệu lực từ ngày Tổng thư ký nhận được.

Điều 52.

Mọi quốc gia thành viên đều có thể tuyên bố rút khỏi Công ước này bằng một thông báo bằng văn bản gửi đến Tổng thư ký Liên hợp quốc. Tuyên bố rút khỏi Công ước sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ khi Tổng thư ký nhận được thông báo.

Điều 53.

Tổng thư ký Liên hợp quốc được chỉ định làm người lưu trữ Công ước này.

Điều 54.

Công ước này được làm bằng tiếng Ả-rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha, các văn bản đều có giá trị như nhau, sẽ được lưu chiếu tại Cơ quan lưu trữ của Liên hợp quốc.

Để làm bằng, các đại diện có đủ thẩm quyền ký tên dưới đây được ủy quyền hợp lệ bởi Chính phủ nước mình, đã ký vào văn bản Công ước này.

Có thể nói Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 đã bao quát được tất cả các khía cạnh của quyền trẻ em. Đặc biệt trong Phần I, bên cạnh định nghĩa, các nguyên tắc chung của việc bảo vệ quyền trẻ em, Công ước còn đề cập các biện pháp bảo vệ đối với trẻ em tị nạn, trẻ em trong khu vực có xung đột quân sự, trẻ em bị bóc lột và trẻ em thuộc dân tộc thiểu số.

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 là điều ước quốc tế đa phương phản ánh tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ quyền trẻ em cũng như sự quan tâm của các quốc gia đối với thế hệ trẻ. Lần đầu tiên, Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 đã khái quát được các khía cạnh của quyền trẻ em và xác định rõ nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo đảm quyền của trẻ em và mối quan hệ giữa quyền trẻ em với quyền con người nói chung.

Để thực thi Công ước, Điều 43 của Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 quy định thành lập Ủy ban về quyền trẻ em nhằm xem xét sự tiến bộ mà các quốc gia thành viên đạt được trong việc thực hiện các nghĩa vụ mà họ đã cam kết thông qua các báo cáo định kỳ. Đồng thời theo Điều 45 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989, bên cạnh Ủy ban về quyền trẻ em thì các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và các tổ chức khác thuộc Liên hợp quốc cũng có thẩm quyền giám sát, giúp đỡ các quốc gia thành viên trong quá trình thực hiện Công ước.

2. Các nhóm quyền cơ bản của trẻ em theo quy định của Công ước

2.1. Những nguyên tắc cơ bản về quyền trẻ em

Tựu trung lại, Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản mà bất cứ trẻ em nào trên thế giới cũng được hưởng như sau:

- Mọi trẻ em phải được hưởng quyền của mình dù là gái hay trai, giàu hay nghèo, khỏe mạnh hay ốm đau, khuyết tật, đa số hay thiểu số, theo có tôn giáo hay không tôn giáo...

- Trẻ em có quyền được đăng ký khai sinh ngay khi sinh ra, và có quyền có họ tên và có quốc tịch ngay từ khi ra đời.

- Vì chưa đạt đến sự trưởng thành về mặt thể chất và trí tuệ, trẻ em cần được bảo vệ và chăm

sóc đặc biệt, trước cũng như sau khi ra đời. Các bậc cha mẹ là những người chịu trách nhiệm chính trong việc nuôi nấng và giáo dục con cái của mình, cung cấp cho các em cơm ăn, áo mặc. Khi vắng nhà, phải lo thu xếp sao cho trẻ em luôn được người lớn có trách nhiệm trông nom, hoặc đưa các em đến nhà trẻ, trường học để các em được an toàn và chăm sóc tốt.

- Trong trường hợp trẻ sống riêng với cha hoặc mẹ của mình, các em có quyền gặp gỡ với người cha hay người mẹ mà các em không được sống chung. Nếu vì một lý do nào đó mà một trong hai người đang ở nơi khác, trẻ em có quyền được biết nơi ở và tình hình của cha, mẹ mình. Khi cha mẹ không sống với con mình, họ cần phải chu cấp cho các em một khoản tiền trợ cấp bảo đảm cho các em cuộc sống đầy đủ.

- Các bậc cha mẹ cần phải chăm sóc sức khỏe của con cái mình, giữ cho các em luôn sạch sẽ, được tiêm phòng và trong trường hợp các em bị ốm đau, được đưa tới các trung tâm y tế, nơi có điều kiện chăm sóc sức khỏe cho các em.

- Trẻ em cần nhận được sự giáo dục cần thiết, được giúp đỡ để phát triển tốt về thể chất, trí tuệ và xã hội, trở thành người công dân có trách nhiệm và biết tôn trọng những quyền của người khác.

- Nghĩa vụ của thầy cô giáo là lên lớp và giảng dạy tốt, uốn nắn trẻ em không được xúc phạm hay

làm tổn hại đến các trẻ em khác. Các bậc cha mẹ cần phối hợp với nhà trường trong việc giám sát để bảo đảm điều này được thực hiện.

- Trẻ em có quyền được sống và hưởng một môi trường lành mạnh và tự nhiên. Để có được điều này, người lớn phải có trách nhiệm hướng dẫn và giáo dục trẻ em biết giữ gìn thiên nhiên, nguồn nước, bầu không khí, cây cối và các loài vật.

- Trẻ em có quyền được vui chơi, giải trí, tham gia vào bất kỳ hoạt động nào cần thiết cho sự hình thành và phát triển nhân cách và thể chất của các em.

- Trẻ em có quyền được đọc sách báo, xem các chương trình truyền hình và nghe các chương trình phát thanh phù hợp với lứa tuổi của trẻ em. Các bậc cha mẹ cần biết con cái mình đọc gì và xem gì, để hướng dẫn các em tránh đọc và xem những điều làm cho các em sợ hãi, nhầm lẫn hoặc làm hại đến các em.

- Trẻ em cũng có quyền được tự do kết giao và tập hợp nhau theo những nhóm bạn cùng chung sở thích, cũng như tổ chức những cuộc họp mang tính chất hòa bình.

- Trong tất cả mọi quyết định có ảnh hưởng đến trẻ em được đưa ra trong gia đình, trường học, tòa án, bệnh viện hay tại bất kỳ một cơ quan nào khác, người lớn cần lắng nghe ý kiến của trẻ em và làm những điều tốt nhất cho các em.

- Không ai được phép làm tổn hại đến trẻ em, kể cả cha, mẹ, thầy cô giáo hay những người chăm sóc trẻ. Ai xâm hại về thể chất và tinh thần, làm tổn thương hoặc gây thương tích cho trẻ em là người phạm tội.

- Các bậc cha mẹ có nghĩa vụ bảo vệ con cái mình, tránh mọi nguy cơ bị xâm hại tình dục dưới mọi hình thức khác nhau (từ những lời nói bóng gió, những cái vuốt ve mơn trớn, tiếp xúc bằng tay đến những sự phô diễn xấu xa và hành vi cưỡng dâm). Không một ai, kể cả cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, anh em, họ hàng, thầy cô giáo, hàng xóm, hay những người xa lạ với gia đình có thể lạm dụng và xâm hại trẻ em về mặt tình dục. Lạm dụng tình dục trẻ em là một tội ác. Nếu cha mẹ hay những người có trách nhiệm chăm sóc các em nhận thấy những điều đó mà không báo cho các nhà chức trách thì bị coi là kẻ đồng phạm.

- Trẻ em vì một nguyên nhân nào đó không có cha mẹ, đều có quyền có một gia đình và được nhận làm con nuôi dưới hình thức hợp pháp. Cấm mọi hành vi mua bán trẻ em.

- Những trẻ em không thể nhìn, không thể nghe, phải dùng xe đẩy, nạng hay máy móc hỗ trợ; chậm phát triển hay có bệnh về mặt tinh thần, đều có quyền được mọi người yêu quý, chăm sóc, tôn trọng, được phục hồi chức năng và tạo điều kiện để làm việc, tùy theo khả năng

sẵn có của các em. Các bậc cha mẹ cần phải tìm kiếm và nhận sự trợ giúp cũng như các thông tin cần thiết.

- Cấm lợi dụng trẻ em, buộc các em đi làm ăn xin, hoặc làm việc vì lợi ích riêng của người lớn. Không một ai có quyền làm điều đó, kể cả các bậc cha mẹ.

- Trẻ em gái và trai do nhu cầu cần phải lao động sớm, phải có chế độ làm việc đặc biệt, chỉ làm những công việc nằm trong khả năng của mình, tại nơi không nguy hiểm và không độc hại. Các em cần phải được lĩnh một khoản tiền lương hợp lý để sử dụng cho nhu cầu của mình và phải có thời gian để các em học tập, vui chơi giải trí.

- Vì một lý do nào đó mà trẻ em phải sống nội trú trong bệnh viện hoặc trung tâm giáo dưỡng thì có quyền được đối xử tốt, được giải thích vì sao các em ở đó và khi nào các em được ra, được tôn trọng về mặt nhân phẩm, được thương yêu và tạo mọi cơ hội để phát triển và nâng cao trình độ.

- Cấm mọi hành vi làm nhục, đối xử dã man và vô nhân đạo đối với trẻ em. Người lớn có nghĩa vụ phải bảo vệ các em và tố cáo với các nhà chức trách khi biết ai đó đang phạm tội ác này.

Không một trẻ em nào có thể bị bắt hay bị tạm giam, tạm giữ trong đồn cảnh sát hoặc nhà tạm giữ nếu chưa có quyết định tạm giam, tạm giữ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Không trẻ em

nào có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có phán quyết của Tòa án. Trẻ em làm trái pháp luật cần nhận được mọi sự giúp đỡ, chăm sóc cần thiết để có điều kiện sớm hoà nhập vào cuộc sống của gia đình và cộng đồng, tránh các hành vi tái phạm. Các bậc cha mẹ và những người giám hộ đỡ đầu chính là những người chịu trách nhiệm về mọi hành vi của con cái mình.

- Các bậc cha mẹ hay người giám hộ phải luôn cảnh giác, phải giáo dục và hướng dẫn trẻ em nhằm ngăn ngừa việc các em tiêu thụ và sử dụng ma túy, thuốc lá, rượu và bất kỳ sản phẩm nào khác làm hại đến sức khỏe của các em.

2.2. Các nhóm quyền

Theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989, các nhóm quyền của trẻ em gồm *quyền được sống quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia*.

** Quyền được sống*

Tại các nước đang phát triển và kém phát triển, theo điều tra của Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc, cứ 10 trẻ thì có 1 trẻ chết trước 5 tuổi. Hàng năm, trên thế giới có 12 triệu trẻ em chết vì những căn bệnh có thể phòng tránh, 7 trong 10 ca tử vong của trẻ em tại các nước đang phát triển do các bệnh viêm phổi, tiêu chảy, sốt rét và suy dinh dưỡng gây nên.

Thống kê của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc: 72% trẻ em dưới 5 tuổi bị tử vong ở các nước đang phát triển có thể được cứu sống bằng các biện pháp phòng ngừa như tiêm chủng và dùng kháng sinh. Hơn 200 triệu trẻ em dưới 5 tuổi tại các nước đang phát triển bị suy dinh dưỡng trong đó một nửa là từ Nam Á. Vì thế, thực hiện và bảo vệ các quyền sống còn của trẻ em là trách nhiệm chung của các cá nhân và tổ chức xã hội bao gồm: trẻ em, người lớn và gia đình, nhà trường, cộng đồng, các chính phủ, các tổ chức quốc tế.

Quyền được sống là quyền của trẻ em được sống cuộc sống bình thường và được đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất để tồn tại và phát triển thể chất. Đó là mức sống đủ, có nơi ở, ăn uống đủ chất, được chăm sóc sức khỏe. Trẻ em phải được khai sinh ngay sau khi ra đời.

Quyền được sống là một trong những quyền cơ bản, thiêng liêng nhất của con người. Trẻ em với tư cách là chủ thể mang quyền đều được hưởng quyền được sống. Quyền được sống bao gồm quyền được chăm sóc sức khỏe và y tế ở mức cao nhất có thể được.

Do trẻ em là những cá thể còn non nớt về thể chất và tinh thần, không thể tự nuôi sống bản thân nên khái niệm bảo đảm sự sống còn của trẻ em được mở rộng, không chỉ gồm việc bảo đảm

không bị tước đoạt về tính mạng mà còn bảo đảm cho trẻ được cung cấp chất dinh dưỡng và sự chăm sóc y tế ở mức cao nhất. Các quyền trẻ em nào liên quan đến các vấn đề trên đều thuộc phạm vi nhóm quyền được sống của trẻ.

Các điều khoản thuộc quyền được sống gồm:

- Các quốc gia thành viên thừa nhận mỗi trẻ em đều có quyền được sống. Các quốc gia cần bảo đảm cho sự sống còn và phát triển của trẻ em ở mức cao nhất;

- Các quốc gia thành viên công nhận, trẻ em có quyền được chăm sóc sức khỏe, được hưởng các phương tiện chữa bệnh và phục hồi sức khỏe ở mức cao nhất có thể đạt được;

- Quyền có họ tên và quốc tịch của trẻ;
- Quyền giữ gìn bản sắc;
- Quyền được sống với cha mẹ;
- Quyền được bảo vệ khỏi sự bỏ rơi, ngược đãi và lạm dụng;

- Quyền được hưởng sự chăm sóc thay thế đối với những trẻ em mất môi trường gia đình;

- Quyền được nhận làm con nuôi;
- Quyền của trẻ em khuyết tật.

Các điều khoản có liên quan đến quyền được sống:

- Quyền có họ tên và quốc tịch của trẻ;
- Quyền giữ gìn bản sắc;
- Quyền được sống với cha mẹ;

- Quyền được bảo vệ khỏi sự bỏ rơi, ngược đãi và lạm dụng;

- Quyền được hưởng sự chăm sóc thay thế đối với những trẻ em mất môi trường gia đình;

- Quyền được nhận làm con nuôi;

- Quyền của trẻ em khuyết tật;

- Quyền được bảo đảm an ninh xã hội;

- Quyền được hưởng mức sống thích hợp cho sự phát triển toàn diện;

- Quyền của trẻ em dân tộc thiểu số và bản xứ được hưởng nền văn hóa, theo tôn giáo và tiếng nói của cộng đồng mình;

- Quyền được bảo vệ khỏi sự bóc lột về kinh tế;

- Quyền được bảo vệ khỏi tệ nạn ma túy;

- Quyền được bảo vệ khỏi sự lạm dụng tình dục;

- Quyền được bảo vệ khỏi sự mua bán, bắt cóc;

- Quyền được bảo vệ khỏi các cuộc xung đột vũ trang.

Các biện pháp tăng cường quyền được sống còn của trẻ em:

Xã hội và các tổ chức từ thiện đã tiến hành các biện pháp nhằm bảo vệ quyền được sống cho các nhóm trẻ, bao gồm việc cung cấp lương thực, thực phẩm, dinh dưỡng, thực hiện chương trình tiêm phòng, cung cấp nơi tạm trú cho trẻ em, giúp trẻ em được đoàn tụ với gia đình, chăm sóc y tế, cải thiện môi trường sống an toàn cho trẻ, giáo dục, đào tạo, dạy nghề và tôn trọng trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Những nguy cơ đe dọa sự sống còn của trẻ em rất nhiều, có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào (kể cả trong gia đình của trẻ). Những nguy cơ này được xem là phải ưu tiên giải quyết trong chính sách, pháp luật, chương trình, dự án nhằm bảo đảm sự sống còn của trẻ. Những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần được nhà nước, các tổ chức, cá nhân và xã hội quan tâm, tạo điều kiện đặc biệt để quyền được sống còn của những nhóm trẻ đó được đảm bảo. Những trẻ em thuộc nhóm trẻ đặc biệt này là những trẻ có nguy cơ cao bị đe dọa sự sống còn, bao gồm: trẻ sơ sinh, trẻ bị khuyết tật, trẻ lang thang, trẻ phải lao động sớm, trẻ mồ côi, trẻ bán dâm, trẻ bị lạm dụng tình dục, trẻ nghiện ma túy, trẻ bị ảnh hưởng bởi đại dịch HIV, trẻ em trong chiến tranh, trẻ em nhiễm chất độc da cam, trẻ em tị nạn, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, trẻ em nghèo, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ sống trong môi trường bạo lực, trẻ ở vùng bệnh dịch/thiên tai/ô nhiễm môi trường. Những nhóm trẻ em này đòi hỏi cần có sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt nhằm bảo đảm quyền trẻ em.

** Quyền được phát triển:*

Phát triển là sự biến đổi về lượng và chất, với con người là sự thay đổi về thể chất, tinh thần và xã hội theo hướng tích cực. Sự phát triển của trẻ em là một quá trình trong đó những nhu cầu phát

triển về thể chất, tinh thần và các kỹ năng xã hội được tích lũy, tạo ra những thay đổi tích cực, tốt nhất về lượng và chất.

Ở những độ tuổi khác nhau, trẻ em có những đặc điểm, nhu cầu và khả năng phát triển khác nhau, do vậy ở mỗi giai đoạn, cần đáp ứng những yếu tố, điều kiện thích hợp, bảo đảm cho trẻ phát triển toàn diện.

Như vậy, quyền được phát triển gồm những điều kiện để trẻ em có thể phát triển đầy đủ nhất về cả tinh thần và đạo đức, bao gồm việc học tập, vui chơi, tham gia các hoạt động văn hóa, tiếp nhận thông tin, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo. Trẻ em cần có sự yêu thương và cảm thông của cha mẹ để có thể phát triển hài hòa.

Quyền được phát triển thể hiện ở quyền được chăm sóc sức khỏe, điều trị bệnh, quyền được học hành, giáo dục, phát triển tài năng, quyền được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi, quyền được tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền được thu nhận nhiều nguồn thông tin, tư liệu có lợi về xã hội, văn hóa cho trẻ em, quyền được có mức sống đủ.

Các quyền được phát triển:

Các quyền được phát triển gồm mọi hình thức giáo dục (chính quy và không chính quy), quyền có được mức sống đầy đủ cho sự phát triển thể lực, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội của trẻ.

Các điều khoản liên quan đến quyền được phát triển, gồm:

- Quyền được cha mẹ hướng dẫn, chỉ bảo;
- Quyền được sống còn và phát triển;
- Quyền có họ tên và quốc tịch;
- Quyền giữ gìn bản sắc;
- Quyền được sống với cha mẹ;
- Quyền được bảo vệ không bị đưa ra nước ngoài trái phép và không đưa trở về;
- Quyền tự do biểu đạt ý kiến;
- Quyền tự do tư tưởng, nhận thức và tôn giáo;
- Quyền được tự do hội họp;
- Quyền được tiếp nhận thông tin phù hợp;
- Quyền có sức khỏe và được chăm sóc sức khỏe.
- Quyền được bảo đảm an ninh xã hội;
- Quyền được giáo dục;
- Quyền được nghỉ ngơi, vui chơi giải trí;
- Quyền được tham gia các hoạt động văn hóa.

** Quyền được bảo vệ:*

Quyền được bảo vệ gồm những quy định, trẻ em phải được bảo vệ chống tất cả các hình thức bóc lột lao động, bóc lột và xâm hại tình dục, lạm dụng ma túy, sao lãng và bị bỏ rơi, bị bắt cóc và buôn bán. Trẻ em còn được bảo vệ khỏi sự can thiệp vô cớ vào thư tín và sự riêng tư.

Quyền được bảo vệ bao gồm cả không bị tra tấn, đánh đập và lạm dụng trong trường hợp trẻ em làm trái pháp luật hay bị giam giữ.

Do trẻ em còn non nớt về thể chất, trí tuệ, nhân cách và sự trải nghiệm cuộc sống nên cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt. Cơ sở cho quyền này là do người lớn còn sao lãng, không có trách nhiệm hoặc thiếu hiểu biết về trách nhiệm bảo vệ trẻ em.

Thực tế còn nhiều nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc còn chịu nhiều đau khổ do tác động xấu từ môi trường tự nhiên và xã hội gây nên.

Bất cứ lúc nào các em cũng có thể bị rơi vào tình trạng nguy hiểm. Do đó, mọi trẻ em cần được bảo vệ đặc biệt không bị phân biệt đối xử bởi bất cứ lý do gì. Nhà nước, các tổ chức, các cá nhân và trẻ em đều có trách nhiệm thực hiện và tôn trọng các quyền này. Công ước đặc biệt nhấn mạnh vấn đề bảo vệ trẻ em là:

- Bảo vệ trẻ em thoát khỏi các hình thức phân biệt đối xử.

- Bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức bóc lột, xâm hại về thể xác và tình dục, bị sao lãng, bỏ rơi.

- Bảo vệ trẻ em trong các tình huống khẩn cấp, đặc biệt khó khăn như bị mất môi trường gia đình, trong hoàn cảnh khó khăn, thiên tai.

- Tạo điều kiện chăm sóc đầy đủ hoặc phục hồi trong những trường hợp cần thiết.

- Chống phân biệt đối xử với trẻ em, thể hiện qua sự đối xử khác biệt, loại trừ, cấm đoán hoặc

ưu tiên trẻ em trên cơ sở khác biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác; tài sản, hoàn cảnh xuất thân và các tình trạng khác gây trở ngại hoặc làm tổn hại tới vị thế, hoạt động và sự phát triển của trẻ em.

Chống xâm hại, bóc lột trẻ em, thể hiện qua bất kỳ một hành vi hoặc yếu tố tình huống nào có chủ ý của cá nhân, tổ chức hay cộng đồng, xâm phạm đến thể chất, tình cảm, nhân cách; xâm hại tình dục, ngược đãi, sao lãng, bỏ rơi, sử dụng quá mức sức lao động, khai thác thương mại, tước đoạt quyền và sự tự do của trẻ em, gây nguy hại đến sự phát triển thể chất, tinh thần và xã hội của trẻ em.

Ngoài ra, phải bảo vệ trẻ em chống tình trạng khủng hoảng, khẩn cấp như rối loạn, thiếu hụt, mất thăng bằng nghiêm trọng do những yếu tố bên ngoài tác động, có ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể chất, tinh thần, xã hội của trẻ em.

Quyền được bảo vệ, bao gồm:

- Quyền được giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc;
- Quyền không bị buộc cách ly cha mẹ trái với ý kiến của cha mẹ, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ;
- Quyền không chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư;
- Quyền được hưởng an toàn xã hội bao gồm bảo trợ xã hội và các biện pháp cần thiết khác;

- Quyền được bảo vệ chống lại mọi hình thức lạm dụng, bóc lột về tình dục, về kinh tế, bị bắt cóc, mua bán, phải lao động có hại cho sức khỏe của trẻ;

- Quyền được bảo vệ chống lại việc sử dụng ma túy hay bị lôi kéo vào việc sản xuất, buôn bán ma túy;

- Quyền được bảo vệ khỏi sự tra tấn, đối xử, trừng phạt độc ác, bị tước quyền tự do bất hợp pháp;

- Quyền được bảo vệ không phải tham gia chiến sự khi chưa đủ 15 tuổi.

** Quyền được tham gia:*

Quyền được tham gia thể hiện ở việc tạo mọi điều kiện cho trẻ em được tự do bày tỏ quan điểm và ý kiến về những vấn đề có liên quan đến cuộc sống của mình, được hình thành quan điểm riêng và tự do phát triển những quan điểm đó về các vấn đề tác động đến trẻ em.

Trẻ em còn có quyền kết bạn, giao lưu và hội họp hòa bình, được tạo điều kiện tiếp cận các nguồn thông tin và chọn lựa thông tin phù hợp.

Mỗi trẻ em là một cá thể đang phát triển với những tình cảm, ý kiến và nhu cầu riêng của mình. Với sự giúp đỡ và tôn trọng đúng mực, trẻ em sẽ đưa ra những ý kiến và quyết định có ý nghĩa mang tính trách nhiệm.

Trẻ em có tính trung thực, có thái độ ham học hỏi đối với sự vật xung quanh và có trí tưởng

tượng phong phú. Vì vậy trẻ em có thể đưa ra những ý kiến mới mẻ trong các cuộc tranh luận về hạnh phúc, sự phát triển và quyền lợi của mình.

Khi trẻ được tham gia, các em có thể có những đóng góp có giá trị. Việc trẻ được tham gia là phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ, bảo đảm được lợi ích tốt nhất cho trẻ.

Các yếu tố cần thiết cho sự tham gia của trẻ:

Người lớn nên hướng dẫn và giúp đỡ trẻ thực hiện các quyền được tham gia, lắng nghe trẻ một cách tích cực (trẻ được bày tỏ quan điểm, ý kiến về những vấn đề có liên quan đến các em), tạo cơ hội cho trẻ cùng tham gia vào quá trình ra quyết định/cùng làm, thông báo cho trẻ biết trước những dự kiến, mục đích và những quyết định cuối cùng khi trẻ tham gia, theo dõi, đánh giá kết quả tham gia của trẻ đồng thời tạo điều kiện về cơ sở vật chất, không gian và thời gian phù hợp cho trẻ.

Về phía trẻ em, trẻ phải tự nguyện, phải được bàn bạc, được thảo luận, được quyết định và được thực hiện, phải được thông báo về những vấn đề có liên quan đến sự tham gia đó, phải được bảo đảm một môi trường an toàn khi tham gia, phải được hưởng những lợi ích thu được từ sự tham gia, phải được học các kỹ năng tham gia thông qua việc làm, phải được kiểm soát, đánh giá việc tham gia của mình.

Muốn trẻ tham gia, cần tạo điều kiện cho trẻ

phát huy năng lực và ý kiến của mình, thể hiện qua việc:

- Coi trọng điều trẻ nói;
- Tôn trọng điều trẻ muốn làm;
- Cung cấp đầy đủ thông tin cho trẻ.

Muốn trẻ phát huy quyền tham gia, cần tránh mấy điều:

- Trước một vấn đề nào đó liên quan đến trẻ em, người lớn hoàn toàn quyết định, không nghe sự bày tỏ ý kiến của trẻ hoặc sự có mặt của trẻ chỉ là hình thức chiếu lệ.

- Người lớn điều khiển trẻ em làm hoặc nói những gì người lớn gợi ý, nhưng thật sự trẻ chẳng hiểu đó là những cái gì. Trẻ chỉ được hỏi lấy lệ.

- Trẻ tham gia vào một sự kiện nào đó do người lớn sắp đặt như một hình thức trang trí.

- Trẻ được nói những gì chúng suy nghĩ về một vấn đề nào đó, nhưng lại có rất ít hoặc không có sự lựa chọn về cách tham gia hay cách bày tỏ các quan điểm của mình.

Như vậy, quyền tham gia của trẻ em là trẻ em được giao nhiệm vụ, được thông báo, được hỏi ý kiến, được khởi xướng và thiết kế, được tổ chức, điều khiển,... người lớn chỉ giữ vai trò người hướng dẫn, giúp đỡ khi trẻ em yêu cầu.

Quyền tham gia của trẻ em thường được thể hiện ở các mức độ khác nhau:

- Trẻ em được giao nhiệm vụ và được thông báo. Người lớn quyết định về công việc và trẻ xung

phong thực hiện công việc đó. Trẻ hiểu công việc phải làm và tự quyết định về sự tham gia của mình.

- Trẻ em được hỏi ý kiến và được thông báo. Công việc do người lớn thiết kế và quản lý nhưng trẻ được hỏi ý kiến. Trẻ hiểu hoàn toàn quy trình công việc và ý kiến của các em được lắng nghe nghiêm túc.

- Người lớn khởi xướng quyết định, trẻ tham gia vào tất cả các khâu lập kế hoạch và thực hiện. Không những quan điểm của trẻ được quan tâm xem xét mà bản thân trẻ em cũng được tham gia ra quyết định.

- Trẻ em khởi xướng và được chỉ dẫn: ý tưởng khởi xướng là của trẻ em và trẻ em là người quyết định công việc phải được thực hiện như thế nào. Người lớn luôn có mặt để chỉ dẫn nhưng không quản lý công việc.

- Trẻ em khởi xướng công việc và trẻ cần ở người lớn những lời khuyên, sự bàn luận và hỗ trợ. Người lớn không chỉ huy nhưng sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm để trẻ cân nhắc và quyết định.

- Trẻ em thiết kế, quản lý và điều hành công việc, người lớn có mặt sẵn sàng giúp đỡ. Trẻ em điều khiển hoàn toàn.

Các mức độ tham gia của trẻ em cho thấy sự tham gia này là một quá trình gồm nhiều mức độ khác nhau, điều quan trọng là trong từng mức độ đó, cần bảo đảm chất lượng đích thực cho sự tham gia của trẻ.

Mức độ tham gia của trẻ em còn giúp hiểu được mối quan hệ quyền lực giữa người lớn và trẻ em trong việc bảo đảm các quyền khác. Do vậy, người lớn cần coi trọng trẻ và phát huy vai trò ngày càng cao của trẻ, giúp trẻ trở thành những chủ thể tích cực, được đánh giá công bằng như người lớn trong xã hội khi thực hiện các hoạt động có liên quan đến trẻ.

Các điều khoản về quyền được tham gia của trẻ:

- Trẻ em có khả năng hình thành nên các quan điểm của bản thân và có quyền bày tỏ các quan điểm đó một cách tự do trong tất cả các vấn đề có liên quan đến cuộc sống của các em. Các quan điểm đó được coi trọng đến mức nào là tùy thuộc vào lứa tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em.

Trẻ em có quyền nhận và cung cấp thông tin cho mọi người, có quyền được bày tỏ các quan điểm của bản thân mình, trừ khi điều này xâm phạm đến các quyền của người khác.

Trẻ em có quyền gặp gỡ mọi người, hòa nhập và thiết lập mối quan hệ với mọi người, trừ khi điều này xâm phạm đến các quyền của người khác.

Nhà nước phải bảo đảm để trẻ em có thể tiếp cận các thông tin và tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau, khuyến khích các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến các thông tin có lợi đối với trẻ em về các mặt xã hội, văn hóa, đồng thời tiến hành các bước để bảo vệ trẻ em khỏi bị tác động bởi các tài liệu độc hại.

Cha mẹ phải cùng nhau chịu trách nhiệm chính về giáo dục và sự phát triển của con cái, và nhà nước sẽ hỗ trợ họ trong vấn đề này. Những lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm cơ bản của họ.

Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí và tham gia các hoạt động văn hóa và nghệ thuật. Khi có cơ hội tham gia, trẻ em có rất nhiều ý kiến, nhiều quan điểm độc đáo, có giá trị đối với sự phát triển toàn diện của trẻ. Việc được tham gia và bày tỏ quan điểm của trẻ không chỉ mang lại lợi ích cho trẻ mà còn mang lại lợi ích cho người lớn và xã hội, góp phần làm cho mối quan hệ giữa người lớn và trẻ em được tốt hơn.

Do vậy, người lớn nhất thiết phải hiểu và biết về những suy nghĩ và mong muốn của trẻ để tăng cường sự tham gia nhằm đáp ứng tốt nhất lợi ích của trẻ.

Cần phải đặt ra vấn đề, trẻ em có quyền tham gia vì mấy lý do sau:

- Để tránh đối xử bất công;
- Để lắng nghe trẻ;
- Để hiểu và tôn trọng trẻ hơn;
- Để xây dựng lòng tin cho trẻ;
- Để thúc đẩy sự năng động và sáng tạo của trẻ;
- Để bảo đảm quyền của trẻ;
- Để trẻ có cơ hội ra các quyết định liên quan đến trẻ;

- Để trẻ được phát triển tích cực và toàn diện hơn;
- Để thúc đẩy khả năng hợp tác của trẻ;
- Nâng cao chất lượng công việc của xã hội, tập thể và gia đình.

Khi trẻ được phát huy quyền tham gia, trẻ sẽ có cơ hội thể hiện và hiểu được cảm nghĩ và nhu cầu của chính mình; từ đó trẻ có thể cân nhắc đến cảm nghĩ và nhu cầu của người khác, sẽ nhận thức được quyền dân sự của mình và được trao quyền để đòi hỏi các quyền của mình, trẻ em sẽ được bảo vệ và học cách tự bảo vệ mình. Nhờ có được thông tin, trẻ sẽ hiểu được khả năng cùng những cản trở của bản thân.

Khi trẻ phát huy quyền tham gia cũng có nghĩa là trẻ được phát triển các kỹ năng như giao tiếp, tranh luận, thương lượng, ra quyết định, tổ chức các hoạt động..., làm tăng tính tự tin, lòng tự trọng và sự độc lập của trẻ.

Việc làm này của trẻ sẽ tạo nền móng cho khả năng tham gia đầy đủ hơn của trẻ khi lớn lên và phát triển, giúp trẻ biết cân bằng giữa nhu cầu của bản thân với nhu cầu của người khác, thúc đẩy tình đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa trẻ với bạn bè, thay đổi thái độ và nâng cao nhận thức của trẻ qua các hoạt động. Trẻ học được cách giao tiếp có hiệu quả hơn với những trẻ em khác, học được cách trở thành người công dân có trách nhiệm trong tương lai...

Trẻ phát huy quyền tham gia làm cho người lớn hiểu được những mong muốn và nhu cầu của trẻ, gần gũi hơn với trẻ, thu thập được nhiều ý kiến, sáng kiến từ trẻ, thay đổi nhận thức của người lớn về trẻ em đồng thời mối quan hệ giữa người lớn và trẻ em trở nên dễ dàng hơn khi người lớn tôn trọng ý kiến của trẻ, lắng nghe trẻ nói và quan tâm tới quan điểm của trẻ. Điều này cũng làm giảm hẳn xung đột, tăng sự hợp tác giữa người lớn và trẻ em. Trẻ em sẽ phản ứng tích cực khi được đối xử với thái độ tôn trọng đồng thời các em cũng kính trọng và sẽ đối xử với người lớn với thái độ tôn trọng. Ngoài ra, các dịch vụ mà người lớn cung cấp sẽ phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của trẻ, cũng như có thể điều chỉnh khi nhu cầu của trẻ thay đổi.

Đối với xã hội, việc phát huy quyền tham gia của trẻ sẽ xây dựng được nhiều hơn các chính sách phù hợp, các chương trình có hiệu quả cho trẻ em. Các tổ chức sẽ có những phương pháp tiếp cận và dịch vụ thân thiện với trẻ hơn và lấy trẻ em làm trung tâm nhiều hơn. Đồng thời việc này sẽ khuyến khích tính dân chủ, sự tôn trọng các nguyên tắc cũng như việc thực hiện một cuộc sống dân chủ. Sự tham gia của trẻ em vừa là quyền cần phải thực hiện, đồng thời cũng là một công cụ giúp thực hiện tốt các quyền khác của trẻ.

V. THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM Ở VIỆT NAM

1. Quá trình thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam

Một trong những đường lối, chính sách xuyên suốt trong sự nghiệp lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em - những chủ nhân tương lai của đất nước.

Chương trình Việt Minh được đưa ra trong những ngày tiền khởi nghĩa đã xác định trẻ em là lực lượng của cách mạng, chính sách của Việt Minh là “bỏ các khoản học phí, khai sinh, hạn tuổi, mở thêm trường học, cấp học bổng rộng rãi cho học trò nghèo”, riêng trẻ em “Được Chính phủ đặc biệt săn sóc về thể dục, trí dục và đức dục”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài diễn ca đã viết:

Trẻ em, bố mẹ khỏi lo,

*Dạy nuôi, Chính phủ giúp cho đủ đầy*².

Vấn đề trẻ em được cương lĩnh hóa trong *Chương trình Việt Minh* mang dấu ấn rất đậm nét, thể hiện cách nhìn nhận của Nhà nước Việt Nam đối với bộ phận dân cư quan trọng này.

Sau Cách mạng Tháng Tám, vấn đề trẻ em đã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.469-470.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.243.

được thể chế hóa về mặt nhà nước trong đạo luật cơ bản đầu tiên - Hiến pháp năm 1946. Tiếp đó, vấn đề này được thể hiện trong đạo luật cơ bản thứ hai - Hiến pháp năm 1959.

Năm 1960, theo Chỉ thị số 197-CT/TW ngày 19-3-1960 của Ban Bí thư Trung ương về công tác thiếu niên, nhi đồng, phong trào chăm lo và bảo vệ thiếu niên, nhi đồng diễn ra rộng khắp các địa phương trong cả nước.

Năm 1975, đất nước thống nhất, nước ta lại có thêm những điều kiện mới để chăm lo, giáo dục trẻ em.

Năm 1979, chính sách, đường lối của Đảng về trẻ em được cụ thể hóa trong Pháp lệnh về Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Pháp lệnh này là một trong những nền tảng pháp lý đầu tiên cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Nửa cuối những năm 80 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta tiến hành công cuộc đổi mới về nhiều phương diện. Vấn đề bảo vệ quyền trẻ em là một bộ phận quan trọng của công cuộc đổi mới này. Đường lối, chính sách đổi mới của Đảng về vấn đề này được tiến hành theo cả chiều sâu và chiều rộng, được cụ thể hóa trong pháp luật. Hàng loạt các văn bản có hiệu lực pháp lý cao đã ra đời nhằm thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng về trẻ em trong hệ thống pháp luật cho phù hợp với điều kiện mới: Bộ luật Hình sự năm 1985,

Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989. Đây là tiền thân của hàng loạt các văn bản luật hiện nay.

Đặc biệt khi Công ước quốc tế về quyền trẻ em ra đời năm 1989, Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước này. Sau đó, liên tiếp các đạo luật liên quan đến trẻ em nhằm cụ thể hóa các quy định của Công ước vào hệ thống pháp luật quốc gia đã được ban hành như Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, Luật Giáo dục năm 1998, Luật Giáo dục năm 2005. Ngoài ra, nhiều chương trình hành động quốc gia vì trẻ em trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, dinh dưỡng đã được thực hiện.

Đáng chú ý, Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30-5-1994 của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em gắn với việc thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989, Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em 1991-2000, điển hình là Chỉ thị số 55-CT/TW ngày 28-6-2000 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng ở cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em đã đạt được nhiều kết quả tốt.

Trong các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, vấn đề trẻ em được đưa vào vị trí ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngày 20-02-1990, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989.

Theo quy định của Công ước, trẻ em "là người dưới 18 tuổi, trừ khi pháp luật quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn". Công ước gồm 54 điều khoản trong đó nêu bật bốn nguyên tắc cơ bản về quyền trẻ em, đó là không phân biệt đối xử trong việc bảo đảm thực hiện tất cả các quyền trẻ em. Trẻ em có quyền xác lập, thể hiện ý kiến riêng của mình và quyền đó phải được tôn trọng. Nhà nước phải dành những lợi ích tốt nhất cho trẻ em và trong trường hợp, những điều khoản trong luật quốc gia hoặc quốc tế có lợi hơn cho trẻ em so với những điều khoản trong Công ước sẽ được áp dụng.

Dựa trên các nguyên tắc cơ bản này, Công ước đã đưa ra bốn nhóm quyền trẻ em gồm quyền được sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia.

Việc nước ta tham gia Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 đã góp phần vào sự điều chỉnh của pháp luật về quyền trẻ em, tạo nên một khung pháp luật về trẻ em tương đối hoàn thiện.

Tuy nhiên, sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em lại bao gồm các lĩnh vực

riêng lẻ, thuộc các đặc thù riêng về đối tượng điều chỉnh của từng ngành luật cụ thể. Đồng thời, việc linh hoạt trong các lĩnh vực tạo điều kiện chăm sóc, giáo dục cũng như trật tự trị an được đảm bảo. Chẳng hạn, theo Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”.

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 lại quy định: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng...”. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định tại Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự: “Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác”, đồng thời có riêng chương XII: Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong khi đó, Bộ luật Lao động năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2015 lại quy định người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi. Những sự khác biệt trong việc xác định độ tuổi thành niên hay trẻ em trong các văn bản quy định của pháp luật là sự phù hợp với từng trường hợp. Tuy nhiên, điều này cũng có tính hai mặt, bên cạnh việc tạo sự linh hoạt trong hoạt động trị an nó cũng gây không ít khó khăn trong công tác bảo đảm quyền lợi của trẻ em.

Do vậy, khái niệm trẻ em ở Việt Nam được hiểu là bao gồm cả người chưa thành niên hay nói cách khác người chưa thành niên cũng bao gồm cả trẻ em và đều là những người ở độ tuổi dưới thành niên (dưới 18 tuổi). Cách hiểu này cũng phù hợp với khái niệm trẻ em của Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 đã nêu ở trên. Tóm lại, có thể hiểu khái niệm trẻ em ở Việt Nam “là công dân Việt Nam dưới 18 tuổi”. Khái niệm này phần nào có thể bao hàm được cả khái niệm trẻ em của Công ước và của các ngành luật thuộc hệ thống pháp luật quốc gia.

Xét dưới khía cạnh nhà nước và pháp luật, trẻ em là một chủ thể pháp luật. Cũng như các chủ thể pháp luật khác, trẻ em có khả năng trở thành các bên tham gia quan hệ pháp luật, được hưởng những quyền lợi, cũng như các nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đặc biệt.

Theo Hiến pháp, trẻ em được xem như một công dân đặc biệt. Vấn đề bảo vệ quyền trẻ em được điều chỉnh dưới góc độ là phạm trù của quyền con người. Do vậy, Hiến pháp bảo vệ quyền trẻ em bằng việc quy định các quyền cơ bản nhất của trẻ em, gồm quyền được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục đồng thời cũng quy định trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo đảm thực hiện các quyền cơ bản này trong chương “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của

công dân”. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội khác nhau trong từng thời kỳ nên mỗi Hiến pháp có những quy định không giống nhau đối với quyền trẻ em. Hiến pháp tiếp theo là sự kế thừa, phát triển những hạt nhân hợp lý của các Hiến pháp trước và bổ sung thêm những quy định mới nhằm hoàn thiện chế định pháp lý về bảo vệ quyền trẻ em.

Hiến pháp năm 1946 đặt cơ sở pháp lý đầu tiên khẳng định các quyền cơ bản và thiêng liêng của trẻ em, Điều thứ 14 Hiến pháp năm 1946 quy định “Trẻ em được săn sóc về mặt giáo dỡng”. Các quyền cơ bản này, cùng với sự quan tâm của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích của trẻ em được tiếp tục thể hiện, phát triển và bổ sung trong những Hiến pháp tiếp theo.

Hiến pháp năm 1959 đã gắn quyền lợi của trẻ em với quyền lợi của phụ nữ - người mẹ sinh thành, nuôi nấng, dạy dỗ trẻ em ngay từ khi mới chào đời.

Hiến pháp năm 1980, ngoài việc kế thừa các hiến pháp trước, đã quy định thêm Nhà nước và xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện cho công tác chăm sóc sức khỏe, cho hoạt động học tập, giáo dục, sinh hoạt văn hoá tinh thần của trẻ em. Quyền lợi của trẻ em gắn với trách nhiệm của gia đình trong việc nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tới Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 hay mới nhất là Hiến pháp năm 2013 quyền trẻ em trở thành một chế định hoàn chỉnh, không còn là những quy định riêng lẻ như các Hiến pháp trước. Đảng và Nhà nước xác định trẻ em là một bộ phận đặc biệt trong xã hội cần có những biện pháp chăm sóc, giáo dục, bảo vệ phù hợp để nuôi dưỡng thế hệ tương lai của đất nước. Chính vì thế tại Điều 37 Hiến pháp năm 2013 có quy định rõ:

“ 1. Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”.

Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, xem trẻ em với tư cách là một cá nhân, nên quyền có quốc tịch là một trong những quyền cơ bản và thiêng liêng nhất của trẻ. Được sửa đổi, bổ sung năm 2014, nhưng về vấn đề quyền trẻ em trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2014 không có sự thay đổi so với Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 - điều này cho thấy, sự nhìn nhận, bảo đảm về quyền trẻ em khá ổn định và ưu việt. Quốc tịch là căn cứ để trẻ em được hưởng sự bảo hộ pháp lý của Nhà nước, là một trong những điều kiện cơ bản để xác định tình trạng nhân thân của một con người từ khi

sinh ra cho đến khi chết. Trong Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 có quy định:

“Điều 15. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha mẹ là công dân Việt Nam

Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là công dân Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam

Điều 16. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam

1. Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

2. Trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con. Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam.

Điều 17. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha mẹ là người không quốc tịch

1. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam.

2. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

Điều 18. Quốc tịch của trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam

1. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

2. Trẻ em quy định tại khoản 1 Điều này chưa đủ 15 tuổi không còn quốc tịch Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

a) Tìm thấy cha mẹ mà cha mẹ chỉ có quốc tịch nước ngoài;

b) Chỉ tìm thấy cha hoặc mẹ mà người đó chỉ có quốc tịch nước ngoài”.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017 xác định, trẻ em với tư cách là một chủ thể xã hội, cũng là đối tượng điều chỉnh của pháp luật về hành chính. Mọi lĩnh vực trẻ em tham gia như hoạt động học tập, vui chơi, giải trí hay các hoạt động chăm sóc sức khỏe, y tế, giáo dục đều chịu sự quản lý của Nhà nước. Các cơ quan, tổ chức nhà nước đều coi trẻ em là đối tượng quản lý của mình. Ngoài ra, Luật còn quy định trách nhiệm hành chính đối với trẻ em và có quy định riêng áp dụng đối với trẻ em vi phạm hành chính. Luật Xử lý vi phạm hành

chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017 còn tạo ra một cơ chế quản lý trẻ em vi phạm hành chính gồm các biện pháp xử lý hành chính như giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng và các tổ chức, cơ sở nhằm giáo dục trẻ em, đưa trẻ em trở lại cuộc sống bình thường.

Hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã có những quy định tương đối đầy đủ để xử lý những hành vi vi phạm quyền trẻ em cũng như xử lý những hành vi vi phạm do trẻ em thực hiện. Đường lối xử lý nhằm tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng và chống vi phạm hành chính, thể hiện tính nhân đạo và trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ, giáo dục trẻ em nhằm bảo đảm lợi ích tốt nhất cho trẻ em, phù hợp với tâm sinh lý của trẻ em. Tuổi chịu trách nhiệm hành chính được quy định đối với những người từ đủ 14 tuổi trở lên (từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; từ đủ 16 tuổi trở lên - về mọi hành vi vi phạm hành chính). Việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em còn được thể hiện ở các quy định nghiêm ngặt về tạm giữ người theo thủ tục hành chính, khi người chưa thành niên vi phạm bị tạm giữ trên 6 giờ hoặc vào ban đêm, thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo ngay cho cha mẹ hoặc người giám hộ biết.

Pháp luật dân sự coi trẻ em như một thành viên của đời sống dân sự và có những quy định riêng nhằm xác định địa vị pháp lý của trẻ em trong lĩnh vực dân sự, gồm quyền, nghĩa vụ và những bảo đảm pháp lý. Bảo vệ quyền trẻ em được thể hiện ở các quy định giám hộ đối với người chưa thành niên, năng lực chủ thể dân sự của người chưa thành niên, về thừa kế, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người chưa thành niên, do người chưa thành niên gây ra... Người chưa thành niên bình đẳng so với các cá nhân khác trong năng lực pháp luật dân sự. Mọi giao dịch dân sự của người chưa đủ 6 tuổi đều do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện. Người từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có năng lực hành vi dân sự chưa đầy đủ; người chưa thành niên dưới 15 tuổi gây thiệt hại mà còn cha mẹ thì cha mẹ phải bồi thường hoàn toàn thiệt hại.

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nhiều nội dung liên quan đến các quyền của trẻ em, trong đó có các quyền về nhân thân, quyền về tài sản. Trong trường hợp người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có tài sản riêng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì có thể tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà không cần phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; cá nhân khi sinh ra có quyền được khai sinh, có quyền có quốc tịch. Việc công

nhận, thay đổi, nhập quốc tịch, thôi quốc tịch Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc tịch.

Bộ luật đã có những quy định bảo vệ quyền trẻ em thông qua các cơ sở pháp lý như: xác định chế định về năng lực chủ thể pháp luật dân sự của người chưa thành niên, chế định giám hộ; chế định thừa kế với việc bảo vệ quyền lợi cho trẻ em là con nuôi...

Pháp luật lao động xem trẻ em là một đối tượng đặc biệt, đặt ra các quy định riêng đối với người lao động chưa thành niên, nhằm bảo đảm quá trình thực hiện quan hệ lao động của người chưa thành niên diễn ra bình thường, tránh các công việc quá sức, độc hại, lạm dụng sức lao động của người chưa thành niên, bảo đảm cho quá trình phát triển bình thường của trẻ em trong môi trường lao động.

Bộ luật Lao động năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2015 đã dành một chương riêng - Chương XI về lao động chưa thành niên, quy định những điều cấm và những nghĩa vụ ràng buộc đối với người sử dụng lao động trong việc sử dụng lao động trẻ em, chỉ được sử dụng trẻ em vào những công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của trẻ. Luật đã quy định những biện pháp chế tài áp dụng đối với những hành vi vi phạm đối với các đối tượng

sử dụng lao động, quy định ngành nghề và công việc được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, học nghề, tập nghề và việc nhận, sử dụng những trẻ em này phải có sự đồng ý và theo dõi của cha mẹ hoặc người đỡ đầu.

Khi sử dụng người lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khỏe định kỳ và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Nghiêm cấm lạm dụng sức lao động của người chưa thành niên; cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, trừ một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; cấm sử dụng người lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

Luật Hôn nhân và gia đình xem trẻ em như một thành viên đặc biệt của gia đình, cần có sự bảo hộ pháp lý đặc biệt. Vấn đề bảo vệ quyền trẻ em thể hiện trong các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền nhân thân và quyền tài sản trong các mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái, giữa anh chị em, giữa ông bà - cháu, giữa các thành viên khác trong gia đình như quyền được khai sinh, quyền được xác định cha mẹ, quyền được cha mẹ yêu thương, trông nom, dạy dỗ, quyền tài sản, quyền được cấp dưỡng, quyền được

cha mẹ thay mặt bồi thường thiệt hại cho người khác. Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và gia đình còn xác định trách nhiệm và nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của trẻ em đối với cha mẹ, anh chị em, ông bà và các thành viên khác trong gia đình.

Luật xác định các nguyên tắc cơ bản: Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em, không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con, con trai và con gái, con đẻ và con nuôi, con trong giá thú và con ngoài giá thú,...

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là cơ sở pháp lý quan trọng góp phần xây dựng, củng cố gia đình Việt Nam, là công cụ để xác định mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, đặc biệt là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con như: cha mẹ có nghĩa vụ thương yêu, nuôi nấng, giáo dục con cái; không được hành hạ con cái, không được đối xử tàn tệ với con nuôi, con riêng; nghiêm cấm việc vứt bỏ hoặc giết hại trẻ em mới đẻ và người gây ra việc ấy phải chịu trách nhiệm hình sự. Cha mẹ phải làm gương tốt cho con về mọi mặt, phối hợp chặt chẽ với nhà trường và các tổ chức xã hội trong việc giáo dục con; cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dưỡng con đã thành niên mà không có khả năng lao động để tự nuôi mình; các con có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong gia đình; con có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, lắng nghe những lời khuyên bảo của cha mẹ.

Chính sách của Đảng, Nhà nước ta về trẻ em nhằm mục tiêu bảo đảm cho trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn với 5 nguyên tắc cơ bản là: không phân biệt đối xử với trẻ em; các quyền của trẻ em phải được tôn trọng và thực hiện; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội; dành lợi ích tốt nhất cho trẻ em; trẻ em thuộc diện chính sách xã hội, có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp để hòa nhập với gia đình, cộng đồng.

Điều 22 Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 có quy định: “Trẻ em có quyền được sống chung với cha, mẹ; được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, trừ trường hợp cách ly cha, mẹ theo quy định của pháp luật hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em” và khi cách ly phải “trợ giúp để duy trì mối liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ, gia đình trừ trường hợp không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em”. Vì vậy, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền sống chung với con. Quyền sống chung với cha mẹ là quyền tự nhiên, tất yếu và bất khả xâm phạm của mọi trẻ em, kể cả trường hợp trẻ em là con riêng của vợ hoặc chồng. Không ai có quyền buộc trẻ em phải cách ly cha mẹ trái với ý muốn của cha mẹ và trẻ em, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền chăm nom, chăm sóc, giáo dục đối với con chưa thành niên hoặc trường hợp

cha mẹ đang thi hành án phạt tù tại trại giam thì người có thẩm quyền thực hiện pháp luật sẽ quyết định cách ly trẻ em với bố mẹ để bảo vệ lợi ích tốt nhất cho trẻ.

Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự; cá nhân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Hay theo Luật Bảo hiểm Y tế năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2015 thì trẻ em dưới 6 tuổi là đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và mức đóng hàng tháng do ngân sách nhà nước. Về y tế, trẻ em dưới 6 tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu, được khám chữa bệnh mà không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập; trẻ em được y tế cơ sở quản lý sức khỏe, được tiêm chủng phòng bệnh, phòng dịch, được khám bệnh, chữa bệnh.

Để trẻ em được hưởng các quyền lợi về y tế, gia đình, cha mẹ và người nuôi dưỡng có trách nhiệm thực hiện những quy định về kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng theo kế hoạch của các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe trẻ em khi ốm đau và thực hiện các chỉ định của thầy thuốc trong khám, chữa bệnh cho trẻ.

Quyền được học tập là một quyền vô cùng quan trọng đối với con người đặc biệt là đối với trẻ em. Điều 39 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập”. Cùng với Hiến pháp, quyền này còn được cụ thể hóa trong nhiều văn bản khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 khẳng định tại Điều 16: “Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân” hay khoản 1 Điều 105 Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014, 2015 quy định “Học sinh tiểu học trường công lập không phải đóng học phí”. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, bậc tiểu học là bậc giáo dục bắt buộc đối với mọi trẻ em. Mọi trẻ em không phân biệt điều kiện, hoàn cảnh đều được bình đẳng về cơ hội học tập và được Nhà nước tạo điều kiện cho học tập.

Điều 17 Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: “Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi”. Vui chơi giải trí là nhu cầu của con người. Riêng đối với trẻ em đây không chỉ là nhu cầu đơn thuần mà còn là điều kiện để trẻ em phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần. Trong thời đại ngày nay, khi trẻ em sớm phải tiếp cận, làm quen và ứng dụng khoa

học kỹ thuật cũng như công nghệ tiên tiến thì việc vui chơi giải trí lành mạnh càng trở nên quan trọng hơn, giúp tạo nên sự thoải mái về tinh thần, cân bằng về sức khỏe. Đặc biệt, việc thực hiện quyền vui chơi, giải trí của trẻ em chính là một bước chuẩn bị về tâm lý, sự năng động và sự thích nghi cho một xã hội công nghiệp phát triển mạnh trong tương lai.

Phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài là một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Điều đó được thể hiện rõ trong hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam. Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định tại Điều 16: “Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt tiềm năng của bản thân” và “được phát triển tài năng, năng khiếu”. Điều 10 Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014, 2015 có quy định “tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng”.

Các quy định trên cho thấy việc phát triển năng khiếu của trẻ em luôn được quan tâm chú trọng. Thực hiện những quy định đó trong nhiều năm qua, cả nước đã mở nhiều lớp năng khiếu, lớp tài năng, trường chuyên, lớp chọn, tổ chức nhiều cuộc thi với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với lứa tuổi nhằm thu hút sự tham gia của các em thiếu niên, nhi đồng, qua đó kích thích

khả năng sáng tạo, phát hiện, bồi dưỡng các em sớm trở thành nhân tài phục vụ Tổ quốc.

Điều 20 Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 còn quy định: “Trẻ em có quyền sở hữu, thừa kế và các quyền khác đối với tài sản theo quy định của pháp luật”. Quyền có tài sản của trẻ em còn được quy định tại Điều 75 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau: “Con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con bao gồm tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và thu nhập hợp pháp khác”.

Quyền có tài sản của trẻ em đã được cụ thể hóa trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhưng do trẻ em chưa có đủ khả năng quản lý, định đoạt tài sản riêng nên pháp luật đã quy định trách nhiệm của cha, mẹ, người giám hộ trong việc quản lý và định đoạt tài sản riêng của trẻ em.

Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 có các quy định nghiêm cấm các hành vi như bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; tước đoạt quyền sống của trẻ em; xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình; kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ

em; công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em, v.v..

Nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em là bảo đảm để trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình; không phân biệt đối xử với trẻ em; bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em; tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em, v.v..

Bên cạnh những quyền nói trên, pháp luật cũng quy định bổn phận của trẻ em đối với gia đình, đối với nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác, bổn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội, đối với quê hương, đất nước và với chính bản thân mình.

Đồng thời, Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 còn quy định về những việc trẻ em không được làm: tự ý bỏ học, rời bỏ gia đình sống lang thang; mua, bán, sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác; sử dụng, trao đổi sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy, v.v..

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội đã xác định: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm

rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác... Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về mọi tội phạm trừ những tội phạm mà bộ luật này có quy định khác. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Khi xử phạt tù có thời hạn, tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Nói chung, đối với trường hợp trẻ em phạm tội, do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, do dễ bị tác động xấu của môi trường xung quanh nên chính

sách hình sự của Nhà nước áp dụng đối với trẻ em phạm pháp mang tính nhân đạo, khoan hồng, nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Pháp luật hình sự đã quy định cụ thể và nghiêm khắc các chế tài đối với những hành vi xâm phạm quyền trẻ em trong đó bổ sung nhiều quy định về các tội phạm mới với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Người phạm tội giết phụ nữ mà biết là có thai, hoặc giết trẻ em đều có thể bị áp dụng hình phạt cao nhất là tử hình; hành vi đối xử tàn ác với trẻ em là những người lệ thuộc như một tình tiết tăng nặng và bị xử lý nghiêm khắc.

Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014, 2015 cũng khẳng định mục tiêu của giáo dục Việt Nam là “đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Với mục tiêu đó, trẻ em có quyền và được tạo điều kiện tiếp cận một nền giáo dục cơ bản, toàn diện và có chất lượng để trở thành một thế hệ công dân mới có đức, có tài tiếp bước cha anh xây dựng Tổ quốc.

Đáng chú ý là các chính sách và quy định ở Việt Nam đối với nhóm trẻ dễ bị tổn thương, đó là các trẻ em bị tật nguyền, lang thang cơ nhỡ, mồ côi, bị nhiễm HIV, bị tâm thần đồng thời đưa ra các chính sách cụ thể, bảo đảm quyền trẻ em trong lĩnh vực con nuôi.

Từ lâu, trẻ em đã được coi là một nhóm xã hội non nớt, dễ bị tổn thương nhất và được toàn thể cộng đồng quốc tế quan tâm bảo vệ. Một trong những quyền cơ bản của trẻ em được pháp luật bảo vệ là quyền được sống, được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường gia đình. Tuy nhiên, không phải tất cả trẻ em sinh ra đều có cha mẹ và đều may mắn được sống trong môi trường gia đình. Trong xã hội còn nhiều trẻ em bị bỏ rơi, mồ côi, khuyết tật, sống trong các gia đình nghèo không đủ điều kiện nuôi dưỡng cần một mái ấm gia đình thay thế. Một trong những biện pháp đáp ứng yêu cầu cho trẻ em một gia đình thay thế là cho trẻ làm con nuôi. Cho trẻ em làm con nuôi được xem là một giải pháp bảo vệ trẻ em, không để trẻ phải sống lang thang, thiếu điều kiện phát triển. Để bảo đảm việc trẻ em làm con nuôi là vì lợi ích tốt nhất của trẻ, tôn trọng các quyền cơ bản của trẻ em, khung pháp luật về vấn đề này được xây dựng và có vị trí quan trọng trong tổng thể khung pháp luật bảo vệ quyền trẻ em.

Thời kỳ đầu, nuôi con nuôi chủ yếu là biện pháp bảo đảm cho các cặp vợ chồng hiếm muộn có người tiếp tục mang tên họ cũng như truyền thống của gia đình. Khi Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 ra đời, mục đích của việc nuôi con nuôi đã thay đổi, từ chỗ “đem lại cho gia đình một trẻ em” đã chuyển thành “đem lại gia đình cho trẻ em”, nhằm ngăn chặn những hành vi trục lợi, thương mại hóa hoạt động cho nhận con nuôi và phải quán triệt nguyên tắc nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ. Việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài chỉ được tiến hành khi không thể tìm được môi trường chăm sóc thay thế cho trẻ ở trong nước và phải bảo đảm trẻ được bảo vệ, chăm sóc với những tiêu chuẩn tương đương với các tiêu chuẩn ở trong nước. Việc nhận trẻ em làm con nuôi chỉ được tiến hành với sự cho phép của những cơ quan có thẩm quyền sau khi đã hoàn tất các thủ tục và dựa trên các thông tin thích hợp, đáng tin cậy về bản thân, gia đình, họ hàng, người giám hộ hợp pháp của đứa trẻ, cũng như sự đồng ý một cách có hiểu biết của những đối tượng đó cho thấy việc cho nhận trẻ làm con nuôi có thể chấp nhận được. Ngoài ra, phải bảo đảm trẻ em phải được đưa ra ý kiến một cách tự do về những vấn đề ảnh hưởng đến trẻ em (trong đó bao gồm cả việc cho làm con nuôi, đưa trẻ ra khỏi bố mẹ đẻ và môi trường gốc để làm con nuôi

và những hệ quả ảnh hưởng cuộc sống sau này của đứa trẻ) tùy vào tuổi và mức độ trưởng thành của đứa trẻ. Tuy nhiên, trước khi đưa ra ý kiến, trẻ phải được thông tin về những lựa chọn mà nó có thể có, những giải pháp thay thế và hậu quả của quyết định này như việc chấm dứt quan hệ pháp lý giữa trẻ và cha mẹ ruột...

Trong những năm qua, Việt Nam đã tích cực và chủ động trong việc xây dựng hệ thống các chính sách, pháp luật liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Trước đây, khi Luật Nuôi con nuôi năm 2010 chưa ra đời, vấn đề nuôi con nuôi được quy định trong hàng loạt văn bản khác nhau như: Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, Nghị định số 374-HĐBT ngày 11-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp lệnh số 28-L/CTN ngày 02-12-1993 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, Nghị định số 184/CP ngày 30-11-1994 của Chính phủ quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài và các thông tư hướng dẫn như Thông tư số 503/TT-LB ngày 25-5-1995 của liên

Bộ Tư pháp - Ngoại giao - Nội vụ quy định chi tiết về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài (Thông tư số 503/TT-LB), Thông tư số 337/TT-PLQT ngày 23-8-1995 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Thông tư số 503/TT-LB, Bộ luật Dân sự năm 1995, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10-7-2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (Nghị định số 68/2002/NĐ-CP), Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21-7-2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP, Thông tư số 07/2002/TT-BTP ngày 16-12-2002 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP...

Các văn bản trên cho thấy hệ thống các quy định bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam ngày càng toàn diện, tiến bộ và phù hợp hơn với yêu cầu của pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tiến bộ, trong quá trình thực thi vẫn còn một số điểm bất cập như: các quy định trên của pháp luật Việt Nam chưa quy định rõ về hình thức nuôi con nuôi cũng như hệ quả pháp lý của mỗi hình thức nuôi con nuôi. Nuôi con nuôi có yếu tố nước

ngoài có theo hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn và làm chấm dứt quan hệ pháp lý giữa cha mẹ đẻ và con nuôi hay không? Chưa có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan trung ương và các cơ quan địa phương; thêm nữa, việc cho làm con nuôi quốc tế phải là giải pháp cuối cùng khi mà đứa trẻ không thể được chăm sóc ở quốc gia nguyên quán của trẻ em. Tuy nhiên, do có ít thông tin về con nuôi trong nước nên khó có thể kết luận một cách chính xác liệu quy định này có được áp dụng nghiêm túc hay không. Thực tế cho thấy hầu hết trẻ em được nhận nuôi ở nước ngoài đều dưới 1 tuổi, nhiều trẻ chỉ mới 3 đến 4 tháng tuổi nên việc xem xét khả năng cho trẻ làm con nuôi trong nước nhiều khi chỉ chiếu lệ, không bảo đảm thực sự việc tìm mái ấm gia đình trong nước cho trẻ em. Thậm chí có nơi chỉ nộp giấy xác nhận đã thông báo trên đài phát thanh hoặc trên vô tuyến truyền hình, còn thực tế có thông báo hay không, lại không có sự kiểm tra. Ngoài ra, trẻ em không được thông tin và tư vấn trước khi đưa ra ý kiến về sự đồng ý làm con nuôi cũng như những hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi đưa lại.

Vì thế, năm 2010, Luật Nuôi con nuôi đã ra đời, đánh dấu bước ngoặt trong quá trình phát triển của khung pháp luật Việt Nam đối với hoạt động nuôi con nuôi nói chung và bảo đảm quyền trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi nói riêng.

Quyền trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi được ghi nhận trong Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thể hiện chủ yếu trên một số điểm:

- Việc cho làm con nuôi quốc tế là giải pháp cuối cùng khi đứa trẻ không thể được chăm sóc ở quốc gia nguyên quán của trẻ em. Việc quy định ưu tiên nuôi con nuôi trong nước của Luật Nuôi con nuôi sẽ tạo cơ sở pháp lý nhằm thực hiện tốt quy trình giải quyết nuôi con nuôi trong nước, bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường gốc, gần gũi với đặc điểm và nhu cầu của trẻ.

Luật Nuôi con nuôi năm 2010 không quy định về chấm dứt quan hệ thừa kế giữa cha mẹ đẻ và con đã cho làm con nuôi, tránh thiệt thòi cho cả trẻ em và cha mẹ đẻ Việt Nam ở trong nước.

Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thống nhất quy định các hành vi bị cấm, xâm hại đến quyền và lợi ích của trẻ em được cho làm con nuôi nhằm mục đích trục lợi, mua bán trẻ em nhằm phòng ngừa, ngăn chặn một cách dứt khoát, triệt để và bảo vệ quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Khoản 1 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: "... trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì còn phải được sự đồng ý của trẻ em đó". Không ai được phép cản trở con nuôi được biết về nguồn gốc của mình. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho con nuôi là người Việt Nam ở nước ngoài về thăm quê hương, đất nước.

Luật Nuôi con nuôi năm 2010 còn quy định về việc xác định lại dân tộc của con nuôi trong trường hợp không biết cha mẹ đẻ là ai (trẻ em bị bỏ rơi) mà không có quy định về việc thay đổi dân tộc của con nuôi. Điều này có thể dẫn đến sự mặc cảm của con nuôi, con nuôi khó hòa nhập trong gia đình cha mẹ nuôi nhưng vẫn đề gìn giữ bản sắc của mình là một quyền trẻ em cần được tôn trọng, phù hợp với Công ước.

Tóm lại, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 của Việt Nam đã góp phần hoàn thiện các quy định bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi, bảo đảm thực thi có hiệu quả trong thực tế, ngăn chặn những tiêu cực trục lợi, mua bán trẻ em, tước đi quyền quan trọng của trẻ em được sống với cha mẹ đẻ và quyền tiếp cận thông tin về nguồn gốc của trẻ sau này.

Nhìn chung, hệ thống pháp luật về trẻ em nước ta đã góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thể hiện đầy đủ các nguyên tắc của Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989. Bên cạnh thành tựu, hệ thống pháp luật về trẻ em và nhất là cơ chế thực thi còn nhiều yếu kém, bất cập. Tình trạng các quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em bị xâm hại ngày càng nhiều và diễn biến phức tạp. Trẻ em vi phạm pháp luật, phạm tội, trẻ em đường phố, trẻ em phải lao động sớm, trẻ em lâm vào các tệ nạn xã hội như ma

túy, mại dâm... đang trở thành vấn đề nhức nhối. Công tác hướng dẫn, giải thích, tuyên truyền các văn bản pháp luật chưa được thực hiện tốt dẫn đến sự giảm sút hiệu lực và hiệu quả điều chỉnh của pháp luật. Số thanh thiếu niên phạm các tội danh ngày càng tăng, hầu như có đủ tất cả các loại tội danh, kể cả tội phạm nghiêm trọng. Tình trạng tái phạm của các em đáng báo động.

Có thể nói, các quy định pháp luật về nội dung trong lĩnh vực trẻ em tương đối đầy đủ nhưng các quy định pháp luật về thủ tục, đặc biệt là cơ chế thực thi thì còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, dẫn đến việc luật có nhưng không thi hành được. Tình trạng vi phạm các quyền trẻ em như hiếp dâm, buôn bán, bắt cóc, cưỡng bức lao động, bạo lực... có xu hướng gia tăng. Về mặt pháp luật, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định về bảo vệ lao động trẻ em. Tuy vậy, do điều kiện đất nước vẫn còn nhiều khó khăn, các nguồn lực để giúp đỡ trẻ em lao động còn rất hạn chế.

Hiện nay trong các nhà trường, việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho trẻ em đã được thực hiện cùng với giáo dục đạo đức và giải quyết việc làm, lao động, học tập cho trẻ em, giáo dục pháp luật trong các nhà trường đã kết hợp với giáo dục các kỹ năng sống cho trẻ em, xây dựng nhân cách của trẻ em, hình thành ý thức và lối sống phù hợp đạo đức xã hội và tuân theo pháp luật. Để làm được

điều này, các chương trình lồng ghép giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho trẻ em đã được tiến hành.

2. Chăm sóc hỗ trợ nhóm trẻ đặc biệt

Nhóm trẻ đặc biệt được hiểu là nhóm trẻ có hoàn cảnh không bình thường về thể chất hoặc tinh thần, không đủ điều kiện để thực hiện quyền cơ bản và hòa nhập với gia đình, cộng đồng.

Trẻ có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm trẻ mồ côi không nơi nương tựa, trẻ bị bỏ rơi; trẻ khuyết tật, tàn tật; trẻ là nạn nhân của chất độc hóa học; trẻ nhiễm HIV/AIDS; trẻ phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ phải làm việc xa gia đình; trẻ lang thang; trẻ bị xâm hại tình dục; trẻ nghiện ma túy; trẻ vi phạm pháp luật.

- Trẻ lang thang:

Trong nhóm trẻ đặc biệt, trẻ lang thang là một vấn đề đáng báo động trong xã hội. Trẻ lang thang là trẻ rời bỏ gia đình, tự kiếm sống, nơi kiếm sống và nơi cư trú không ổn định hoặc trẻ cùng với gia đình đi lang thang. Đó là những trẻ em dưới 16 tuổi kiếm tiền bằng các hoạt động thường xuyên trên đường phố như bán hàng rong, đánh giày, làm thuê, bốc rác, xin ăn, móc túi...

Có trẻ ban ngày lang thang kiếm sống, tối trở về cùng gia đình, có trẻ dù có gia đình vẫn lang thang kiếm sống và ít khi về thăm gia đình. Đây

là những trẻ em có cha mẹ, nhưng cha mẹ quá nghèo nên phải để con tự bươn chải nuôi thân. Có trẻ có gia đình, nhưng không có mối quan hệ chặt chẽ với gia đình, trốn nhà ra đi do bị đánh đập, bị đối xử thô bạo, hoặc do đua đòi, thích sống phóng túng, tự do. Có trẻ hoàn toàn bị bỏ rơi, đó là những trẻ mồ côi không nơi nương tựa, không người chăm sóc, phải tự nuôi thân. Có trẻ cùng gia đình từ nông thôn ra thành thị, ban ngày chia mỗi người một ngả để kiếm ăn, tối về sống trên vỉa hè, nhà ga, nhà trọ rẻ tiền.

Nói chung, trẻ lang thang là những trẻ rơi vào hoàn cảnh éo le, gia đình quá khó khăn, hoàn toàn bị bỏ rơi, mồ côi, không nơi nương tựa, mất nguồn nuôi dưỡng, phải lang thang kiếm sống trên đường. Vì vậy các em cần được bảo vệ, che chở, được bảo đảm nơi ăn chốn ở và quan trọng hơn là cần được đoàn tụ với gia đình, được trở lại trường học đồng thời cần có những nhu cầu cơ bản như những trẻ em bình thường khác.

Trẻ lang thang là một vấn đề xã hội, là hậu quả của quy luật tác động của nền kinh tế thị trường, vì vậy bất cứ một xã hội, một nền kinh tế, một quốc gia nào đều tồn tại vấn đề này và Việt Nam cũng không nằm ngoài bối cảnh chung đó.

Qua báo cáo hàng năm của các địa phương, kết hợp với số liệu của các cuộc điều tra khảo sát điểm cho thấy, trẻ em lang thang có xu hướng gia tăng.

Trẻ lang thang phần lớn tập trung tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các cuộc điều tra cho thấy, số trẻ lang thang giờ đây có giảm nhưng vẫn ở mức cao, số trẻ lang thang là nam cao hơn nữ. Một số em có nguồn gốc thành phố còn phần lớn đều đến từ các địa phương nghèo, đông dân, đất đai, khí hậu không thuận lợi, gia đình khó khăn. Các em tập trung về các thành phố lớn vì đây là nơi có thể tìm kiếm được việc làm để nuôi thân. Một nguyên nhân nữa là do sự phân hóa giàu nghèo dẫn đến một số trẻ em có hoàn cảnh khó khăn phải nghỉ học kiếm sống sớm. Do độ tuổi chưa thể tham gia quan hệ pháp luật lao động nên các em không thể làm việc trong các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật, dễ bị lợi dụng làm các việc với giá công lao động rẻ mạt, không có chế độ phúc lợi như bảo hiểm, tiền công nghỉ khi ốm đau hoặc phải kiếm sống bằng các nghề tự do như: bán báo, vé số, đánh giày.

Nhìn chung trẻ lang thang là những trẻ thích tự do, không chịu sống trong khuôn khổ, các em thường có tính phòng vệ cao, đôi khi hơi hung hãn. Tuy vậy, các em thường tỏ ra hào hiệp, tương trợ và thông cảm những người cùng cảnh ngộ. Các em có tính tự lập cao và biết cách tổ chức cho cuộc sống riêng của mình.

Sự đổ vỡ, tổn thương về tinh thần và tình cảm

là điều phổ biến đối với những trẻ lang thang bước ra từ một gia đình không hạnh phúc hay một sự xâm phạm nặng nề nào đó về tinh thần, thân thể. Vì thế khả năng tin tưởng vào cộng đồng rất ít và trẻ luôn luôn tỏ ra nghi ngờ. Đây là một thực trạng nhức nhối mà xã hội đang phải đối mặt.

Do chưa được trang bị kiến thức pháp luật đầy đủ cộng với tâm lý ham thích kiếm tiền, trẻ dễ bị các đối tượng xấu lôi kéo, bị chúng sử dụng thực hiện các hành động phạm pháp như trộm cắp, cướp giật tài sản, vận chuyển trái phép chất ma túy... hoặc phải làm việc trong môi trường độc hại, ảnh hưởng đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất.

Nhiều trẻ lang thang ở mọi nơi, mọi hoàn cảnh, tự tìm đến với nhau, tập hợp thành một nhóm và thường có các hoạt động sai trái. Do tâm trạng trẻ bị tổn thương nên các em thường có suy nghĩ bi quan, cho là chỉ có các em trong nhóm mới có thể hiểu và thông cảm được với nhau về sự đau đớn và bất cứ lúc nào sự đau đớn này cũng sẵn sàng trào sôi mạnh mẽ không lối thoát. Trẻ luôn tìm cách lãng quên, thay thế thực tế phũ phàng mà các em đã phải trải qua bằng những việc như hút thuốc, lang bạt nông cuồng, móc túi trấn lột, nghiện hút.

Có thể khẳng định, trẻ em lang thang không được giáo dục, chăm sóc sẽ không phát triển hoàn

thiện về tâm sinh lý, có xu hướng trở thành tội phạm trong tương lai.

Nguyên nhân sâu xa của vấn đề trẻ lang thang là do sự thiếu quan tâm của gia đình, nhà trường. Cộng đồng chưa có ý thức tốt trong việc giáo dục nhân cách, đạo đức cho trẻ em. Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo của Nhà nước chưa thật sự hiệu quả, chưa giải quyết được tận gốc những vướng mắc, khó khăn. Việc tuyên truyền kiến thức pháp luật đến với người dân chưa được thực hiện tốt, chưa có những biện pháp hiệu quả nhằm ngăn chặn nạn bạo hành, ngược đãi trẻ em và chế tài nghiêm khắc.

Vì thế, Điều 20, 21 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 ghi nhận trẻ lang thang có quyền được nhận sự trợ giúp và bảo vệ của Nhà nước. Phương thức trợ giúp nhóm trẻ này là nhận làm con nuôi hoặc đưa vào các trung tâm trợ giúp xã hội.

Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em tại Chương VI. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09-5-2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định việc hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Trẻ khuyết tật:

Trong nhóm trẻ đặc biệt, trẻ khuyết tật là nhóm trẻ bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng, biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, khả năng hoạt động suy giảm, sinh hoạt, học tập và lao động gặp nhiều khó khăn. Trẻ khuyết tật, tàn tật là đối tượng thiệt thòi nhất trong số những trẻ em thiệt thòi.

Theo thống kê năm 2017, Việt Nam có khoảng 7,2 triệu người khuyết tật từ 5 tuổi trở lên, chiếm 7,8% dân số, trong đó 28,3% người khuyết tật là trẻ em¹. Những nguyên nhân gây khuyết tật gồm đói nghèo, bệnh tật, môi trường bị ô nhiễm, sử dụng thuốc chữa bệnh bừa bãi, các bệnh xã hội, chấn thương (tai nạn, rủi ro), chấn thương tinh thần, chiến tranh, bạo loạn, do di truyền, sinh đẻ không bình thường, do lây truyền từ cha mẹ ngay trong bào thai v.v..

Theo định nghĩa của Tổ chức Y tế thế giới, phân loại khuyết tật không phải là phân loại con người, mà là phân loại những đặc điểm sức khỏe cùng những hạn chế trong hoạt động của cá thể

1. Mạng lưới nhân viên công tác xã hội Việt Nam: *Tình hình triển khai luật pháp, chính sách về người khuyết tật đạt được nhiều tiến bộ*, <http://congtaclaxahoi.net/tinh-hinh-trien-khai-luat-phap-chinh-sach-ve-nguoi-khuyet-tat-dat-duoc-nhieu-tien-bo/>

trong môi trường sống của họ dựa trên ba yếu tố cơ bản:

- Những thiếu hụt về cấu trúc cơ thể và sự suy giảm các chức năng.

- Những hạn chế trong hoạt động của cá thể.

- Những khó khăn, trở ngại do môi trường sống mang lại làm cho họ không thể tham gia đầy đủ và có hiệu quả mọi hoạt động trong cộng đồng.

Sự thiếu hụt về cấu trúc và hạn chế chức năng ở trẻ khuyết tật biểu hiện ở những mức độ khác nhau, nhiều dạng khác nhau như:

- Khuyết tật thính giác (khiếm thính): suy giảm hay mất khả năng nghe, dẫn đến chậm phát triển hoặc mất tiếng nói làm cho trẻ bị hạn chế chức năng giao tiếp.

- Khuyết tật thị giác (khiếm thị): suy giảm hay mất khả năng nhìn do nhiều nguyên nhân khác nhau (mù hoặc nhìn kém).

- Khuyết tật trí tuệ: suy giảm nhiều hay ít năng lực hoạt động nhận thức dẫn đến: không thích nghi được với xã hội; Có trí thông minh thấp hơn mức bình thường; Chỉ đạt được mức độ nhất định và không có khả năng phát triển cao hơn nữa; Mức độ phát triển tùy thuộc phát triển thể chất; Không có khả năng chữa trị. Những trẻ thuộc loại này thường gặp rất nhiều khó khăn trong học tập và nhận thức thế giới xung quanh. Cho nên dạng này thường gọi là trẻ có khó khăn về học.

- Khuyết tật vận động: những cơ quan vận động bị tổn thương do những khuyết tật khác nhau (chấn thương, hậu quả của một số bệnh) gây nên những khó khăn khi di chuyển, hoạt động cầm nắm, đứng, ngồi... Phần lớn trẻ khuyết tật vận động có năng lực trí tuệ phát triển bình thường.

- Khuyết tật ngôn ngữ: biểu hiện rất đa dạng, từ nói ngọng, nói lắp đến không nói được, mất tiếng nói, dẫn đến hậu quả trẻ khó khăn khi giao tiếp.

Ngoài ra còn có các dạng khuyết tật khác có thể có ở trẻ em như hành vi xa lạ, trẻ mắc những bệnh mãn tính như động kinh, bệnh về tim, gây cho trẻ những khó khăn trong học tập.

Tổ chức Y tế thế giới cho rằng, người khuyết tật có chiều hướng gia tăng ở những nước phát triển, thậm chí khi xã hội phát triển, số người khuyết tật không giảm đi mà còn gia tăng thêm do các nguyên nhân gây khuyết tật như lạm dụng thuốc, bệnh tật, tai nạn, chiến tranh, ô nhiễm môi trường. Vì thế vấn đề người khuyết tật, đặc biệt là trẻ em khuyết tật cần được xem là một vấn đề quan trọng trong chiến lược giáo dục con người và phát triển bền vững.

Theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989, trẻ em tàn tật về thể chất và tinh thần phải được hưởng cuộc sống đầy đủ và tốt đẹp. Các nhà nước công nhận quyền được chăm sóc đặc biệt của

trẻ em, tùy điều kiện phải giúp đỡ cho trẻ em, người chăm sóc trẻ em theo nguồn lực sẵn có. Phải công nhận nhu cầu đặc biệt của trẻ, trợ giúp và bảo đảm để trẻ hòa nhập xã hội một cách tối đa, phát triển về thể chất lẫn tinh thần.

Với trẻ em khuyết tật, Nhà nước Việt Nam đã có định hướng và thực hiện nhiều chính sách trợ giúp, chăm sóc nhóm trẻ đặc biệt này.

Ngay từ những năm 1960-1970, Bộ Giáo dục gửi một số cán bộ sang Liên Xô nghiên cứu đào tạo chuyên ngành sư phạm tật học. Năm 1975, Bộ Giáo dục đã có quyết định thành lập Tổ nghiên cứu giáo dục trẻ khuyết tật, sau đó trở thành Ban và Trung tâm nghiên cứu giáo dục trẻ khuyết tật thuộc Viện Khoa học giáo dục.

Trong những năm 1980, những nỗ lực nhằm thực hiện việc giáo dục hội nhập trẻ khuyết tật trong các trường phổ thông bình thường đều thất bại, kết cục, trẻ khuyết tật lại được gửi trả lại các trường và cơ sở chuyên biệt. Thời gian này, có khoảng 30 trường, cơ sở chuyên biệt và tới năm 1990, con số này lên tới trên 50 cơ sở, gồm 36 trường (trung tâm/cơ sở) dạy trẻ khiếm thính, 11 trường (trung tâm/cơ sở) dạy trẻ chậm phát triển tinh thần, 15 trường (trung tâm/cơ sở) dạy trẻ khiếm thị.

Năm 1985, lần đầu tiên ý tưởng về giáo dục hòa nhập được thảo luận ở Việt Nam tại một hội

ngiht do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) tổ chức. Năm 1990, giáo dục hòa nhập được Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là Trung tâm nghiên cứu giáo dục trẻ khuyết tật, Viện Khoa học giáo dục chuẩn bị triển khai với sự giúp đỡ của nhiều tổ chức quốc tế.

Giai đoạn 1990-1995 là giai đoạn nghiên cứu, tìm tòi và thí điểm. Mô hình giáo dục hòa nhập chỉ thực sự được hiểu và thực hiện theo đúng nghĩa của nó bắt đầu từ năm 1996, diễn ra đồng thời với tiến trình giáo dục hòa nhập ở Việt Nam khi trách nhiệm giáo dục trẻ khuyết tật được chuyển từ Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội sang Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học được gia đình, Nhà nước và xã hội giúp đỡ, chăm sóc, được tạo điều kiện để sớm phát hiện bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; được nhận vào các lớp học hòa nhập, lớp học dành cho trẻ em khuyết tật, tàn tật; được giúp đỡ học văn hóa, học nghề và tham gia hoạt động xã hội. Tinh thần này được quy định rõ ràng trong Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018. Điều 35 Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định “Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục

hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội”.

Từ năm 2000 đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập các khoa giáo dục đặc biệt ở các trường đại học trong cả ba miền của đất nước: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Đà Nẵng, Đại học Quy Nhơn, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ. Năm 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành bộ chương trình và giáo trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở tất cả các trường cao đẳng sư phạm trong cả nước. Cũng trong năm này, tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước đã triển khai thực hiện mô hình giáo dục trẻ khuyết tật.

Trẻ khuyết tật không chỉ được phục hồi chức năng mà còn được hưởng sự giáo dục và có cơ hội hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng, xã hội. Hàng loạt các văn bản hướng dẫn thực hiện giáo dục hòa nhập đã được ban hành. Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và phương hướng phát triển giáo dục từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010 ghi rõ: “Đạt tỷ lệ 50% vào năm 2005 và 70% vào năm 2010 trẻ khuyết tật được học ở một trong các loại hình lớp hòa nhập, bán hòa nhập hoặc chuyên biệt”.

Đề án “Chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em tàn tật nặng,

trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học và trẻ em nhiễm HIV/AIDS dựa vào cộng đồng giai đoạn 2005-2010” đã được Chính phủ phê duyệt. Như vậy, trẻ tàn tật sẽ được gia đình, Nhà nước và xã hội giúp đỡ, chăm sóc, được tạo điều kiện để sớm phát hiện bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; được nhận vào các lớp học hòa nhập, lớp học dành cho trẻ em khuyết tật, tàn tật; được giúp đỡ học văn hóa, học nghề và tham gia hoạt động xã hội. Trẻ em tàn tật nhưng có năng khiếu sẽ được nhận vào các trung tâm giáo dục năng khiếu tương ứng. Nhà nước có chính sách miễn giảm, trợ cấp học phí, miễn các khoản đóng góp cho nhà trường, có chính sách trợ cấp xã hội, cấp học bổng cho đối tượng trẻ em này. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức được Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện mở trường lớp, trung tâm dạy nghề dành cho trẻ em tàn tật.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trẻ khuyết tật có những nhu cầu cơ bản và khả năng nhất định ở những mức độ khác nhau so với trẻ em bình thường. Với những hình thức, tốc độ và mức độ khác nhau, tất cả trẻ khuyết tật đều có khả năng nhận thức. Hầu hết trẻ khuyết tật đều có những phản ứng với âm thanh, tiếng động, lời nói, khả năng định hướng đối với nguồn âm thanh phát ra. Trẻ điếc có thể hiểu được những gì đang diễn ra xung quanh thông qua sự chuyển động của sự vật;

sự biểu đạt của bản thân và người khác qua nét mặt, cử chỉ điệu bộ, đọc hình miệng. Trẻ mù có thể nhận biết và hiểu được thế giới bên ngoài và lời nói thông qua khả năng nghe, cảm giác xúc giác. Trẻ khó khăn về học sẽ trở nên biết cách cư xử hơn khi chúng có được sự yêu thương, cảm giác về sự an toàn, che chở của những người xung quanh.

Mặc dù khuyết tật gây ra những trở ngại nhất định cho trẻ trong hoạt động nhận thức, học tập cũng như giao tiếp song cũng chính điều này lại là yếu tố kích thích con người vươn lên phía trước, làm xuất hiện xu hướng mong muốn và sức mạnh vượt qua trở ngại khuyết tật. A.Adler, bác sĩ tâm thần người Áo cho rằng: Đứa trẻ sẽ muốn nhìn tất cả nếu như nó bị cận thị; muốn nghe tất cả nếu như tai nó bị khiếm khuyết; muốn nói nếu như nó gặp khó khăn trong việc thể hiện ngôn ngữ hay bị nói lắp.

Một số nghiên cứu gần đây đã chỉ ra, trẻ khuyết tật chức năng này có thể phát triển mạnh chức năng khác, nhằm bù đắp lại phần bị khiếm khuyết, đó là quy luật bù trừ trong quá trình phát triển cá thể. Vì vậy, muốn phát triển các chức năng bù đắp ấy, trẻ phải được giáo dục và rèn luyện thường xuyên trong một môi trường ít hạn chế nhất. Thêm nữa, mỗi trẻ có khả năng, nhu cầu và sở thích riêng, có cách thể hiện riêng. Vì thế, khi được tham gia vào các hoạt động trong

môi trường hòa nhập tại cộng đồng, xã hội, nhà trường và gia đình, trẻ khuyết tật mới có cơ hội bộc lộ, thể hiện một cách đầy đủ và rõ nét nhất khả năng và nhu cầu của mình, đồng thời, đây cũng chính là cách giảm thiểu những ảnh hưởng bất lợi của khuyết tật đối với các chức năng hoạt động cơ thể khác, không làm xuất hiện “khuyết tật thứ hai” hay “khuyết tật thứ phát” của trẻ - nguyên nhân làm cho trẻ khó thích nghi với môi trường, bị kìm hãm quá trình phát triển từ chính các yếu tố môi trường.

- Trẻ phải lao động sớm:

Trong nhóm trẻ đặc biệt, trẻ phải lao động sớm là một vấn đề nhức nhối mà xã hội cần đặc biệt quan tâm.

Trẻ có quyền được bảo vệ, không phải tham gia vào quan hệ lao động sớm nhằm tránh ảnh hưởng đến sức khỏe và phát triển tinh thần. Vấn đề này đã được quy định cụ thể tại Điều 32 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989: “Bảo vệ trẻ em không bị bóc lột kinh tế và không phải thực hiện những công việc có thể gây nguy hiểm hoặc cản trở việc học hành của trẻ, hoặc có hại cho sức khỏe của trẻ, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển về thể lực, trí tuệ, tinh thần, nhân cách hay xã hội của trẻ”.

Trẻ em có thể chất và tinh thần chưa phát triển toàn diện nên khi tham gia vào quan hệ lao động sớm rất dễ tổn hại đến sức khỏe, gây ảnh

hưởng xấu đến sự phát triển bình thường của trẻ. Bên cạnh đó phải kể đến những công việc gây hại, ảnh hưởng xấu cho sự phát triển nhân cách của trẻ nếu như công việc đó đặt trẻ trong mối liên quan với các hoạt động tội phạm.

Điều 19 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 quy định: trẻ em cần được tránh khỏi “tất cả các vi phạm về thể xác và tinh thần, gây thương tích hay lạm dụng, sao nhãng hay bóc lột sức lao động”, các chính phủ, nhà nước cần bảo vệ trẻ em khỏi bị cha mẹ, người chăm sóc hay bất cứ ai lạm dụng, buộc trẻ phải tham gia vào quan hệ lao động sớm.

Công ước nêu rõ một số loại hình công việc lao động khác nhau mà trẻ em cần phải được bảo vệ để không phải thực hiện, đó là công việc có nguy cơ bị tai nạn cao, tổn hại đến sức khỏe, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bình thường của trẻ, gây cản trở cho việc học tập của các em nếu công việc này phải thực hiện vào các giờ mà trẻ phải ở trường, hoặc công việc quá vất vả làm cho trẻ không thể đến trường.

Công ước cũng chỉ ra, kiếm tiền trên sự lao động làm việc vất vả của trẻ bao gồm cả cách kiếm tiền không liên quan đến lao động hay làm việc như sử dụng trẻ em đi ăn xin, ăn cắp, buôn bán trẻ em, trẻ em tham gia vào các nghề mang tính nghệ thuật mà không đặt quyền lợi, lợi ích

của trẻ em lên hàng đầu đều bị coi là bóc lột kinh tế. Như vậy, lao động trẻ em được hiểu là trẻ em phải làm những công việc vượt quá độ tuổi lao động quy định trong pháp luật.

Vì trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 không đề cập giới hạn tối thiểu cho độ tuổi đi làm cho nên các nước phải theo những hướng dẫn trong Công ước ILO (Tổ chức Lao động quốc tế). Công ước ILO quy định độ tuổi tối thiểu để đi làm cả ngày là 15 tuổi hoặc ở những nước nghèo không ít hơn 14 tuổi. Tuy nhiên trẻ em 13 tuổi có thể làm những công việc nhẹ, không làm cả ngày và những công việc này không ảnh hưởng đến sức khỏe, sự phát triển và việc học hành của trẻ (Điều 7 Công ước số 138 ngày 26-6-1973).

Điều 3 Công ước số 138 quy định: “Đối với mọi loại công việc hoặc mọi loại lao động nào mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại đến sức khỏe, an toàn, phẩm hạnh của trẻ em thì mức tối thiểu không được dưới 18 tuổi”. Bên cạnh đó khoản 3 Điều 3 Công ước số 138 cũng ghi nhận: “cho phép sử dụng trẻ em làm việc ngay từ độ tuổi 16 với điều kiện an toàn và phẩm hạnh của trẻ được bảo đảm đầy đủ, phải có sự dạy dỗ thích đáng hoặc đào tạo nghề cho trẻ trong ngành hoạt động tương ứng”.

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 chỉ ra những giải pháp thực hiện mà các nhà nước tham gia Công ước cần phải làm để kiểm soát lao

động trẻ em, đó là đưa ra một độ tuổi tối thiểu được phép đi làm, đưa ra các quy chế thích hợp về số giờ, điều kiện làm việc, đưa ra hình phạt hoặc các hình thức thưởng phạt nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả vấn đề trẻ em lao động sớm.

Hiện nay vẫn còn nhiều ý kiến tranh cãi về việc liệu có thực tế hay không trong việc cấm tất cả trẻ em đi làm, đặc biệt là ở những nước đang phát triển, nơi mà nhiều trẻ em đang làm việc để giúp đỡ nuôi sống gia đình.

Cũng như nhiều nước trên thế giới, ở Việt Nam tình trạng trẻ em bỏ học tham gia vào quan hệ lao động sớm là một vấn đề bức xúc, đặc biệt ở các vùng quê nghèo. Tuổi còn nhỏ nhưng các em đã phải tham gia làm những công việc nặng nhọc của người lớn, hại sức khỏe mà tiền kiếm được chẳng bao nhiêu. Từ đó dẫn đến việc học tập của trẻ cũng bị ảnh hưởng trầm trọng.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này xuất phát từ hoàn cảnh gia đình nghèo khó, nhận thức của cha mẹ thấp. Ngoài ra, do nước ta đang trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường, quá trình đô thị hoá dẫn đến số trẻ em từ nông thôn, những vùng lân cận ra thành phố kiếm sống khá đông, tạo ra một số lượng lớn trẻ em lang thang, cơ nhỡ, kiếm sống bằng nhiều nghề tự do, đây là môi trường thuận lợi để những người vô lương tâm vắt sức lao động của các em.

Sau khi tham gia vào Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989, Việt Nam đã có những

chính sách giúp đỡ, tạo điều kiện cho trẻ em nghèo. Bộ luật Lao động năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2015 đã đưa ra những quy định cụ thể đối với lao động trẻ em. Người lao động chưa thành niên là người lao động “dưới 18 tuổi”. Luật nghiêm cấm lạm dụng sức lao động của người chưa thành niên, cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc trừ một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, cấm sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc nguy hiểm, tiếp xúc với các chất độc hại hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của trẻ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành gồm 91 công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10-6-2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên.

Điều 26 Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: “Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em”.

Bộ luật Lao động năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2015 quy định “Người từ đủ 15 tuổi đến dưới

18 tuổi được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”. Đặc biệt yêu cầu người sử dụng lao động khi thuê người lao động chưa thành niên phải tuân thủ thời gian làm việc không quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 giờ trong 01 tuần. Đối với ngành nghề và công việc sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi thì người sử dụng lao động phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật và phải được sự đồng ý của người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi, bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến giờ học tại trường học của trẻ em, bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi.

Khi sử dụng người lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khỏe định kỳ và xuất trình khi thanh tra viên có yêu cầu. Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người đó, phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động.

- Trẻ bị nhiễm chất độc hóa học:

Trong nhóm trẻ đặc biệt, nhóm trẻ là nạn nhân

của chất độc hóa học cần được xã hội thực sự quan tâm. Đây là nhóm trẻ bị dị dạng, dị tật do hậu quả chất độc hóa học.

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 thừa nhận quyền của trẻ em được học hành, thực hiện chính sách giáo dục tiểu học bắt buộc, miễn phí và miễn phí cho tất cả mọi người. Trẻ bị nhiễm chất độc điôxin luôn khao khát được sống, được hòa nhập với cộng đồng, các em là những nạn nhân cần được quan tâm của cả cộng đồng.

Trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học được gia đình, nhà nước và xã hội giúp đỡ chăm sóc, được tạo điều kiện để sớm phát hiện bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, được nhận vào các lớp học, được giúp đỡ học văn hóa, học nghề và tham gia hoạt động xã hội.

Như vậy trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ các em bị nhiễm điôxin vẫn thuộc về gia đình là chủ yếu. Điều 100 Luật Trẻ em năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: “Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt”.

- Trẻ nhiễm HIV/AIDS:

Trong nhóm trẻ đặc biệt, trẻ em nhiễm HIV/AIDS là trẻ đã được cơ quan y tế có thẩm quyền kết luận bị nhiễm HIV/AIDS.

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 có những quy định liên quan đến việc phòng chống

HIV/AIDS cho trẻ em và bảo vệ trẻ không may bị nhiễm HIV/AIDS, theo đó, các quốc gia tham gia công ước phải thi hành mọi biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm cho trẻ được bảo vệ, tránh mọi hình thức phân biệt đối xử. Đây là những quy định rất quan trọng mang tính phổ quát, chi phối toàn bộ các quy định khác của công ước trên mọi phương diện bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Liên quan đến vấn đề HIV/AIDS, quy định này chỉ ra rằng, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ em có bố mẹ bị nhiễm HIV/AIDS hay trẻ em vì lý do này hay lý do khác, chịu sự tác động của đại dịch HIV/AIDS phải được bảo vệ và đối xử bình đẳng như tất cả các trẻ em khác, bảo đảm cho trẻ em trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng được dành cho sự chăm sóc tốt nhất.

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của hành động phối hợp chung có tính chất toàn cầu trong công cuộc ngăn chặn thảm họa của đại dịch HIV/AIDS, Việt Nam đã tích cực tham gia cùng cộng đồng quốc tế phòng chống HIV/AIDS, quy định quyền lợi cho trẻ em nhiễm HIV/AIDS.

Trẻ em nhiễm HIV và bị ảnh hưởng bởi HIV được ưu tiên trợ giúp để phục hồi và tái hòa nhập. Việc hỗ trợ, bảo vệ các em đòi hỏi sự chung tay của cả xã hội. Không chỉ bởi quy định của pháp luật mà mỗi cá nhân luôn phải tự ý thức trong việc giúp đỡ các em bị nhiễm HIV/AIDS.

Pháp luật cũng quy định những hành vi làm tổn hại đến sự phát triển bình thường của trẻ em đều bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật. Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS không bị phân biệt đối xử, được nhà nước và xã hội tạo điều kiện giúp đỡ chữa bệnh, nuôi dưỡng tại gia đình hoặc tại cơ sở trợ giúp trẻ em. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS cũng được đến trường như bao học sinh bình thường khác.

- Trẻ bị xâm hại tình dục:

Do chưa phát triển đầy đủ và toàn diện về thể chất và trí tuệ, trẻ em sẽ bị tổn hại về tinh thần và thể chất, ảnh hưởng đến quá trình phát triển toàn diện nếu trẻ bị xâm hại tình dục. Những tác động này có thể còn ảnh hưởng lâu dài, trở thành nỗi ám ảnh trong đầu trẻ cho đến khi trưởng thành. Vì vậy, trẻ em cần được chăm sóc đặc biệt hơn khi bị rơi vào những hoàn cảnh đó.

Điều 34 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 quy định: các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em chống mọi hình thức bóc lột tình dục và lạm dụng tình dục. Nghiêm cấm việc xúi giục, ép buộc trẻ em tham gia bất kỳ hoạt động tình dục nào, bóc lột trẻ em trong mại dâm hay các hoạt động tình dục trái pháp luật, ép buộc trẻ trong các cuộc biểu diễn hay trong các tài liệu có tính chất khiêu dâm.

Hậu quả của những hành vi này khiến trẻ em bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý, có thể suốt cuộc đời đặc biệt đối với người lạm dụng là những

người thân thích với trẻ vì trẻ em còn non nớt về thể chất và trí tuệ nên khả năng phục hồi thương tổn thể chất, đặc biệt là khả năng thoát khỏi khủng hoảng tinh thần là rất khó nếu không được tư vấn và điều trị kịp thời. Ngoài ra trẻ còn có thể bị nhiễm các căn bệnh truyền nhiễm.

Pháp luật Việt Nam quy định, trẻ em bị xâm hại tình dục được gia đình, Nhà nước và xã hội giúp đỡ bằng các biện pháp tư vấn, phục hồi sức khỏe, tinh thần và tạo điều kiện để ổn định cuộc sống. Pháp luật cũng quy định rõ trách nhiệm cho gia đình, nhà trường, xã hội phải quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, phòng ngừa, ngăn chặn và tố cáo các hành vi xâm hại tình dục trẻ em. Gia đình là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự phục hồi về thể chất và tinh thần của trẻ nên sự quan tâm của gia đình phần nào giúp các em tránh khỏi hành vi bị xâm hại, là chỗ dựa cho các em, giúp các em thoát khỏi sự khủng hoảng về tinh thần. Bên cạnh việc quy định trách nhiệm cho gia đình, nhà trường và xã hội trong việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em thì nhà nước còn đưa ra các chế tài nhằm xử lý những kẻ có hành vi xâm hại tình dục trẻ em. Ngoài ra, các hành vi bóc lột tình dục trẻ em như chứa mại dâm, môi giới mại dâm cũng bị xử lý hình sự.

- Trẻ nghiện ma túy:

Do còn non nớt hoặc do sự cám dỗ của bạn bè, để hòa nhập vào một nhóm người nào đó, muốn

thoát khỏi sự buồn chán, tẻ nhạt hoặc thỏa mãn trí tò mò đồng thời do thiếu sự quan tâm của gia đình, nhiều trẻ em đã rơi vào con đường nghiện ngập. Trẻ em nghiện ma túy cũng là một trong những đối tượng cần được chăm sóc đặc biệt.

Điều 33 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 ghi rõ, các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp, bao gồm lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em chống lại việc sử dụng bất hợp pháp các chất ma túy và gây nghiện.

Nghiện ma túy không những làm cho trẻ bị tổn hại về mặt thể chất và tinh thần, mà với xã hội, nó còn tiềm ẩn nguy cơ phạm tội rất cao. Sử dụng ma túy lâu dài dẫn đến trẻ không làm chủ được hành vi, nghiện ngập kéo dài khiến trẻ em có thể gây ra các hành vi phạm tội nhằm có tiền thỏa mãn cơn nghiện của mình.

Đối với trẻ nghiện ma túy, bắt buộc phải đưa trẻ vào trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội để cai nghiện hoặc tự cai nghiện ở gia đình, cộng đồng. Mô hình cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, quản lý bám sát giúp đỡ trẻ sau cai tái hòa nhập cộng đồng là những biện pháp tích cực giúp trẻ từ bỏ ma túy trở về hòa nhập với cộng đồng.

Cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động phòng, chống ma túy có trách nhiệm tổ chức cai nghiện tại gia đình hoặc tại cơ sở cai nghiện cho trẻ em nghiện ma túy theo quy định của

Luật Phòng, chống ma túy năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2008. Cơ sở cai nghiện có trách nhiệm tạo điều kiện cho trẻ em cai nghiện được tham gia các hoạt động lành mạnh, có ích và phải bố trí cho trẻ em cai nghiện ở khu vực dành riêng cho trẻ em.

- Trẻ phạm tội:

Trẻ em phạm tội do bị cám dỗ, bông bột thiếu suy nghĩ, nhằm thỏa mãn một nhu cầu nào đó của bản thân, hoặc không làm chủ được mình. Dù đó là những hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng trẻ em phạm tội cũng vẫn cần được bảo vệ vì nhận thức của trẻ còn hạn chế, cần có sự giám sát, chăm sóc đặc biệt.

Điều 37 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 quy định, các quốc gia là thành viên phải bảo đảm không trẻ em nào bị tra tấn, bị đối xử hoặc bị trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá. Thậm chí, không được xử tử hình hoặc tù chung thân với những hành động phạm pháp do những người dưới 18 tuổi gây ra.

Không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện. Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em phải được tiến hành theo luật pháp và chỉ được dùng như một biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất.

Những trẻ bị tước quyền tự do phải được đối xử nhân đạo, tôn trọng phẩm giá, có tính đến nhu cầu của lứa tuổi. Đặc biệt, những trẻ bị tước quyền tự do phải được cách ly với những người lớn, trừ

trường hợp không làm như vậy là vì lợi ích tốt nhất cho trẻ em. Các em có quyền duy trì sự tiếp xúc với gia đình mình qua thư từ và các cuộc thăm viếng, trừ những trường hợp ngoại lệ. Các em có quyền đòi hỏi được nhanh chóng hưởng sự giúp đỡ về pháp lý và những sự giúp đỡ thích hợp khác, cũng như quyền chất vấn tính hợp pháp của việc tước quyền tự do của các em trước một Tòa án hay một cơ quan khác có thẩm quyền, độc lập.

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 quy định, dù trẻ em là người phạm tội nhưng do đặc điểm về thể chất và nhận thức, trẻ cần có sự đối xử đặc biệt. Đó là không được sử dụng nhục hình với trẻ em, không áp dụng hình phạt tử hình hoặc tù chung thân, không được tước quyền tự do của trẻ một cách bất hợp pháp. Trẻ bị tước quyền tự do phải được đối xử nhân đạo, tôn trọng các quyền cố hữu của con người. Trong trường hợp bị cách ly với người thân, trẻ được quyền giữ liên lạc. Trẻ bị tước quyền tự do sẽ được hưởng sự giúp đỡ về pháp lý.

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 của Việt Nam đã đưa ra những chế định riêng áp dụng cho trẻ em phạm tội. Trẻ phạm tội có thể được đưa đến giáo dục tại trường giáo dưỡng, giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Không áp dụng các hình phạt tử hình hay tù chung thân cho trẻ em phạm tội, khi xử phạt tù có thời hạn, khung hình phạt áp dụng cho trẻ em

nhẹ hơn mức án áp dụng cho người thành niên phạm tội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- *Trẻ bị bạo hành:*

Do quan niệm “thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”, có khi vô tình các bậc cha mẹ đã xâm hại đến thể xác của con mình. Cách giáo dục con cái không khoa học đang tồn tại trong mỗi gia đình Việt Nam hiện nay dẫn đến tình trạng trẻ bị bạo hành tăng cao.

Hầu hết trẻ em bị bạo hành do cha mẹ, thầy cô hoặc người thân của trẻ gây ra nên việc tố cáo các hành vi này với cơ quan có thẩm quyền còn hạn chế. Chính vì vậy mà hiện nay việc xử lý hành vi trên là rất hạn chế.

Đối với các trẻ em bị cha mẹ bạo hành thì cha mẹ sẽ bị hạn chế quyền nuôi con. Thay vào đó trẻ sẽ được Nhà nước đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội, ở đây các em sẽ được chăm sóc, sống trong tình thương của bạn bè và những người “mẹ”, điều đó phần nào giúp các em khắc phục những tổn thất về mặt tinh thần mà các em phải gánh chịu.

Bên cạnh việc cha mẹ bạo hành con cái thì những trẻ em phải lao động sớm do hoàn cảnh gia đình khó khăn hay cha mẹ không còn cũng bị những người chủ, người sử dụng lao động bạo hành một cách dã man.

Nhìn chung, Nhà nước đã nghiêm khắc xử lý những vụ bạo hành trẻ em mà các cơ quan có

thảm quyền phát hiện và giúp các em khắc phục những tổn thất về mặt tinh thần. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là bảo vệ trẻ em tốt không chỉ ở chỗ bảo vệ, giúp các em khắc phục hậu quả khi các em đã bị xâm hại, mà còn ở chỗ bảo vệ các em để các em không bị xâm hại.

- *Trẻ mồ côi:*

Trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, bị bỏ rơi do nhiều nguyên nhân: cha mẹ chết trong tai nạn, bệnh tật, chết trong thiên tai, chiến tranh hay mất tích trong các vụ thiên tai, lũ lụt, cha mẹ vì lý do nào đó không nuôi dưỡng, vứt bỏ trẻ hoặc trẻ bị thất lạc... Một trong những phương thức giúp đỡ hữu hiệu đối với nhóm trẻ em này là việc cho nhận con nuôi.

Trẻ mồ côi không nơi nương tựa, trẻ bị bỏ rơi được Ủy ban nhân dân địa phương giúp đỡ để có gia đình thay thế hoặc tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp trẻ em công lập, ngoài công lập. Nhà nước khuyến khích gia đình, cá nhân nhận nuôi con nuôi; cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận đỡ đầu, nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi. Nhà nước có chính sách trợ giúp gia đình, cá nhân hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em ngoài công lập nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi.

Ngoài các chế độ trợ cấp hàng tháng, trẻ mồ côi còn được cấp thẻ bảo hiểm y tế; đang học văn

hóa, học nghề thì được miễn, giảm học phí, được cấp sách vở, đồ dùng học tập theo quy định của pháp luật.

VI. CÁCH THỨC GIÚP TRẺ HIỂU BIẾT VÀ THAM GIA THỰC HIỆN QUYỀN

1. Vai trò của gia đình

Gia đình luôn giữ vai trò hàng đầu, là yếu tố quyết định đối với việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng chính là hai trong ba mối quan hệ cơ bản tạo nên gia đình. Cha mẹ và các thành viên trong gia đình là những người gần gũi mật thiết thường xuyên ở bên cạnh trẻ. Trong gia đình, việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cần được thực hiện một cách khoa học với những kiến thức, kỹ năng phù hợp. Chăm sóc phải gắn liền với bảo vệ. Phải xác định gia đình chính là nơi an toàn nhất cho trẻ em.

Bảo vệ trẻ trước hết là bảo đảm cho trẻ được thực hiện các quyền của mình đồng thời phòng ngừa không để trẻ bị thiệt thòi, không bị xâm hại đến các quyền đã được pháp luật thừa nhận.

Bảo vệ, chăm sóc trẻ là ngăn ngừa không để trẻ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như bị mồ côi cha mẹ, khuyết tật, bị xâm hại tình dục, trở thành tội phạm vị thành niên, nghiện ma túy...

Khi thực hiện chức năng chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em, gia đình phải gắn với nhà trường và cộng đồng xã hội. Không chỉ quan tâm tới những vấn đề của trẻ em khi sinh hoạt với gia đình mà còn phải biết được hoạt động của trẻ tại trường học và những nơi sinh hoạt cộng đồng, kịp thời ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra.

Chăm sóc trẻ em được tiến hành trên cả hai mặt vật chất và tinh thần. Gia đình cung cấp cho trẻ những điều kiện tốt nhất có thể để phát triển thể chất và trí tuệ. Trẻ em không phân biệt trai, gái cần được tạo điều kiện học tập và phát triển theo khả năng của mình.

Để tạo môi trường chăm sóc thuận lợi, cha mẹ cần tạo một bầu không khí yêu thương, đoàn kết, gắn bó quan tâm giữa các thành viên gia đình để trẻ thấy ngôi nhà của mình chính là tổ ấm. Với những trẻ em có thiên hướng xuất hiện một số năng khiếu, cha mẹ phải biết phát hiện, khuyến khích tạo mọi điều kiện để ươm mầm tài năng. Việc chăm sóc phát triển trí tuệ cho trẻ có quan hệ chặt chẽ với việc giáo dục, xã hội hóa trẻ em. Gia đình phải là trường học đầu tiên và suốt đời của mỗi con người. Gia đình thực hiện chức năng giáo dục thông qua ba giai đoạn phát triển của trẻ: từ 1-3 tuổi, từ 3-6 tuổi và từ 6-18 tuổi. Cả ba giai đoạn trên, trẻ nhận được sự giáo dục, dạy dỗ của gia đình, chịu ảnh hưởng các chuẩn mực trong gia đình và dần dần tiếp cận các chuẩn mực

ngoài xã hội. Để thực hiện tốt chức năng giáo dục, mỗi thành viên trong gia đình tùy thuộc vị trí của mình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị) phải trở thành những tấm gương sáng cho con trẻ học tập, làm theo. Những hành vi mà trẻ tiếp nhận, học tập trong gia đình không chỉ là những kinh nghiệm của người lớn mà bằng cả những tình cảm của những người thân yêu nhất. Gia đình thông qua thái độ, tình cảm, tâm lý, mối liên hệ thường xuyên bền vững với trẻ, khéo léo truyền thụ cho trẻ những hành vi ứng xử trong nhà và ngoài xã hội. Không thể có sự hình thành và phát triển nhân cách đầy đủ và hoàn thiện nếu không có một môi trường giáo dục gia đình thuận lợi. Các nhà nghiên cứu về trẻ em đưa ra lời khuyên, gia đình cần dựa vào độ tuổi để tiến hành phương pháp giáo dục trẻ. Cần tạo cho trẻ những kỷ ức tuổi thơ đẹp để trong suốt quá trình trưởng thành, trẻ sẽ không lo sợ khi có những điều tồi tệ đang đợi ở phía trước. Giúp trẻ gạt bỏ những khó khăn trong việc thích nghi với môi trường mới, khuyến khích trẻ độc lập giải quyết các vấn đề. Giáo dục trẻ trở thành một người giàu lòng yêu thương. Cho trẻ cơ hội thể hiện cảm xúc khi trẻ cảm thấy khó xử ở những môi trường mà trẻ giao tiếp. Muốn làm được những điều trên, cha mẹ nên chủ động trang bị cho mình những hiểu biết nhất định về tâm sinh lý trẻ em, trở thành chỗ dựa vững chắc cho trẻ trước những khúc mắc.

Với trẻ dậy thì sớm, cha mẹ cần hướng dẫn những kỹ năng phòng vệ cho trẻ không chỉ với người lạ mà cả người thân quen, giải thích cho trẻ biết thế nào là hành vi quấy rối tình dục, xâm hại tình dục để trẻ hiểu mình có quyền được phản kháng những hành vi đó, bất kể người kia là ai. Trẻ phải biết nói không và tránh xa người đó. Cần tạo môi trường tốt cho trẻ, xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, kết bạn với trẻ, xây dựng một sự gắn bó thật sự thân thiết, có thể trao đổi với trẻ mọi điều ngay từ khi trẻ còn nhỏ, tránh áp đặt trẻ, can thiệp, cấm đoán hoặc theo dõi kiểm soát trẻ một cách quá chặt chẽ. Cần lắng nghe để biết diễn biến tâm lý của trẻ trong hoàn cảnh cụ thể, qua đó, phát hiện những dấu hiệu khác thường để đồng hành với trẻ. Cố gắng định hướng cho trẻ những giá trị sống đích thực để trẻ vươn tới, chú ý đưa ra những định hướng để trẻ lựa chọn và kết bạn.

2. Vai trò của nhà trường và các trung tâm bảo vệ quyền trẻ em

Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 khuyến khích mọi trẻ em tham gia thực hiện quyền trẻ em và cung cấp các hỗ trợ cần thiết cho việc này. Mặc dù là “người dễ bị tổn thương cần có sự bảo vệ và trợ giúp của gia đình, xã hội và nhà nước”, nhưng mỗi trẻ em có thể “hình thành và bày tỏ ý kiến, tham gia vào quá trình đưa ra quyết định và tạo ảnh hưởng tới các giải pháp,

can thiệp trong vai trò là người cộng tác trong quá trình thay đổi xã hội và xây dựng dân chủ. Tuy nhiên những người xung quanh trẻ em, đặc biệt là cha mẹ hoặc người giám hộ, người chăm sóc và thầy cô giáo nên bảo đảm sự tham gia như vậy được thúc đẩy theo cách không ảnh hưởng tiêu cực tới những lợi ích và sự phát triển của trẻ em.

Có nhiều lý do khiến sự tham gia của trẻ em trở nên quan trọng. Trước tiên, sự tham gia của trẻ em cải thiện quá trình đưa ra quyết định của các tổ chức và chính phủ. Sự tham gia của trẻ em giúp bảo đảm các quyết định này đáp ứng nhu cầu thực sự về mối quan tâm của trẻ em như các em đã bày tỏ chứ không phải người lớn giả định. Trẻ em có những mối quan tâm, nhu cầu và mong muốn khác so với người lớn, trẻ em có thể không tạo được ảnh hưởng đối với các quyết định trừ khi có những nỗ lực tạo điều kiện cho các em làm được điều này. Hơn nữa, sự tham gia của trẻ em trong một số tình huống nhất định có thể nêu lên ý kiến về vấn đề của mình. Sự tham gia của trẻ cũng mang lại những lợi ích cụ thể cho nhóm trẻ em bị sao nhãng và trẻ em nghèo phương tiện để nói lên tiếng nói của mình. Sự tham gia của trẻ em cũng ghi nhận thay đổi từ quan điểm trẻ em “là người hưởng lợi” từ các can thiệp của người lớn sang quan điểm tôn trọng nguyên tắc trẻ em cũng có quyền. Đồng thời, sự tham gia là một phương tiện quan trọng để trẻ em được sống trong xã hội như những công dân

năng động, góp phần thay đổi mối quan hệ quyền lực giữa trẻ em và người lớn.

Việt Nam phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 đã tạo cơ sở pháp lý quốc tế cho việc bảo vệ quyền trẻ em ở Việt Nam đồng thời làm thay đổi nhiều hoạt động bảo đảm có hiệu quả quyền của trẻ em.

Thực tế cho thấy, có thể xuất hiện những rào cản về sự tham gia của trẻ vì mấy nguyên nhân sau:

- Trẻ em chưa nhận thức được vai trò của mình;
- Trẻ không thể hiện được hết khả năng của mình;
- Trẻ còn non nớt, thiếu kinh nghiệm;
- Kiến thức của trẻ chưa tương đồng với sự tham gia;
- Trẻ em còn nhút nhát, thiếu tự tin, không biết mình muốn gì;
- Trẻ sẽ làm mất thời gian của người lớn;
- Trẻ hay buồn bực và đòi hỏi thái quá;
- Bị áp đặt ý kiến theo người lớn;
- Nhiều người chưa nhận thức đúng và hỗ trợ sự tham gia của trẻ;
- Kinh tế gia đình khó khăn, người lớn ít có thời gian quan tâm tới trẻ;
- Người lớn chưa tin tưởng vào trẻ;
- Sự tham gia của trẻ còn hình thức, không thực chất;
- Phụ huynh không có nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất;
- Thói quen gia trưởng của người lớn;

- Thiếu phương pháp để thúc đẩy trẻ hứng thú tham gia.

Tóm lại, muốn trẻ tham gia phát huy quyền của mình, các tổ chức truyền thông cần giải thích, thuyết phục cha mẹ, người giám hộ, chỉ ra lợi ích khi cho trẻ tham gia thực hiện quyền. Tìm hiểu lý do tại sao phụ huynh không cho phép trẻ tham gia thực hiện quyền, hỗ trợ, giúp đỡ trẻ hoàn thành bổn phận, tổ chức các hoạt động để trẻ tham gia và đánh giá kết quả tham gia. Nếu sự tham gia của trẻ không mang lại kết quả, cần nâng cao nhận thức; tuyên truyền, giải thích cho người lớn biết là trẻ em có khả năng làm việc này. Với những trẻ em không thích tham gia, cần tìm cách thu hút thông qua việc tổ chức hoạt động phong phú, hấp dẫn, phù hợp với sở thích, nhu cầu, độ tuổi của trẻ. Tổ ra thân thiện, cởi mở, lắng nghe, thấu hiểu trẻ. Nếu trẻ còn nhút nhát, thiếu tự tin, không biết mình muốn gì, cần tổ chức nhiều hoạt động phong phú, sinh động, phù hợp để thu hút, tạo niềm tin cho trẻ. Việc tập huấn cho trẻ các kỹ năng cần thiết sẽ tạo nhiều cơ hội để trẻ tham gia các hoạt động tại nhà trường, gia đình, cộng đồng và xã hội.

Giúp trẻ hiểu về quyền trẻ em và kỹ năng sống. Nếu trẻ không hiểu biết đầy đủ về sự cần thiết và quyền được tham gia, cần cung cấp thông tin, tuyên truyền Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989. Giải thích, thuyết phục, chỉ ra lợi

ích cho trẻ khi trẻ tham gia, quan tâm lắng nghe và hỗ trợ trẻ khi cần thiết.

Một số phương pháp, hình thức khuyến khích sự tham gia của trẻ thường là:

- Kể chuyện;
- Xem phim và thảo luận;
- Đọc và làm theo báo Đội;
- Dã ngoại;
- Tham quan;
- Trình bày sản phẩm của trẻ;
- Đối thoại;
- Nặn tạo hình;
- Tư vấn;
- Sắm vai;
- Trò chơi;
- Động não;
- Hội thi;
- Thảo luận nhóm;
- Quan sát;
- Báo tường;
- Diễn đàn;
- Động viên khen thưởng;
- Vẽ tranh;
- Hội thảo.

Muốn giao tiếp tốt với trẻ, giúp trẻ hiểu và tham gia thực hiện quyền, cần tạo không khí thân thiện, gần gũi, phù hợp với tình huống giao tiếp. Tìm hiểu xem trẻ nghĩ/muốn gì để biết được nhu cầu và khả năng của trẻ. Lắng nghe trẻ và đưa ra

nội dung giao tiếp gần với những điều trẻ quan tâm, tạo nhiều hoạt động phù hợp với trẻ, động viên khuyến khích trẻ kịp thời, sử dụng phương pháp phù hợp với đối tượng, lứa tuổi, không lấn át, ngắt lời khi trẻ nói, đặt mình vào hoàn cảnh của trẻ để thấu hiểu, chia sẻ, nêu câu hỏi gợi mở, tránh những câu đánh giá, nhận xét, phỏng vấn, tránh giao tiếp với trẻ theo kiểu trích thượng “người lớn - trẻ em”, giải thích cặn kẽ những điều trẻ muốn tìm hiểu, gạt đầu thể hiện sự lắng nghe, không ép buộc trẻ phải trả lời những điều trẻ không muốn nói, giữ lời hứa với trẻ.

Tạo khoảng cách gần gũi, tránh khoảng cách về chiều cao khi giao tiếp với trẻ, luôn tươi cười khi trò chuyện với trẻ, nhìn vào trẻ khi trẻ nói, nói chậm, rõ, vừa đủ để trẻ kịp tiếp thu, dùng các hình thức khác nhau để tạo điều kiện cho trẻ dễ bộc lộ ý kiến, quan điểm như vẽ tranh, trò chơi, kể chuyện...

Muốn bảo đảm trẻ em được tham gia một cách tự nguyện, nên đối xử bình đẳng với mọi trẻ và các nhóm trẻ, bảo đảm trẻ được cung cấp đầy đủ thông tin và được hướng dẫn cách sử dụng thông tin, giữ bí mật cá nhân và sự riêng tư của trẻ.

Tránh đặt trẻ vào tình trạng có nguy cơ, rủi ro, không an toàn khi tham gia. Công nhận sự đóng góp của trẻ. Phản hồi tích cực và có các hoạt động đáp ứng nhu cầu và mong muốn của trẻ.

Điều kiện bảo đảm sự tham gia của trẻ dựa trên các nguyên tắc:

- Dân chủ và công bằng;
- Không phán xét;
- Sử dụng phương pháp và cách tiếp cận thích hợp;
- Sử dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp và kỹ năng dẫn trình;
- Thúc đẩy sự tác động tương tác giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ và tập huấn viên/người lớn;
- Bảo đảm các điều kiện và phương tiện cần thiết cho trẻ tham gia;
- Huy động các bên liên quan và những người lớn có liên quan khác.

Khi xem xét việc trẻ tham gia, không chỉ chú ý đến mức độ của sự tham gia mà còn phải quan tâm đến chất lượng và hiệu quả của sự tham gia của trẻ. Điều quan trọng hơn là xác định được ý nghĩa của sự tham gia cũng như ảnh hưởng của sự tham gia đó đối với trẻ.

Việc trẻ tham gia thực hiện quyền khiến một số lượng nhỏ cá nhân trẻ em được hưởng lợi từ sáng kiến, các em được trưởng thành và phát triển. Cuộc tham khảo ý kiến trẻ em có một ảnh hưởng lâu dài đối với các quy định mới của nhà trường. Nhiều trẻ em sẽ được hưởng lợi từ những quy định mới đó bởi môi trường học thân thiện với trẻ.

Đối với một số trẻ em, quá trình tham khảo ý kiến có thể là một cơ hội để mở mang kiến thức,

nâng cao nhận thức của các em về môi trường học tập. Một số trẻ em sẽ trở nên tự tin và tự trọng bởi các em được hỏi ý kiến và ý kiến của các em được người lớn xem xét một cách nghiêm túc. Những em được chọn đại diện cho lớp của mình có thể được hưởng lợi vì bản thân được phát triển và trưởng thành hơn.

Trẻ được thông báo về mục đích của việc tham khảo ý kiến. Tất cả trẻ em có cơ hội tham gia vào quá trình tọa đàm, có cơ hội bày tỏ ý kiến, nhận xét về bản báo cáo phân tích của các cuộc tọa đàm tham khảo ý kiến trẻ.

Ngay từ buổi đầu, trẻ được thông báo về mục đích và quá trình của buổi tọa đàm. Trẻ được quyền nhận xét về báo cáo phân tích đầu tiên, sau đó trẻ được phản hồi lại về kết quả của các cuộc tọa đàm. Như vậy, sự tham gia của trẻ khiến môi trường học tập được cải thiện, một số lượng nhỏ cá nhân trẻ em được hưởng lợi từ sáng kiến, các em được tự trưởng thành và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3.
3. Hiến pháp năm 1946.
4. Hiến pháp năm 1959.
5. Hiến pháp năm 1980.
6. Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001.
7. Hiến pháp năm 2013.
8. Bộ luật Dân sự năm 2015.
9. Bộ luật Lao động năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2015.
10. Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014, 2015.
11. Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.
12. Luật Nuôi con nuôi năm 2010.
13. Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.
14. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018.

15. Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989.
16. Công ước số 138 của Tổ chức Lao động quốc tế.
17. Tuyên bố của Hội quốc liên về quyền trẻ em năm 1924.
18. Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1959.
19. Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948.
20. Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và phương hướng phát triển giáo dục từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010.
21. Bộ Ngoại giao Việt Nam - Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/ctc_quocte/un/nr040819155753/nr060928111253/ns070731090359.
22. Hoàng Lan Anh: *Bảo đảm quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam – Luận văn, 2014*, <http://www.fdv.vn/wp-content/uploads/2017/08/Luan-van-Bao-ve-quyen-con-nguoi-theo-Hien-phap-Viet-Nam.pdf>.
23. Hoàng Minh Tuân: Hoàn thiện hệ thống tư pháp cho người chưa thành niên ở một số nước và những nội dung có thể tham khảo, trang web của Trung tâm tư vấn pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh - Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, http://nguoibaovequyenloi.com/user/thongtin_ChiTiet.aspx?MaTT=168201672110123641&MAMT=26

24. Mạng lưới nhân viên công tác xã hội Việt Nam: *Tình hình triển khai luật pháp, chính sách về người khuyết tật đạt được nhiều tiến bộ*, <http://congtacxahoi.net/tinh-hinh-trien-khai-luat-phap-chinh-sach-ve-nguoi-khuyet-tat-dat-duoc-nhieu-tien-bo>.
25. Quỹ bảo trợ trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: *"Hỏi đáp về Công ước quyền trẻ em"*, http://www.nfvc.org.vn/kien-thuc-tre-em/hoi-dap-ve-cong-uoc-quyen-tre-em_t114c77#.W5pyWh_gLIU
26. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp: *Tăng cường năng lực tư pháp người chưa thành niên tại Việt Nam*, Thông tin khoa học pháp lý.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
I. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ QUYỀN TRẺ EM	11
1. Khái niệm quyền	11
2. Vấn đề trẻ em trong lịch sử phát triển của nhân loại	14
II. KHÁI NIỆM TRẺ EM VÀ QUYỀN TRẺ EM	27
1. Khái niệm trẻ em	27
2. Xác định quyền trẻ em	28
III. CÁC NGUYÊN TẮC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN TRẺ EM	30
IV. CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ QUYỀN TRẺ EM NĂM 1989	35
1. Các quy định của Công ước	35
2. Các nhóm quyền cơ bản của trẻ em theo quy định của Công ước	75
V. THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM Ở VIỆT NAM	97
1. Quá trình thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam	97
2. Chăm sóc hỗ trợ nhóm trẻ đặc biệt	128

VI. CÁCH THỨC GIÚP TRẺ HIỂU BIẾT VÀ THAM GIA THỰC HIỆN QUYỀN	156
1. Vai trò của gia đình	156
2. Vai trò của nhà trường và các trung tâm bảo vệ quyền trẻ em	159
TÀI LIỆU THAM KHẢO	167

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
PGS. TS. VŨ TRỌNG LÂM
TỔNG BIÊN TẬP NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ
TS. LÊ QUANG KHÔI

Biên tập nội dung: ThS. VẦN THỊ THANH HƯƠNG
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH
VŨ THỊ THU NGÂN

Trình bày bìa: ĐẶNG THU CHỈNH
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in: HỒNG QUÝ - THU PHƯƠNG
Đọc sách mẫu: PHƯƠNG ANH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT; Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH
CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

- HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (HIỆN HÀNH)
- LUẬT TRẺ EM



SÁCH KHÔNG BÁN